

MỤC LỤC

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	3
Điều 2. Đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ	3
Chương II TUYỂN SINH.....	4
Điều 3. Thời gian và phương thức tuyển sinh	4
Điều 4. Đề án tuyển sinh và thông báo tuyển sinh	4
Điều 5. Các chuyên ngành tuyển sinh	4
Điều 6. Điều kiện dự tuyển.....	4
Điều 7. Hồ sơ dự tuyển.....	6
Điều 8. Hội đồng tuyển sinh.....	6
Điều 9. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh.....	7
Điều 10. Ban Chuyên môn	7
Điều 11. Quy trình tổ chức xét tuyển nghiên cứu sinh.....	8
Điều 12. Tổ chức nhập học và khai giảng	8
Chương III TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO	9
Điều 13. Thời gian, hình thức và ngôn ngữ đào tạo	9
Điều 14. Quy trình lập kế hoạch đào tạo và công nhận người hướng dẫn	9
Điều 15. Quy trình đề xuất đề tài nghiên cứu.....	9
Điều 16. Chương trình đào tạo	10
Điều 17. Thời gian thực hiện chương trình đào tạo.....	10
Điều 18. Những thay đổi trong quá trình đào tạo.....	12
Chương IV TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN	14
Điều 19. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.....	14
Điều 20. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh.....	14
Điều 21. Nhiệm vụ và quyền của nghiên cứu sinh.....	15
Điều 22. Trách nhiệm của Khoa.....	16
Điều 23. Trách nhiệm của Bộ môn.....	17
Điều 24. Trách nhiệm của Viện Đào tạo sau đại học	17
Chương V LUẬN ÁN TIẾN SĨ VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN	20
Điều 25. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ.....	20
Điều 26. Đánh giá luận án cấp cơ sở	20
Điều 27. Phản biện độc lập luận án	22

Điều 28. Đánh giá luận án cấp trường	23
Điều 29. Đánh giá luận án theo chế độ mật.....	25
 Chương VI THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ.....	27
Điều 30. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án	27
Điều 31. Xử lý kết quả thẩm định luận án.....	28
Điều 32. Cấp bằng tiến sĩ.....	28
 Chương VII KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM ...	30
Điều 33. Khiếu nại, tố cáo	30
Điều 34. Xử lý vi phạm	30
 Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN	31
Điều 35. Quy định chuyển tiếp.....	31
 PHỤ LỤC	33
 CÁC MẪU VĂN BẢN SỬ DỤNG TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ	87

QUY ĐỊNH

Đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTQD ngày / /2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)*

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (sau đây gọi tắt là Trường), bao gồm: Những quy định chung về đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường; tuyển sinh; chương trình đào tạo; tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của cá nhân và các đơn vị liên quan; luận án, đánh giá và bảo vệ luận án; thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án và cấp bằng tiến sĩ; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Văn bản này áp dụng đối với các Viện, Phòng, Khoa, Bộ môn của Trường và các giảng viên, nhà khoa học, người dự tuyển, nghiên cứu sinh (sau đây viết tắt là NCS) tham gia vào quá trình tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 3. Thời gian và phương thức tuyển sinh

1. Mỗi năm Trường tổ chức một hoặc nhiều kỳ tuyển sinh tùy theo kế hoạch cụ thể của năm tuyển sinh.
2. Phương thức tuyển sinh là xét tuyển thông qua đánh giá hồ sơ dự tuyển và trình bày đề cương nghiên cứu theo quy định tại Điều 11.

Điều 4. Đề án tuyển sinh và thông báo tuyển sinh

1. Đề án tuyển sinh trình độ tiến sĩ được xây dựng định kỳ 5 năm/lần hoặc khi có thay đổi lớn trong nội dung của Đề án, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin về phương thức tuyển sinh, thời gian tổ chức tuyển sinh, các điều kiện đảm bảo chất lượng và những thông tin cần thiết khác theo mẫu tại Phụ lục 1.
2. Trước khi Trường tổ chức xét tuyển ít nhất 3 tháng, thông báo tuyển sinh trình độ tiến sĩ được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường (<http://neu.edu.vn/>), website cấp II Viện Đào tạo Sau đại học (<http://sdh.neu.edu.vn/>) và được gửi đến các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu, cơ quan quản lý trung ương, địa phương trong cả nước. Thông báo tuyển sinh phải phù hợp với Đề án tuyển sinh của Trường và đảm bảo các nội dung theo quy định tại Phụ lục 2.

Điều 5. Các ngành/chuyên ngành tuyển sinh

Danh mục các ngành/chuyên ngành (sau đây gọi chung là chuyên ngành) tuyển sinh và đào tạo của Trường xem tại Phụ lục 3. Danh mục này có thể được điều chỉnh và bổ sung theo các quyết định mở chuyên ngành đào tạo tiến sĩ (hoặc thu hồi quyết định mở chuyên ngành) của Trường.

Điều 6. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển trình độ tiến sĩ. Danh mục các chuyên ngành đại học và thạc sĩ được coi là phù hợp với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ được quy định tại Phụ lục 4. Các bằng tốt nghiệp thuộc chuyên ngành không có trong danh mục này nhưng có chuyên môn gần với chuyên ngành đăng ký dự tuyển được Hội đồng Tuyển sinh xem xét cụ thể sau khi người dự tuyển nộp hồ sơ.
2. Là tác giả của 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu, đăng trên tạp chí khoa học có trong danh mục được Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước tính điểm công trình (xem Phụ lục 30), hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc gia, quốc tế có mã số ISBN, trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.
3. Có đề cương nghiên cứu (khoảng 3.000 từ), gồm những nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên đề tài hoặc hướng nghiên cứu của người dự tuyển;

- b. Đề xuất người hướng dẫn đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 20;
- c. Lý do lựa chọn tên đề tài/hướng nghiên cứu;
- d. Tổng quan công trình khoa học đã được công bố về đề tài/hướng nghiên cứu được lựa chọn;
- đ. Mục tiêu nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu;
- e. Phương pháp nghiên cứu dự kiến thực hiện;
- g. Dự kiến đóng góp của nghiên cứu;
- h. Giới thiệu tóm tắt về mục tiêu và đóng góp của bài báo đã công bố của người dự tuyển theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Đề cương nghiên cứu của người dự tuyển phải có xác nhận của người được đề xuất hướng dẫn. Người hướng dẫn được đề xuất phải nằm trong danh sách các nhà khoa học có thể nhận hướng dẫn NCS được nêu trong thông báo tuyển sinh.

4. Có thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

Thư giới thiệu phải có những nội dung sau:

- a. Bối cảnh hợp tác hoạt động chuyên môn của người giới thiệu với người dự tuyển;
- b. Các nhận xét, đánh giá của người giới thiệu về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển (phẩm chất đạo đức, năng lực hoạt động chuyên môn, phương pháp làm việc, khả năng nghiên cứu, triển vọng phát triển về chuyên môn...).

5. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

- a. Bằng tốt nghiệp đại học trở lên do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

- b. Bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- c. Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

- d. Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (xem *Phụ lục 5.1*) theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có chứng

chỉ trình độ tiếng Anh bậc 3/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (xem *Phụ lục 5.2*) trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

6. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a. Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do một cơ sở đào tạo Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian tại Việt Nam;

b. Chứng chỉ trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

Riêng trường hợp người dự tuyển là công dân nước ngoài nhưng đăng ký thực hiện luận án tiến sĩ bằng tiếng Anh thì tuân theo quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Được giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ bởi cơ quan quản lý nhân sự (đối với người đã có việc làm) hoặc cơ sở đào tạo (nơi sinh viên vừa tốt nghiệp); hoặc được xác nhận nhân thân bởi chính quyền địa phương nơi cư trú (đối với người làm nghề tự do). Riêng người dự tuyển là công dân nước ngoài có thể được giới thiệu bởi cơ quan quản lý nhân sự, cơ sở đào tạo bậc đại học/thạc sĩ hoặc đại sứ quán.

Điều 7. Hồ sơ dự tuyển

Hồ sơ dự tuyển phải thể hiện người dự tuyển đáp ứng đầy đủ các quy định tại Điều 6. Yêu cầu cụ thể về hồ sơ dự tuyển được quy định tại *Phụ lục 6*.

Điều 8. Hội đồng tuyển sinh

1. Hội đồng tuyển sinh do Hiệu trưởng thành lập trước kỳ tuyển sinh, gồm chủ tịch, các phó chủ tịch, ủy viên thường trực và các ủy viên. Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh chị em ruột của bản thân hoặc của vợ/chồng) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: thông báo tuyển sinh; tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; báo cáo kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

a. Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh;

b. Quyết định và chịu trách nhiệm toàn bộ các mặt công tác liên quan đến tuyển sinh; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn được người dự tuyển có động lực, năng lực, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu, theo chỉ tiêu đào tạo và các hướng nghiên cứu của Trường;

c. Quyết định thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh bao gồm Ban Thư ký và Ban Chuyên môn. Các ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của phó chủ tịch, ủy viên thường trực và các ủy viên: Giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc tổ chức và giám sát thực hiện các công tác liên quan đến tuyển sinh.

Điều 9. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

1. Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có:
 - a. Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm;
 - b. Các ủy viên bao gồm các chuyên viên của Viện Đào tạo Sau đại học và các cán bộ, giảng viên của Trường được huy động tham gia vào kỳ tuyển sinh.
2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh:
 - a. Nhận và xử lý hồ sơ của người dự tuyển; thu lệ phí dự tuyển;
 - b. Gửi danh sách trích ngang những người đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của người dự tuyển tới Khoa (hoặc Viện hoặc các đơn vị trực thuộc Trường có chuyên ngành đào tạo tiến sĩ, sau đây gọi chung là Khoa);
 - c. Hỗ trợ Ban chuyên môn trong việc tổ chức xét tuyển;
 - d. Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các tiểu ban chuyên môn, tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh xem xét;
 - đ. Gửi thông tin về thời gian và kết quả xét tuyển cho người dự tuyển.
3. Trách nhiệm của Trưởng Ban Thư ký: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

Điều 10. Ban Chuyên môn

1. Thành phần và trách nhiệm của Ban Chuyên môn
 - a. Thành phần Ban chuyên môn gồm có:
 - Trưởng ban: do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm;
 - Ủy viên thường trực: là Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học;
 - Các ủy viên: bao gồm Trưởng Khoa (hoặc Viện trưởng hoặc người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Trường có chuyên ngành đào tạo tiến sĩ, sau đây gọi chung là Trưởng Khoa).
 - b. Trách nhiệm của Ban Chuyên môn là đề xuất Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thành lập các tiểu ban chuyên môn xét tuyển người dự tuyển và hướng dẫn các tiểu ban chuyên môn tổ chức xét tuyển người dự tuyển theo quy định.
2. Thành phần và nhiệm vụ của tiểu ban chuyên môn xét tuyển người dự tuyển
 - a. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển người dự tuyển gồm 3 thành viên: trưởng tiểu ban, ủy viên thư ký và ủy viên. Tiêu chuẩn của thành viên tiểu ban chuyên môn là có trình độ tiến sĩ trở lên và có ít nhất 02 bài báo hoặc báo cáo đăng trên tạp chí khoa học có trong danh mục được Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước tính điểm công trình (xem *Phụ lục 30*), hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế có mã số ISBN, thuộc lĩnh vực khoa học liên quan đến chuyên ngành đăng ký dự tuyển của người dự tuyển.

b. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét hồ sơ dự tuyển và phỏng vấn người dự tuyển, nhằm đánh giá tư duy và thái độ khoa học của người dự tuyển theo thang điểm đánh giá, gửi kết quả về Ban Thư ký tổng hợp để báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

Điều 11. Quy trình tổ chức xét tuyển nghiên cứu sinh

1. Sau khi kết thúc thời hạn nhận hồ sơ dự tuyển NCS, Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh tổng hợp hồ sơ dự tuyển, báo cáo Hội đồng tuyển sinh. Căn cứ hướng nghiên cứu của người dự tuyển, Trưởng Khoa (đại diện Ban Chuyên môn) đề xuất danh sách thành viên tiểu ban chuyên môn xét tuyển người dự tuyển thuộc chuyên ngành do Khoa quản lý, gửi Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh rà soát trước khi trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ra quyết định thành lập tiểu ban chuyên môn. Mỗi chuyên ngành có thể có một hoặc nhiều tiểu ban chuyên môn xét tuyển người dự tuyển.

2. Sau khi có Quyết định thành lập tiểu ban chuyên môn, Ban chuyên môn chỉ đạo việc gửi hồ sơ của người dự tuyển cho các thành viên tiểu ban, hướng dẫn các tiểu ban chuyên môn về quy định xét tuyển và sắp xếp lịch họp tiểu ban để thông báo cho Ban Thư ký.

3. Ban chuyên môn tổ chức các buổi họp Tiểu ban chuyên môn để đánh giá hồ sơ và phỏng vấn người dự tuyển. Điểm đánh giá hồ sơ dự tuyển có trọng số 0,6; điểm phỏng vấn có trọng số 0,4 trong tổng số điểm xét tuyển. Quy định cụ thể về thang điểm và trình tự đánh giá trong xét tuyển người dự tuyển xem tại Phụ lục 7.

4. Tiểu ban chuyên môn tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, gửi toàn bộ phiếu đánh giá và biên bản tổng hợp cho từng người dự tuyển về Ban chuyên môn rà soát, kiểm tra trước khi chuyển cho Ban thư ký tổng hợp.

5. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh tổng hợp kết quả đánh giá của các tiểu ban chuyên môn, lập báo cáo phương án xét tuyển, trình Hội đồng tuyển sinh.

6. Căn cứ kết quả đánh giá của tiểu ban chuyên môn và chỉ tiêu tuyển sinh phân bổ cho từng chuyên ngành (dựa trên số lượng hồ sơ đăng ký dự tuyển và năng lực đào tạo của các chuyên ngành), Hội đồng tuyển sinh xác định danh sách trúng tuyển, trình Hiệu trưởng phê duyệt (Mẫu B8).

7. Người trúng tuyển phải có điểm mỗi phần (đánh giá hồ sơ và phỏng vấn) đạt từ 50% trở lên so với tổng số điểm tối đa, và nằm trong danh sách những người có điểm cao nhất từ trên xuống dưới cho đến hết chỉ tiêu tuyển sinh của chuyên ngành.

Điều 12. Tổ chức nhập học và khai giảng

1. Căn cứ danh sách trúng tuyển NCS đã được Hiệu trưởng phê duyệt, Viện Đào tạo Sau đại học gửi giấy báo nhập học đến những người trúng tuyển.

2. Sau khi người trúng tuyển đăng ký nhập học chính thức, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận NCS (Mẫu B9).

3. Viện Đào tạo Sau đại học xây dựng kế hoạch đào tạo tổng thể của khóa, chuyển danh sách NCS chính thức về Khoa và tổ chức lễ khai giảng trong thời hạn tối đa 6 tháng kể từ ngày bắt đầu tổ chức xét tuyển.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 13. Thời gian, hình thức và ngôn ngữ đào tạo

1. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ (kể từ khi có quyết định công nhận NCS) là 3 năm học đối với người có bằng thạc sĩ và 4 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp đại học (chưa có bằng thạc sĩ).
2. Việc tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy, NCS phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có quyết định công nhận NCS.
3. Ngôn ngữ sử dụng trong học tập, viết và bảo vệ luận án tiến sĩ bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Việc tổ chức giảng dạy và đánh giá luận án tiến sĩ bằng tiếng Anh phụ thuộc quy mô đào tạo và các quy định về tài chính của Trường.

Điều 14. Quy trình lập kế hoạch đào tạo và công nhận người hướng dẫn

1. Sau khi có Quyết định công nhận NCS, căn cứ hướng nghiên cứu dự kiến của NCS, Khoa xác định Bộ môn sinh hoạt khoa học cho NCS. Căn cứ các kết luận của tiểu ban chuyên môn xét tuyển người dự tuyển, Khoa tổ chức họp với Bộ môn và NCS để xây dựng và thống nhất kế hoạch học tập, nghiên cứu của NCS, xem xét điều chỉnh hoặc bổ sung người hướng dẫn cho NCS (nếu cần) theo quy định tại Điều 20. Trong thời gian 2 tuần kể từ ngày khai giảng, Trưởng Khoa gửi văn bản đề xuất bộ môn sinh hoạt khoa học và người hướng dẫn cho NCS tới Viện Đào tạo Sau đại học (Mẫu C1).
2. Căn cứ văn bằng tốt nghiệp và các học phần NCS đã học ở trình độ đại học (và thạc sĩ), Bộ môn phối hợp với người hướng dẫn và NCS xác định các học phần bổ sung cho NCS (nếu cần) theo quy định tại khoản 4 Điều 16. Trong thời gian 1 tháng kể từ ngày khai giảng, Trưởng Bộ môn gửi văn bản đề xuất các học phần bổ sung ở trình độ thạc sĩ cho NCS tới Viện Đào tạo Sau đại học (Mẫu C2).
3. Căn cứ đề xuất của Bộ môn, Viện Đào tạo Sau đại học trình Hiệu trưởng ký Quyết định công nhận người hướng dẫn (Mẫu C3) và Quyết định giao nhiệm vụ học tập các học phần bổ sung (Mẫu C4) cho NCS.

Điều 15. Quy trình đề xuất nghiên cứu

1. Trong thời gian 6 tháng kể từ ngày ký Quyết định công nhận NCS, các NCS hoàn thành bản đề xuất nghiên cứu (Mẫu C5) với sự hỗ trợ của người hướng dẫn và Bộ môn, và gửi cho Viện Đào tạo Sau đại học.
2. Viện Đào tạo Sau đại học gửi bản đề xuất nghiên cứu để lấy ý kiến của hai nhà khoa học đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3 Điều 26 và tổ chức các buổi họp giữa NCS, người hướng dẫn và các nhà khoa học phản biện để trực tiếp trao đổi, góp ý cho bản đề xuất nghiên cứu của NCS.
3. Sau buổi họp, NCS chỉnh sửa bản đề xuất nghiên cứu với sự hỗ trợ của người hướng dẫn và báo cáo cho Bộ môn. Bộ môn gửi văn bản đề xuất tên đề tài của NCS tới Hiệu trưởng (qua Viện Đào tạo Sau đại học, Mẫu C6) kèm theo bản đề xuất nghiên cứu của NCS.

4. Viện Đào tạo Sau đại học thực hiện kiểm tra, rà soát để đảm bảo nội dung và hình thức bản đề xuất nghiên cứu đạt các yêu cầu theo quy định trước khi trình Hiệu trưởng ký Quyết định công nhận tên đề tài luận án (Mẫu C7).

Điều 16. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ có khối lượng học tập, nghiên cứu tối thiểu 90 tín chỉ đối với NCS có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với NCS có bằng tốt nghiệp đại học.

2. Chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Khung trình độ quốc gia).

3. Kết cấu chương trình đào tạo bao gồm: các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, các chuyên đề tiến sĩ, nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

4. Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để học tập, nghiên cứu các học phần ở trình độ tiến sĩ và thực hiện đề tài nghiên cứu. Quy định cụ thể về các học phần bổ sung xem tại Phụ lục 8.

5. Các học phần ở trình độ tiến sĩ được tổ chức giảng dạy dưới dạng chuyên đề, nhằm giúp NCS nâng cao trình độ lý thuyết chuyên ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu. Mỗi NCS phải hoàn thành từ 3 đến 6 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng từ 8 đến 14 tín chỉ. Số lượng học phần, tên gọi và nội dung giảng dạy của từng học phần do Hiệu trưởng quyết định dựa trên tư vấn của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường. Quy định cụ thể về việc tổ chức giảng dạy các học phần ở trình độ tiến sĩ xem tại Phụ lục 9.

6. Tiểu luận tổng quan yêu cầu nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó chỉ ra khoảng trống nghiên cứu. Việc đánh giá tiểu luận tổng quan do người hướng dẫn chính (hoặc hướng dẫn độc lập) của NCS và một nhà khoa học đáp ứng các tiêu chuẩn tại khoản

3 Điều 26 do Bộ môn lựa chọn đảm nhiệm. Quy định cụ thể về nội dung, kết cấu và cách thức đánh giá tiểu luận tổng quan xem tại Phụ lục 10.

7. Chuyên đề tiến sĩ

a. Mỗi NCS phải hoàn thành 2 chuyên đề tiến sĩ, thông qua đó nâng cao năng lực nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài luận án tiến sĩ, nhằm giải quyết một số nội dung của đề tài luận án tiến sĩ. Mỗi chuyên đề phải thể hiện khả năng phát triển thành một công trình khoa học có thể công bố trên các tạp chí hoặc hội thảo khoa học theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 35.

b. Việc đánh giá các chuyên đề tiến sĩ của mỗi NCS được thực hiện bởi một Tiểu ban chấm chuyên đề tiến sĩ được thành lập theo Quyết định của Hiệu trưởng, gồm 1 trưởng tiểu ban và 2 ủy viên. Thành viên Tiểu ban chấm chuyên đề tiến sĩ phải đáp ứng các quy định tại khoản 3 Điều 26, trong đó một người hướng dẫn của NCS tham gia với tư cách ủy viên.

c. Quy định cụ thể về các chuyên đề tiến sĩ và quy trình tổ chức đánh giá chuyên đề tiến sĩ của NCS xem tại Phụ lục 11.

8. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

a. Nghiên cứu khoa học là giai đoạn đặc thù, mang tính bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ của NCS.

b. Hoạt động nghiên cứu khoa học của NCS tại Bộ môn có thể dưới các hình thức sinh hoạt khoa học, hợp tác nghiên cứu khoa học cùng các giảng viên trong Khoa, Bộ môn. Mỗi NCS phải trình bày kết quả nghiên cứu trước Bộ môn theo quy định tại khoản 5 Điều 21.

c. Hoạt động nghiên cứu khoa học của NCS ở cấp Trường bao gồm: đề xuất nghiên cứu theo quy định tại Điều 15, thực hiện tiểu luận tổng quan và 2 chuyên đề tiến sĩ theo quy định tại khoản 6 và 7 Điều này, tham gia các seminar khoa học do Trường tổ chức theo quy định tại Phụ lục 12, báo cáo kết quả nghiên cứu cấp trường sau 2 năm theo quy định tại Phụ lục 13 và công bố tối thiểu 2 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26.

d. Kết quả cuối cùng của quá trình nghiên cứu khoa học là luận án tiến sĩ hoàn chỉnh của NCS đáp ứng các quy định tại Điều 25, được người hướng dẫn, Bộ môn và Khoa đề nghị đưa ra bảo vệ ở Hội đồng đánh giá cấp cơ sở và Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

Điều 17. Thời gian thực hiện chương trình đào tạo

1. NCS được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu luận án đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua trong thời gian quy định tại khoản 1 Điều 13.

2. Trong trường hợp NCS không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết hạn, NCS phải gửi đơn xin gia hạn học tập (Mẫu C16). Việc xem xét gia hạn chỉ áp dụng đối với các NCS được Bộ môn và người hướng dẫn đồng ý cho gia hạn, NCS đã hoàn thành nghĩa vụ học phí trong thời gian đào tạo và nộp tối thiểu học phí gia hạn ba tháng. Hiệu trưởng ký Quyết định cho phép NCS gia hạn thời gian học tập, nghiên cứu (Mẫu C17) với thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng. Trong thời gian gia hạn, NCS phải học tập, nghiên cứu tập trung tại Trường và có trách nhiệm hoàn thành học phí gia hạn ngay khi nhận Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

3. Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của NCS không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua (bao gồm cả trường hợp cho phép đánh giá lại theo quy định tại khoản 6 Điều 28) thì Hiệu trưởng ký Quyết định dừng đào tạo NCS (Mẫu C18). Kết quả học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

4. NCS được rút ngắn thời gian học tập và đề nghị bảo vệ luận án tiến sĩ nếu hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định tại Điều 16.

Điều 18. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Thay đổi hoặc điều chỉnh tên đề tài luận án

a. Nếu thay đổi tên đề tài luận án, NCS cần gửi đơn đề nghị, có ý kiến của người hướng dẫn và Bộ môn (Mẫu C19) tới Viện Đào tạo Sau đại học. Viện Đào tạo Sau đại học gửi xin ý kiến hai nhà khoa học độc lập, đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại khoản 3 Điều 26, về mức độ thay đổi của tên đề tài.

Nếu hai nhà khoa học xác nhận rằng việc thay đổi tên đề tài luận án không dẫn đến thay đổi hướng nghiên cứu, thì Viện Đào tạo Sau đại học trình Hiệu trưởng ra quyết định cho phép NCS thay đổi tên đề tài luận án (Mẫu C20) theo đơn đề nghị của NCS.

Nếu hai nhà khoa học xác nhận rằng việc thay đổi tên đề tài luận án dẫn đến thay đổi hướng nghiên cứu thì NCS cần thực hiện lại toàn bộ các hoạt động được quy định tại điểm c khoản 8 Điều 16 đối với đề tài mới. Trong trường hợp này, nếu thời gian đào tạo của NCS (bao gồm thời gian gia hạn, nếu có) theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 17 còn ít nhất 1 năm, Viện Đào tạo Sau đại học trình Hiệu trưởng ra quyết định cho phép NCS thay đổi tên đề tài luận án (Mẫu C20) sau khi NCS hoàn thành quy trình đề xuất nghiên cứu theo quy định tại Điều 15 đối với đề tài mới.

b. Trong trường hợp NCS chỉ điều chỉnh từ ngữ hay phạm vi nghiên cứu trong tên đề tài, thì tên đề tài luận án cuối cùng của NCS được ghi rõ tại phần kết luận trong Biên bản của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

2. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khoá học theo quyết định công nhận NCS (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng như người hướng dẫn không còn khả năng hoặc tư cách pháp lý để hướng dẫn NCS, hoặc người hướng dẫn không còn là cán bộ, giảng viên cơ hữu của Trường (trong trường hợp là người hướng dẫn chính hoặc hướng dẫn độc lập).

Căn cứ đề nghị của NCS hoặc người hướng dẫn, Khoa gửi văn bản đề nghị bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn cho NCS (Mẫu C21). Hiệu trưởng ký Quyết định cho phép NCS bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn (Mẫu C22). Người hướng dẫn được bổ sung hoặc thay thế phải đảm bảo các điều kiện đối với người hướng dẫn, phải hoàn thành trách nhiệm của người hướng dẫn trong thời gian đào tạo còn lại của NCS.

3. Chuyển cơ sở đào tạo

a. NCS có thể chuyển từ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân sang cơ sở đào tạo khác nếu có lý do chính đáng về việc chuyển cơ sở đào tạo; thời hạn học tập của NCS còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận NCS; cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo chuyên ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ; việc chuyển cơ sở đào tạo được người hướng dẫn và Bộ môn đồng ý, và NCS được cơ sở xin chuyển đến đồng ý tiếp nhận.

b. NCS có thể chuyển từ cơ sở đào tạo khác tới Trường Đại học Kinh tế Quốc dân nếu có lý do chính đáng về việc chuyển cơ sở đào tạo, chuyên ngành đào tạo của NCS tại cơ sở đào tạo xin chuyển đi phù hợp với một trong các chuyên ngành đào tạo của Trường, thời hạn học tập của NCS còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận NCS, NCS đảm bảo các điều kiện về văn bằng, kinh nghiệm nghiên cứu, trình độ ngoại ngữ... theo yêu cầu tuyển sinh

đầu vào của Trường, việc chuyển cơ sở đào tạo được cơ sở đào tạo xin chuyển đi đồng ý (bằng văn bản), có người hướng dẫn khoa học và Khoa phù hợp của Trường đồng ý tiếp nhận NCS. Nếu NCS xin chuyển đến đáp ứng đầy đủ các điều kiện này, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận NCS với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận NCS của cơ sở đào tạo trước (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà NCS cần bổ sung (nếu có) do Bộ môn và Viện Đào tạo Sau đại học xem xét, trình Hiệu trưởng ra quyết định.

c. Hồ sơ và quy trình chuyển cơ sở đào tạo xem tại Phụ lục 16.

4. Căn cứ đề xuất của Viện Đào tạo Sau đại học, Hiệu trưởng ra Quyết định dừng đào tạo đối với NCS nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

a. NCS xin dừng đào tạo tại Trường;

b. NCS không hoàn thành thủ tục đăng ký học theo quy định tại khoản 7 Điều 21;

c. NCS không thể bảo vệ luận án cấp trường trong thời gian đào tạo (bao gồm thời gian gia hạn, nếu có) theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 17.

Chương IV

TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 19. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Tiêu chuẩn giảng viên

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo tiến sĩ phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn sau:

- a. Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất, đạo đức tốt; có sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;
- b. Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;
- c. Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên hoặc đã và đang tham gia các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ trở lên;
- d. Là tác giả chính (tác giả độc lập hoặc tác giả thứ nhất, sau đây gọi chung là tác giả chính) của tối thiểu 02 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có trong danh mục được Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước tính điểm công trình (*Phụ lục 30*).
- e. Riêng giảng viên giảng Lý thuyết chuyên ngành phải có ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc 01 báo cáo bằng tiếng nước ngoài trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, thuộc lĩnh vực khoa học liên quan đến chuyên ngành giảng dạy.

2. Giảng viên thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học và các quy định liên quan.

Điều 20. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn độc lập

Người hướng dẫn độc lập phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn sau:

- a. Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19;
- b. Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án hoặc lĩnh vực nghiên cứu của NCS; đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;
- c. Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên;
- d. Là tác giả chính tối thiểu 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí của cơ sở dữ liệu ISI hoặc của cơ sở dữ liệu Scopus (sau đây gọi chung là danh mục các tạp chí ISI - Scopus) hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành; hoặc là tác giả chính của tối thiểu 02 báo cáo bằng tiếng nước ngoài đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực khoa học liên quan đến đề tài luận án của NCS. Quy định cụ thể về các loại tạp chí, hội thảo quốc tế xem tại *Phụ lục 17*;

đ. Trường hợp chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, ngoài việc phải đáp ứng quy định tại điểm d khoản này phải là tác giả chính của thêm 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI - Scopus;

e. Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

g. Người hướng dẫn độc lập phải là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Trường hoặc là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Trường.

2. Đồng hướng dẫn

Mỗi NCS có thể có hai người hướng dẫn, trong đó:

a. Người hướng dẫn chính phải có đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;

b. Người hướng dẫn phụ phải có các tiêu chuẩn tối thiểu quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này;

c. Ít nhất phải có một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Trường.

3. Nhiệm vụ, quyền và điều kiện của người hướng dẫn

a. Thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học;

b. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 05 NCS; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 04 NCS; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 03 NCS;

c. Không được hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn NCS mới nếu trong vòng 06 năm (72 tháng) tính đến thời điểm được giao nhiệm vụ có 02 NCS có luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua, bao gồm cả việc đánh giá lại luận án quy định tại khoản 6 Điều 28 (nếu có);

d. Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc NCS thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học;

đ. Thông qua luận án của NCS, đề nghị đề luận án được đánh giá cấp cơ sở và cấp trường nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều 25. Trong trường hợp NCS có hai người hướng dẫn, cả hai người hướng dẫn cần phải ký thông qua các đề xuất liên quan đến luận án của NCS.

e. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 21. Nhiệm vụ và quyền của nghiên cứu sinh

1. Được đề xuất người hướng dẫn khoa học với Khoa và Bộ môn với điều kiện nhà khoa học được đề xuất đồng ý hướng dẫn.

2. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án.

3. Được gia hạn thời gian học tập, nghiên cứu trong trường hợp không thể hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, nếu đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều 17.
4. Báo cáo tiến độ học tập, nghiên cứu 6 tháng/lần tại Bộ môn (Mẫu C23).
5. Tham gia các hoạt động sinh hoạt khoa học tại Khoa và Bộ môn. Mỗi NCS phải trình bày kết quả nghiên cứu trước Bộ môn tối thiểu một lần/năm học, có lưu biên bản sinh hoạt khoa học tại Bộ môn.
6. Tham gia các hoạt động sinh hoạt khoa học cấp Trường: dự góp ý đề xuất nghiên cứu, tham gia các seminar khoa học do Trường tổ chức, báo cáo kết quả nghiên cứu cấp trường sau 2 năm.
7. Hoàn thành thủ tục đăng ký học hàng năm trong vòng 3 tháng đầu mỗi năm học, gồm đóng học phí và gửi đơn đăng ký học cho Viện Đào tạo Sau đại học (Mẫu C24) có xác nhận của người hướng dẫn và Bộ môn.
8. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của Luật Giáo dục Đại học.

Điều 22. Nhiệm vụ và quyền của Khoa

1. Tổ chức xét tuyển người dự tuyển theo yêu cầu của Ban Chuyên môn, đánh giá hồ sơ đăng ký dự tuyển và năng lực, tư chất của người dự tuyển theo quy định tại chương II.
2. Tiếp nhận NCS trúng tuyển và phân công NCS về Bộ môn trực tiếp sinh hoạt chuyên môn, tiếp nhận thông tin từ Bộ môn về tiến độ và kết quả học tập, nghiên cứu của các NCS thuộc chuyên ngành do Khoa quản lý, tổng hợp và định kỳ báo cáo Hiệu trưởng (qua Viện Đào tạo Sau đại học).
3. Căn cứ giới thiệu của Bộ môn, đề nghị Hiệu trưởng (qua Viện Đào tạo Sau đại học) ra quyết định công nhận người hướng dẫn và quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở.
4. Tổ chức buổi họp Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở, thông báo thời gian tổ chức buổi họp cho Viện Đào tạo Sau đại học, Bộ môn, NCS, người hướng dẫn của NCS và những cá nhân khác có quan tâm (nếu cần).
5. Làm thủ tục đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp trường, gửi danh sách giới thiệu thành viên tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp trường (căn cứ đề xuất của Bộ môn).
6. Đề xuất Nhà trường tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học ở quy mô quốc gia và quốc tế.
7. Chủ trì tổ chức xây dựng đề cương Lý thuyết chuyên ngành nâng cao và các nội dung trong chương trình đào tạo tiến sĩ liên quan đến chuyên ngành do Khoa quản lý; giám sát và kiểm tra Bộ môn trong việc tổ chức giảng dạy Lý thuyết chuyên ngành nâng cao theo đề cương mà Hội đồng Khoa đã xây dựng và được Hiệu trưởng phê duyệt.
8. Chủ trì tổ chức xây dựng các quy định về đào tạo tiến sĩ liên quan đến chuyên ngành do Khoa quản lý (bao gồm các nội dung như số lần, cách thức tổ chức sinh hoạt khoa học chuyên môn cho NCS, những hoạt động hỗ trợ cho NCS trong toàn bộ quá trình đào tạo, trách nhiệm của các cá nhân trong Khoa, Bộ môn liên quan đến đào tạo tiến sĩ...), và giám sát

và kiểm tra Bộ môn trong việc quản lý nghiên cứu sinh theo quy định mà Hội đồng Khoa đã thông qua.

9. Thường xuyên cập nhật thông tin, thông báo với Bộ môn về những thay đổi trong chương trình và quy định liên quan đến đào tạo tiến sĩ của Trường.

10. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác trong tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ theo quy định.

Điều 23. Nhiệm vụ và quyền của Bộ môn

1. Quản lý NCS về mặt chuyên môn trong toàn bộ thời gian đào tạo, hỗ trợ NCS hoàn thành thủ tục đăng ký học trong 3 tháng đầu mỗi năm học.

2. Đề xuất với Khoa danh sách người hướng dẫn; đề xuất với Hiệu trưởng (qua Viện Đào tạo Sau đại học) danh sách các học phần bổ sung cần thiết, tên đề tài luận án, danh sách tiểu ban chấm chuyên đề và các thay đổi trong quá trình đào tạo của NCS.

3. Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ cho NCS, tạo điều kiện cho NCS báo cáo kết quả nghiên cứu tại Bộ môn.

4. Tổ chức xem xét đánh giá kết quả, tinh thần, thái độ học tập, nghiên cứu, khả năng và triển vọng của NCS cuối mỗi năm học để có hướng hỗ trợ trước đợt đăng ký học đầu năm học mới. Lưu giữ các báo cáo tiến độ 6 tháng/lần của NCS, định kỳ báo cáo Khoa về tiến độ và kết quả học tập, nghiên cứu của các NCS do Bộ môn quản lý theo quy định của Khoa.

5. Gửi tiểu luận tổng quan của NCS cho người hướng dẫn chính (hoặc hướng dẫn độc lập) và một nhà khoa học do Bộ môn lựa chọn để chấm điểm, tiếp nhận kết quả và gửi cho Viện Đào tạo Sau đại học tổng hợp.

6. Tổ chức buổi họp tiểu ban chấm chuyên đề tiến sĩ, thông báo thời gian tổ chức buổi họp cho Viện Đào tạo Sau đại học, NCS, người hướng dẫn của NCS và những cá nhân khác có quan tâm (nếu cần).

7. Làm thủ tục đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp cơ sở, đề xuất với Khoa danh sách hội đồng đánh giá luận án các cấp cho NCS.

8. Tham gia soạn thảo đề cương Lý thuyết chuyên ngành nâng cao và các nội dung trong chương trình đào tạo tiến sĩ theo chỉ đạo của Khoa, phân công giảng viên giảng dạy Lý thuyết chuyên ngành nâng cao ở những chuyên đề do Bộ môn phụ trách, theo đề cương đã được Hiệu trưởng phê duyệt.

9. Thường xuyên cập nhật thông tin, thông báo với người hướng dẫn và NCS về những thay đổi trong chương trình và quy định liên quan đến đào tạo tiến sĩ của Trường.

10. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác trong tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ theo quy định.

Điều 24. Nhiệm vụ và quyền của Viện Đào tạo Sau đại học

1. Chủ trì xây dựng, trình Hiệu trưởng ban hành và công bố công khai chương trình đào tạo, quy định chi tiết của Trường về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Công bố công khai thông tin liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ trên cổng thông tin điện tử của Trường (<http://neu.edu.vn/>), website cấp II Viện Đào tạo Sau đại học (<http://sdh.neu.edu.vn/>).

3. Chủ trì tổ chức thực hiện tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, quản lý quá trình đào tạo, cấp bằng tiến sĩ theo kế hoạch và các quy định hiện hành.

4. Tổ chức lễ khai giảng, quản lý quá trình học tập và nghiên cứu của NCS; quản lý kết quả học tập và cấp bằng điểm (Mẫu C25) cho NCS; cấp giấy chứng nhận cho NCS đã hoàn thành chương trình đào tạo, đã bảo vệ luận án tiến sĩ trong thời gian chờ cấp bằng tiến sĩ.

5. Chủ trì tổ chức và mời giảng viên giảng dạy các chuyên đề trong các học phần chung của chương trình đào tạo tiến sĩ.

6. Tổ chức các hoạt động hỗ trợ nghiên cứu khoa học cho NCS ở cấp Trường, bao gồm việc lấy ý kiến các nhà khoa học về đề xuất nghiên cứu của NCS, tổ chức hoạt động báo cáo kết quả nghiên cứu cấp trường, và thông báo lịch hoạt động cho NCS, người hướng dẫn, Khoa và Bộ môn quản lý NCS.

7. Tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ và soạn thảo văn bản trình Hiệu trưởng ra các quyết định liên quan đến quá trình đào tạo như công nhận NCS, người hướng dẫn, thành lập hội đồng đánh giá luận án các cấp, xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo NCS; và gửi các quyết định liên quan cho NCS, người hướng dẫn, Khoa và Bộ môn quản lý NCS.

8. Quản lý quy trình xin ý kiến phản biện độc lập.

9. Tổ chức cho NCS bảo vệ luận án cấp trường, công bố thời gian, địa điểm tổ chức buổi bảo vệ trên website cấp II Viện Đào tạo Sau đại học (<http://sdh.neu.edu.vn/>) chậm nhất 20 ngày trước ngày bảo vệ, thông báo thời gian tổ chức buổi họp Hội đồng đánh giá luận án cấp trường cho các cá nhân, tổ chức có liên quan chậm nhất 7 ngày trước ngày bảo vệ.

10. Trình Hiệu trưởng đề thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường danh sách NCS được công nhận học vị tiến sĩ, quản lý việc cấp bằng tiến sĩ và tổ chức trao bằng tiến sĩ.

11. Quản lý việc công bố, cập nhật và duy trì trên website <http://sdh.neu.edu.vn/> toàn văn luận án, tóm tắt luận án và trang thông tin về những điểm mới của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) của NCS.

12. Công bố danh sách NCS hàng năm, danh sách NCS đã được cấp bằng tiến sĩ trên cổng thông tin quản lý đào tạo.

13. Tư vấn Hiệu trưởng để đảm bảo đủ các điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất cần thiết cho giảng viên, người hướng dẫn, NCS và hội đồng đánh giá luận án (bao gồm cả nhiệm vụ sử dụng công cụ công nghệ thông tin để kiểm tra và rà soát việc sao chép luận án, chuyển kết quả cho Hội đồng đánh giá luận án cấp trường để Hội đồng xem xét, đánh giá, kết luận).

14. Đề xuất Nhà trường tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định về tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ.

15. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ bao gồm:

- a. Sau mỗi đợt tuyển sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác tổ chức tuyển sinh và kết quả tuyển sinh kèm theo các quyết định công nhận NCS trúng tuyển (Mẫu A1);
- b. Vào tháng 12 hằng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo tiến sĩ, cấp bằng tiến sĩ, chỉ tiêu và kế hoạch tuyển NCS từng ngành của năm tiếp theo (Mẫu A2);
- c. Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách trích ngang NCS đã hoàn thiện hồ sơ quá trình đào tạo và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá bảo vệ luận án cấp trường trong 02 tháng trước đó (Mẫu A3);
- d. Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định hiện hành về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

Chương V

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 25. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của NCS, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý thuyết và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

2. Luận án tiến sĩ phải đáp ứng các yêu cầu về nội dung và hình thức theo quy định tại *Phụ lục 14*. Tóm tắt luận án cần đáp ứng các yêu cầu về nội dung và hình thức theo quy định tại *Phụ lục 15*.

3. Luận án tiến sĩ phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:

a. Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có);

b. Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà NCS là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép NCS được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;

c. Tuân thủ Quy định về sự trung thực trong học thuật của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ tại Việt Nam.

4. Những đóng góp mới của luận án phải được thể hiện qua trang thông tin về những đóng góp mới của luận án và đáp ứng các nội dung theo hướng dẫn tại *Mẫu D3*.

Điều 26. Đánh giá luận án cấp cơ sở

1. NCS được đăng ký bảo vệ luận án cấp cơ sở nếu có đủ những điều kiện sau đây:

a. Đã hoàn thành luận án và chương trình đào tạo theo quy định tại Điều 16 và Điều 25;

b. Đã công bố tối thiểu 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trong thời gian đào tạo, trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus hoặc đã công bố tối thiểu 02 bài báo hoặc báo cáo bằng tiếng nước ngoài trong tạp chí khoa học nước ngoài hoặc kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện. Trong trường hợp đăng trên các tạp chí hoặc hội thảo quốc tế nằm ngoài nhóm ISI-Scopus, thì NCS phải là tác giả chính của bài báo hoặc báo cáo. Quy định cụ thể về các loại tạp chí, hội thảo quốc tế xem tại *Phụ lục 17*.

c. Được tập thể hoặc người hướng dẫn NCS đồng ý cho đăng ký đánh giá luận án ở cấp cơ sở.

2. Sau khi NCS đáp ứng đầy đủ các điều kiện ở khoản 1 điều này và nộp hồ sơ đăng ký bảo vệ luận án cấp cơ sở (theo quy định tại *Phụ lục 18*), căn cứ đề nghị của Khoa và Bộ môn, Viện Đào tạo Sau đại học rà soát điều kiện và trình Hiệu trưởng ký Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở (*Mẫu D10*) gồm 05 thành viên: chủ tịch, thư ký và 3 phản biện, trong đó có 2 phản biện là các nhà khoa học ở ngoài Trường. Người hướng dẫn,

cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột của NCS không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

3. Thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn sau:

a. Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ;

b. Có ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc 01 báo cáo bằng tiếng nước ngoài trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, thuộc lĩnh vực khoa học liên quan đến đề tài luận án của NCS. Quy định cụ thể về các loại tạp chí, hội thảo quốc tế xem tại Phụ lục 17.

4. Điều kiện tổ chức Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở

a. Thời gian tổ chức họp đánh giá luận án cấp cơ sở cách ngày Hiệu trưởng ký Quyết định thành lập Hội đồng tối thiểu 7 ngày và tối đa 90 ngày.

b. Hội đồng không tổ chức họp nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây: Vắng mặt Chủ tịch hội đồng, vắng mặt Thư ký hội đồng, vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án, vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên, NCS đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. Người vắng mặt hội đồng phải gửi nhận xét bằng văn bản cho Hội đồng trước giờ họp.

c. Đại diện tập thể hướng dẫn phải có mặt tại buổi đánh giá luận án cấp cơ sở của NCS. Trong trường hợp người hướng dẫn vắng mặt vì lý do bất khả kháng, thì cần có văn bản thông báo với Khoa và Viện Đào tạo Sau đại học.

d. Những việc cần chuẩn bị trước khi NCS bảo vệ luận án cấp cơ sở được quy định tại Phụ lục 19.

5. Yêu cầu đối với phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở

a. Việc đánh giá luận án cấp cơ sở là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường. Các thành viên của Khoa, Bộ môn, NCS, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật);

b. Tại buổi họp, tất cả các thành viên Hội đồng phải có nhận xét bằng văn bản, chỉ ra những đóng góp mới, những hạn chế, thiếu sót của luận án, những điểm yêu cầu NCS sửa chữa, bổ sung và kết luận luận án của NCS có đủ điều kiện đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp trường hay không;

c. Trình tự tiến hành phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở được quy định tại Phụ lục 20;

d. Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp trường khi có tối thiểu 4 nhà khoa học được mời nhận xét luận án ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (ghi trong phiếu đánh giá luận án);

đ. NCS có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ buổi họp đánh giá luận án cấp cơ sở thứ hai trở đi theo quy định của Trường.

6. Thành lập lại Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở

a. Nếu luận án của NCS chưa được Hội đồng cấp cơ sở thông qua trong thời hạn quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, hoặc luận án của NCS có hai phản biện độc lập không tán thành theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 27, NCS có thể gửi lại đơn đăng ký bảo vệ luận án cấp cơ sở nếu còn khả năng hoàn thành bảo vệ cấp trường trong thời hạn đào tạo theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 17.

b. Hiệu trưởng ký Quyết định thành lập lại Hội đồng đánh giá cấp cơ sở theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này. Việc tổ chức Hội đồng đánh giá lại luận án cấp cơ sở được thực hiện theo quy định tại các khoản 4, 5 Điều này.

7. Đăng ký bảo vệ luận án cấp trường

Sau khi luận án được Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở thông qua, Thư ký Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở bàn giao hồ sơ sau bảo vệ của NCS cho Viện Đào tạo Sau đại học (theo quy định tại *Phụ lục 21*). Sau khi chỉnh sửa, bổ sung luận án theo góp ý của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở, NCS nộp hồ sơ luận án để gửi phản biện độc lập (theo quy định tại *Phụ lục 22*).

Điều 27. Phản biện độc lập luận án

1. Luận án của NCS được gửi lấy ý kiến của 02 phản biện độc lập trước khi được đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

2. Phản biện độc lập là những nhà khoa học, chuyên gia ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài đáp ứng các quy định tại khoản 3 Điều 26, không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột với NCS; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ NCS và người hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện luận án; không từng tham gia Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở của NCS. Ít nhất một trong hai phản biện không phải là cán bộ, giảng viên cơ hữu của Trường.

3. Phản biện độc lập có nhiệm vụ đọc kỹ luận án, tóm tắt luận án, trang thông tin về những đóng góp mới của luận án, các công trình khoa học đã công bố của NCS và có nhận xét bằng văn bản về luận án (*Mẫu D20*) để gửi cho cơ sở đào tạo.

4. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của cơ sở đào tạo. Khoa, Bộ môn, người hướng dẫn và NCS không được tìm hiểu về phản biện độc lập. Các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

5. Quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến phản biện độc lập:

a. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án cấp trường của NCS, Viện Đào tạo Sau đại học kiểm tra quy cách của luận án, trình Hiệu trưởng danh sách các nhà khoa học đủ điều kiện tham gia phản biện độc lập, kèm theo lý lịch khoa học của NCS, bản tóm tắt luận án tiến sĩ và trang thông tin về những đóng góp mới của luận án.

b. Căn cứ đề xuất của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học, Hiệu trưởng quyết định hai nhà khoa học làm phản biện độc lập và ủy quyền một cán bộ của Viện Đào tạo Sau đại

học chịu trách nhiệm liên hệ với nhà khoa học, nếu nhà khoa học đồng ý thì gửi hồ sơ phản biện độc lập, đảm bảo quy trình bảo mật, không qua các bộ phận văn phòng trung gian.

c. Hồ sơ gửi các phản biện độc lập bao gồm luận án, tóm tắt luận án, bộ công trình khoa học của NCS, trang thông tin về những đóng góp mới của luận án và thư mời của Trường (Mẫu D19). Toàn bộ các văn bản trên đều không ghi tên NCS và người hướng dẫn.

d. Toàn bộ thời gian xử lý hành chính và gửi hồ sơ cho phản biện độc lập của Trường tối đa là 7 ngày làm việc đối với mỗi luận án của NCS.

đ. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ luận án lần đầu hoặc trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ luận án lần thứ hai (đối với các trường hợp yêu cầu NCS gửi lại luận án), phản biện độc lập phải gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản trực tiếp tới cán bộ chịu trách nhiệm gửi phản biện độc lập. Bản nhận xét của người phản biện (xóa tên) được Viện Đào tạo Sau đại học gửi cho NCS.

e. Trong trường hợp không nhận được phản hồi của phản biện độc lập, Hiệu trưởng lựa chọn một nhà khoa học khác theo yêu cầu và quy trình trên.

g. Nếu thời gian gửi phản biện vượt quá 37 ngày làm việc đối với hồ sơ luận án gửi lần 1 hoặc 22 ngày làm việc đối với hồ sơ luận án gửi lần 2, Trường và Viện Đào tạo Sau đại học chịu trách nhiệm giải trình với Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời gian phản biện độc lập kéo dài, không yêu cầu NCS gia hạn nếu việc vượt quá thời gian phản biện độc lập ảnh hưởng đến thời hạn đào tạo của NCS.

6. Xử lý kết quả phản biện độc lập

a. Khi cả hai phản biện độc lập tán thành luận án, Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường cho NCS.

b. Khi có một phản biện độc lập không tán thành luận án, Hiệu trưởng xin ý kiến của phản biện độc lập thứ ba theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều này. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ cấp trường.

c. Khi có hai phản biện độc lập không tán thành luận án, NCS cần chỉnh sửa, bổ sung luận án và bảo vệ lại luận án ở cấp cơ sở theo quy định tại khoản 6 Điều 26 trước khi được Nhà trường gửi luận án lấy ý kiến của 2 phản biện độc lập chưa đồng ý lần đầu.

d. NCS chịu trách nhiệm cho toàn bộ chi phí phát sinh do phải gửi lại phản biện độc lập hoặc bảo vệ lại luận án ở cấp cơ sở theo quy định của Trường.

Điều 28. Đánh giá luận án cấp trường

1. Điều kiện để NCS được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường:

a. Luận án của NCS được Khoa và Bộ môn đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường

b. Luận án của NCS được các phản biện độc lập quy định tại Điều 27 tán thành;

c. NCS không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

d. NCS vẫn trong thời hạn đào tạo theo quy định tại Điều 17.

2. Sau khi NCS đáp ứng đầy đủ các điều kiện ở khoản 1 điều này và nộp hồ sơ đăng ký bảo vệ luận án cấp trường (theo quy định tại Phụ lục 23), căn cứ đề nghị của Viện Đào tạo Sau đại học và giới thiệu của Khoa và Bộ môn, Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường (Mẫu D27), đáp ứng các quy định sau:

a. Các thành viên tham gia Hội đồng phải đáp ứng các quy định tại khoản 3 Điều 26.

b. Hội đồng gồm 7 thành viên, trong đó số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư tối thiểu là 5 người, số thành viên đã tham gia đánh giá luận án ở cấp cơ sở tối đa không quá 3 người, số thành viên là cán bộ của Trường tối đa không quá 03 người.

b. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 3 phản biện và 2 uỷ viên. Chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư chuyên ngành phù hợp với đề tài luận án của NCS, các phản biện không được là đồng tác giả với NCS trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án. Người hướng dẫn, cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột của NCS không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

3. Điều kiện tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án cấp trường

a. Thời gian tổ chức buổi bảo vệ luận án cấp trường cách ngày ký Quyết định thành lập hội đồng đánh giá cấp trường tối thiểu 30 ngày và tối đa 90 ngày.

b. Thời gian, địa điểm tổ chức đánh giá luận án, tóm tắt và toàn văn luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng Việt và tiếng Anh được công bố công khai trên website cấp II Viện Đào tạo Sau đại học (<http://sdh.neu.edu.vn/>) chậm nhất 20 ngày trước ngày bảo vệ trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 29.

c. Không tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp trường trong trường hợp chủ tịch hoặc thư ký hoặc có từ 02 thành viên Hội đồng trở lên vắng mặt;

d. Các thành viên Hội đồng phải gửi nhận xét về luận án bằng văn bản đến Viện Đào tạo Sau đại học trước ngày bảo vệ ít nhất 10 ngày.

đ. Những việc cần chuẩn bị trước khi NCS bảo vệ luận án cấp trường được quy định tại Phụ lục 24.

4. Tổ chức buổi bảo vệ bảo vệ luận án cấp trường

a. Luận án phải được đánh giá công khai tại Phòng Bảo vệ luận án của Trường, trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 29. Trình tự làm việc của buổi bảo vệ luận án cấp trường được quy định tại Phụ lục 25.

b. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu (tán thành hoặc không tán thành), luận án không được thông qua nếu có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi bảo vệ trở lên bỏ phiếu không tán thành.

c. Hội đồng phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ: kết quả đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng; những đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; tính trung thực của kết quả nghiên cứu; kết luận của Hội đồng về việc không thông qua luận án và lý do hoặc thông qua luận án (bao gồm cả yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, nếu có), kiến nghị công nhận trình độ, cấp bằng tiến sĩ cho NCS;

d. Biên bản buổi đánh giá luận án cấp trường được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký Hội đồng.

đ. Thư ký Hội đồng bàn giao hồ sơ sau bảo vệ cấp trường của NCS cho Viện Đào tạo Sau đại học theo quy định tại Phụ lục 26, muộn nhất 01 tuần sau buổi bảo vệ

5. Xử lý những tình huống thay đổi

a. Trong trường hợp cần thiết (vì lý do khách quan hoặc do có thành viên đề nghị không tham gia Hội đồng), Hiệu trưởng ra Quyết định về việc thay đổi thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường (Mẫu D36) và thời hạn liên quan đến hoạt động của Hội đồng được tính từ ngày quyết định cuối cùng về việc thay đổi thành viên có hiệu lực.

b. Sau thời hạn 90 ngày kể từ ngày ký Quyết định thành lập Hội đồng, nếu NCS chưa bảo vệ luận án cấp trường với lý do xuất phát từ NCS, thì NCS có thể gửi lại đơn đề nghị thành lập lại Hội đồng đánh giá luận án cấp trường (Mẫu D37) nếu còn trong thời hạn đào tạo theo quy định tại Điều 17. Trong trường hợp này, Hiệu trưởng ký Quyết định thành lập lại Hội đồng đánh giá cấp trường (Mẫu D38) với danh sách Hội đồng không thay đổi. Ngược lại, nếu NCS chưa bảo vệ luận án cấp trường trong thời hạn 90 ngày với lý do xuất phát từ Hội đồng, thì Viện Đào tạo Sau đại học đề xuất Hiệu trưởng thành lập lại Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều này, với danh sách thành viên Hội đồng có thể thay đổi. Việc tổ chức Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều này.

6. Đánh giá lại luận án ở cấp trường

a. Trong trường hợp luận án của NCS không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua ở lần đánh giá thứ nhất, NCS được phép sửa chữa luận án và đề nghị được bảo vệ luận án lần thứ hai sau tối thiểu 3 tháng kể từ ngày bảo vệ lần đầu, và trong thời hạn đào tạo được quy định tại khoản 1 và 2 Điều 17. Hồ sơ đăng ký bảo vệ lại luận án được quy định tại Phụ lục 29.

b. Căn cứ đề xuất của Viện Đào tạo Sau đại học, Hiệu trưởng ký Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường lần thứ hai (Mẫu D41), đảm bảo các quy định tại khoản 2 Điều này, trong đó thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp trường lần thứ hai phải có tối thiểu 05 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất và thành viên Hội đồng có ý kiến không tán thành luận án bắt buộc phải có mặt.

c. Việc tổ chức buổi đánh giá luận án cấp trường lần thứ hai được thực hiện theo đúng quy định ở khoản 3 và 4 Điều này.

d. NCS có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh theo quy định trong trường hợp phải đánh giá lại luận án cấp trường lần thứ hai.

đ. Không tổ chức đánh giá lại luận án lần thứ ba.

Điều 29. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì Hiệu trưởng phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận NCS, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm

theo căn cứ xác định tính chất mật của đề tài và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.

2. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về các quy định bảo mật trong quá trình tổ chức đào tạo, nghiên cứu, thực hiện luận án, tổ chức đánh giá luận án, quản lý hồ sơ và tài liệu liên quan theo quy chế bảo mật của Nhà nước.

3. NCS thực hiện các luận án được xác định là mật theo quy định tại khoản 1 Điều này không phải thực hiện quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 26 và điểm b, khoản 3 Điều 28.

4. Ngoài quy định tại khoản 3 Điều này, NCS thực hiện luận án theo chế độ mật phải đảm bảo tất cả các quy định khác của Quy chế này.

Chương VI
THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN
VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 30. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Trường theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 24, Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần thẩm định của Trường với những yêu cầu thẩm định cụ thể (quá trình đào tạo hoặc chất lượng luận án). Việc xác định các hồ sơ luận án cần thẩm định được Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện theo cách lựa chọn ngẫu nhiên 20% trong số hồ sơ luận án đã bảo vệ theo báo cáo của Trường hoặc khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo hoặc chất lượng luận án.

2. Trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo về các trường hợp hồ sơ, luận án cần thẩm định, Trường gửi các hồ sơ về Bộ Giáo dục và Đào tạo để thẩm định theo quy định sau:

a. Với hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo, Trường gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo 01 bộ hồ sơ theo quy định tại *Phụ lục 27*.

b. Với hồ sơ thẩm định chất lượng luận án, Trường gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo 03 bộ hồ sơ, bao gồm: Luận án tiến sĩ, tóm tắt luận án, bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của NCS theo quy định, tất cả đều đã xóa thông tin về NCS, người hướng dẫn NCS và tên Trường.

3. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ thẩm định của Trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tiến hành thẩm định và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.

4. Quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi hồ sơ thẩm định đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án.

5. Chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến của 03 nhà khoa học do Bộ Giáo dục và Đào tạo lựa chọn.

a. Luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu tối thiểu hai trong ba ý kiến thẩm định luận án tán thành.

b. Trong trường hợp có hai trong ba ý kiến thẩm định không tán thành luận án, hoặc có đơn thư tố cáo về chất lượng luận án thì Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, uỷ quyền Hiệu trưởng tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Hội đồng thẩm định luận án gồm 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 04 thành viên chưa tham gia đánh giá luận án cấp cơ sở, chưa là phản biện độc lập hoặc chưa là thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường; có các nhà khoa học tham gia thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại khoản 5 Điều này. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng thẩm

định luận án như tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường quy định tại khoản 3 Điều 26. Hội đồng thẩm định luận án có chủ tịch, thư ký và các ủy viên.

Hội đồng chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có). Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định: xem xét, đánh giá và quyết nghị về chất lượng luận án hoặc làm rõ những nội dung của đơn thư khiếu nại, tố cáo. Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt trở lên không tán thành.

Trong trường hợp luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua, Hiệu trưởng tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 12 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về chất lượng luận án.

Điều 31. Xử lý kết quả thẩm định luận án

1. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 30 hoặc được Hội đồng thẩm định thông qua nhưng yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung, Hội đồng đánh giá luận án cấp trường cùng với người hướng dẫn và NCS xem xét, quyết định các điểm cần sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của người thẩm định hoặc Hội đồng thẩm định.

2. Đối với luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua:

a. Trong trường hợp NCS chưa được cấp bằng tiến sĩ, NCS được phép sửa đổi, bổ sung và đề nghị đánh giá lại luận án theo quy định tại khoản 6 Điều 28;

b. Trong trường hợp NCS đã được cấp bằng tiến sĩ thì cơ sở đào tạo xử lý theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 34.

3. Đối với hồ sơ quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện Đào tạo Sau đại học chịu trách nhiệm bổ sung hoàn thiện hồ sơ và giải trình.

4. Trong thời gian tối đa 02 tháng (60 ngày) kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định, Hiệu trưởng có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các khoản 1, 2, 3 Điều này với các minh chứng kèm theo.

Điều 32. Cấp bằng tiến sĩ

1. Điều kiện để NCS được xét cấp bằng tiến sĩ:

a. Luận án của NCS đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua đủ 03 tháng (90 ngày);

b. NCS đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung luận án theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường (nếu có yêu cầu sửa đổi, bổ sung) và được người hướng dẫn, thư ký và chủ tịch Hội đồng xác nhận;

c. Nếu là trường hợp cần thẩm định theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 30 thì kết quả thẩm định phải đạt yêu cầu theo quy định tại khoản 4 Điều 30 và khoản 1 Điều 31; hoặc chưa nhận được kết quả thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo khi đã hết thời hạn thẩm định quy định tại khoản 3 Điều 30;

d. Đã đăng trên website cấp II Viện Đào tạo Sau đại học (<http://sdh.neu.edu.vn/>) và nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản in và file pdf) toàn văn luận án và tóm tắt luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của NCS, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của thủ trưởng cơ sở đào tạo sau khi đã bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường và Hội đồng thẩm định (nếu có).

2. NCS cần hoàn thành Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ theo quy định tại Phụ lục 28 trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ ngày bảo vệ thành công luận án tiến sĩ cấp trường.

3. Viện Đào tạo Sau đại học tập hợp hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, gửi Tổ thẩm tra hồ sơ cấp bằng tiến sĩ của Trường kiểm tra trước khi đề xuất Nhà trường tổ chức cuộc họp thường kỳ Hội đồng Khoa học và Đào tạo để thông qua danh sách NCS được xét cấp bằng tiến sĩ và ra Quyết định cấp bằng tiến sĩ (Mẫu D43) cho NCS.

Chương VII

KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 33. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và NCS có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.
2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

Điều 34. Xử lý vi phạm

1. Trong trường hợp phát hiện có vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản yêu cầu Trường xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền.
2. Việc thu hồi bằng tiến sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp sau:
 - a. Gian lận trong hồ sơ dự tuyển khiến người được cấp bằng không còn đảm bảo điều kiện dự tuyển và điều kiện công nhận NCS;
 - b. Sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án mà nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 25;
 - c. Luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại khoản 6 Điều 30.
3. Trong trường hợp NCS bị phát hiện có những vi phạm khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến truy cứu trách nhiệm hình sự.
4. Việc xác định luận án vi phạm tại điểm b, khoản 2 Điều này thuộc thẩm quyền của Hội đồng thẩm định do Hiệu trưởng thành lập theo quy định tại khoản 6 Điều 30.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 35. Quy định chuyển tiếp

1. Khóa 40 trở đi thực hiện đầy đủ các quy định nêu trên.
2. Khóa 39 các chuyên ngành ngoài Kinh tế nông nghiệp thực hiện đầy đủ các quy định trừ phần tuyển sinh (chương I) và các nội dung sau:
 - a. Điều 20 được điều chỉnh điểm d khoản 1 như sau: Người hướng dẫn là tác giả chính của tối thiểu 01 bài báo bằng tiếng nước ngoài đăng trên các tạp chí hoặc hội thảo trong danh mục được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước tính điểm công trình (xem Phụ lục 30) thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận án của NCS;
 - b. Điều 26 được điều chỉnh điểm b khoản 1 như sau: Đã công bố nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án trong tối thiểu 02 bài báo hoặc báo cáo trên các tạp chí hoặc hội thảo trong danh mục được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước tính điểm công trình (xem Phụ lục 30), trong đó có 01 bài báo bằng tiếng nước ngoài;
3. Khóa 39 chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp thực hiện đầy đủ các quy định trừ phần tuyển sinh (chương I) và các nội dung sau:
 - a. Điều 20 được điều chỉnh điểm d khoản 1 như sau: Người hướng dẫn là tác giả chính của tối thiểu 01 báo cáo bằng tiếng nước ngoài đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành hoặc 01 bài báo đăng trong tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận án của NCS;
 - b. Điều 26 được điều chỉnh điểm b khoản 1 như sau: Đã công bố nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án trong tối thiểu 02 bài báo hoặc báo cáo trên các tạp chí hoặc hội thảo trong danh mục được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước tính điểm công trình (xem Phụ lục 30), trong đó có 01 báo cáo bằng tiếng nước ngoài đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện;
4. Khóa 38 đợt II các chuyên ngành ngoài Kinh tế nông nghiệp thực hiện đầy đủ các quy định trừ các nội dung nêu tại khoản 2 Điều này và Điều 16 (vẫn thực hiện theo Điều 15 Quy định về đào tạo tiến sĩ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, được ban hành kèm theo Quyết định số 1176/QĐ-ĐHKTQD ngày 14/5/2013 và những điểm sửa đổi, bổ sung Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 1749/QĐ-ĐHKTQD ngày 08/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân).
5. Khóa 38 đợt II chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp thực hiện đầy đủ các quy định trừ các nội dung nêu tại khoản 3 Điều này và Điều 16 (vẫn thực hiện theo Điều 15 Quy định về đào tạo tiến sĩ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, được ban hành kèm theo Quyết định số 1176/QĐ-ĐHKTQD ngày 14/5/2013 và những điểm sửa đổi, bổ sung Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 1749/QĐ-ĐHKTQD ngày 08/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân).

6. Khóa 38 đợt I trở về trước thực hiện theo Quy định về đào tạo tiến sĩ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, được ban hành kèm theo Quyết định số 1176/QĐ-ĐHKTQD ngày 14/5/2013 và những điểm sửa đổi, bổ sung Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 1749/QĐ-ĐHKTQD ngày 08/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1 – Mẫu Đề án tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.....	34
Phụ lục 2 – Mẫu Thông báo tuyển sinh trình độ tiến sĩ.....	35
Phụ lục 3 – Danh mục các chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.....	36
Phụ lục 4 – Danh mục các chuyên ngành đại học và thạc sĩ được coi là phù hợp với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.....	37
Phụ lục 5 – Danh mục chứng chỉ ngoại ngữ.....	43
Phụ lục 6 – Hồ sơ dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ.....	44
Phụ lục 7 – Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh	45
Phụ lục 8 – Các học phần bổ sung.....	46
Phụ lục 9 – Các học phần ở trình độ tiến sĩ.....	47
Phụ lục 10 – Tiểu luận tổng quan.....	49
Phụ lục 11 – Các chuyên đề tiến sĩ.....	51
Phụ lục 12 – Chuỗi seminar cấp Trường trong chương trình đào tạo tiến sĩ.....	53
Phụ lục 13 – Báo cáo kết quả nghiên cứu.....	54
Phụ lục 14 – Quy định luận án tiến sĩ.....	55
Phụ lục 15 – Quy định về tóm tắt luận án tiến sĩ.....	68
Phụ lục 16 – Hồ sơ và quy trình xin chuyển cơ sở đào tạo	69
Phụ lục 17 – Cách xác định tạp chí và hội thảo quốc tế có phản biện	70
Phụ lục 18 – Hồ sơ đăng ký bảo vệ luận án cấp cơ sở	71
Phụ lục 19 – Chuẩn bị bảo vệ luận án cấp cơ sở	72
Phụ lục 20 – Trình tự tiến hành các phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở	72
Phụ lục 21 – Hồ sơ sau bảo vệ cấp cơ sở của NCS	73
Phụ lục 22 – Hồ sơ để gửi phản biện độc lập	73
Phụ lục 23 – Hồ sơ đăng ký bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường.....	74
Phụ lục 24 – Chuẩn bị bảo vệ luận án cấp trường.....	75
Phụ lục 25 – Chương trình làm việc của buổi bảo vệ luận án cấp trường.....	76
Phụ lục 26 – Hồ sơ sau bảo vệ cấp trường của NCS	77
Phụ lục 27 – Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo	77
Phụ lục 28 – Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ.....	78
Phụ lục 29 – Hồ sơ đăng ký bảo vệ lại luận án tiến sĩ cấp trường.....	79
Phụ lục 30 – Danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành trong danh mục Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước tính điểm công trình.....	80

Phụ lục 1 – Mẫu Đề án tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

1. Thông tin chung về cơ sở đào tạo

1.1. Tên trường, địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo

1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo cho đến thời điểm xây dựng đề án (số lượng ngành/chuyên ngành đào tạo, quy mô sinh viên, các kết quả nghiên cứu...)

1.3. Những thông tin cần thiết khác

2. Các nội dung cụ thể của đề án

2.1. Đối tượng tuyển sinh

2.2. Phương thức tuyển sinh

2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành/chuyên ngành

2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo: các hướng nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu đang triển khai, các điều kiện hỗ trợ nghiên cứu...

2.5. Tổ chức tuyển sinh: thời gian và số lần tuyển sinh/năm

2.6. Chính sách ưu tiên: ưu tiên đối với các đối tượng theo quy định

2.7. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính

2.8. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn NCS theo các ngành/chuyên ngành

3.3. Các dự án nghiên cứu hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước

3.4. Kiểm định chất lượng

3.5. Các điều kiện đảm bảo chất lượng khác

4. Những thông tin cần thiết khác

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 2 – Mẫu Thông báo tuyển sinh trình độ tiến sĩ

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-ĐHKQTĐ

Hà Nội, ngày tháng năm

THÔNG BÁO

V.v. Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm ... (khóa ...)

1. Mục tiêu đào tạo
2. Thời gian, hình thức và ngôn ngữ đào tạo
3. Chỉ tiêu tuyển sinh
4. Danh mục các chuyên ngành tuyển sinh
5. Điều kiện dự tuyển (trong đó nêu rõ Danh mục chuyên ngành phù hợp được xét tuyển đối với từng chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ; danh sách người hướng dẫn đáp ứng quy định tại Điều 6)
6. Hồ sơ dự tuyển (đáp ứng các quy định tại Điều 7) và thời gian nhận hồ sơ, lệ phí dự tuyển
7. Phương thức tuyển sinh
8. Kế hoạch tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học
9. Học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho NCS trong quá trình học tập (nếu có)
10. Thông tin liên hệ

Nơi nhận:

HIỆU TRƯỞNG

Phụ lục 3 – Danh mục các chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ

Ngành (Mã số)	Chuyên ngành
Kinh tế học (9310101)	Lịch sử kinh tế Kinh tế học Kinh tế học (đào tạo bằng tiếng Anh) Thống kê kinh tế Toán kinh tế
Kinh tế chính trị (9310102)	Kinh tế chính trị
Kinh tế đầu tư (9310104)	Kinh tế đầu tư
Kinh tế phát triển (9310105)	Kinh tế phát triển
Kinh tế quốc tế (9310106)	Kinh tế quốc tế
Kinh tế nông nghiệp (9620115)	Kinh tế nông nghiệp
Quản trị kinh doanh (9340101)	Marketing Quản trị kinh doanh (Khoa QTKD) Quản trị kinh doanh (Viện QTKD) Quản trị kinh doanh bất động sản Quản trị kinh doanh quốc tế Quản trị kinh doanh (đào tạo bằng tiếng Anh)
Kinh doanh thương mại (9340121)	Kinh tế và quản lý thương mại
Tài chính – ngân hàng (9340201)	Tài chính – ngân hàng Kinh tế bảo hiểm
Kế toán (9340301)	Kế toán, kiểm toán và phân tích
Quản trị nhân lực (9340404)	Kinh tế lao động Quản trị nhân lực
Hệ thống thông tin quản lý (9340405)	Hệ thống thông tin quản lý
Quản lý kinh tế (9310110)	Kinh tế du lịch Phân bố LLSX và phân vùng kinh tế Khoa học quản lý Quản lý công
Quản lý công nghiệp (9510601)	Quản lý công nghiệp
Tổng	

Ghi chú: Ngành, mã ngành và chuyên ngành được xác định dựa trên Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

Phụ lục 4 – Danh mục các chuyên ngành đại học và thạc sĩ được coi là phù hợp với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

STT	Chuyên ngành đăng ký dự tuyển NCS	Các ngành, chuyên ngành đào tạo đại học/thạc sĩ được đăng ký dự tuyển NCS		
		Nhóm ngành / Ngành <i>(ghi trên bằng đại học/thạc sĩ)</i>	Chuyên ngành <i>(ghi trên bằng điểm đại học/thạc sĩ)</i>	Điều kiện kèm theo
1	KINH TẾ CHÍNH TRỊ			
	Từ cử nhân	Kinh tế	Các chuyên ngành	
	Từ thạc sĩ	Kinh tế	Các chuyên ngành	
		Kinh doanh và quản lý	Các chuyên ngành	
2	LỊCH SỬ KINH TẾ			
	Từ cử nhân	Kinh tế học Kinh tế phát triển	Các chuyên ngành	
	Từ thạc sĩ	Kinh tế	Các chuyên ngành	
		Kinh doanh và quản lý	Các chuyên ngành	
3	KINH TẾ BẢO HIỂM			
	Từ cử nhân	Kinh tế	Kinh tế bảo hiểm Bảo hiểm xã hội	
	Từ thạc sĩ	Kinh tế	Các chuyên ngành	
		Kinh doanh và quản lý	Các chuyên ngành	
4	KINH TẾ HỌC			
	Từ cử nhân	Kinh tế	Các chuyên ngành	
	Từ thạc sĩ	Kinh tế	Các chuyên ngành	
		Kinh doanh và quản lý	Các chuyên ngành	
5	THỐNG KÊ KINH TẾ			
	Từ cử nhân	Thống kê kinh tế Toán kinh tế Kinh tế học Tin học kinh tế Toán - Tin	Các chuyên ngành	
	Từ thạc sĩ	Kinh tế Kinh doanh và quản lý Toán - Tin học	Các chuyên ngành	
6	TOÁN KINH TẾ			
	Từ cử nhân	Kinh tế Toán kinh tế Thống kê kinh tế Toán học – Tin học	Các chuyên ngành	
	Từ thạc sĩ	Kinh tế	Các chuyên ngành	
		Kinh doanh và quản lý	Các chuyên ngành	
		Toán học – Tin học	Các chuyên ngành	
7	KINH TẾ ĐẦU TƯ			
	Từ cử nhân	Kinh tế, Kinh tế Đầu tư	Kinh tế Đầu tư	
	Từ thạc sĩ	Kinh tế	Các chuyên ngành	
		Kinh doanh và quản lý	Các chuyên ngành	

STT	Chuyên ngành đăng ký dự tuyển NCS	Các ngành, chuyên ngành đào tạo đại học/thạc sĩ được đăng ký dự tuyển NCS		
		Nhóm ngành / Ngành (ghi trên bằng đại học/thạc sĩ)	Chuyên ngành (ghi trên bằng điểm đại học/thạc sĩ)	Điều kiện kèm theo
8	KINH TẾ PHÁT TRIỂN			
	Từ cử nhân	Kinh tế	Kinh tế phát triển Kế hoạch	
	Từ thạc sĩ	Kinh tế	Các chuyên ngành	
		Kinh doanh và quản lý	Các chuyên ngành	
9	KINH TẾ QUỐC TẾ			
	Từ cử nhân	Kinh tế	Kinh tế quốc tế Kinh tế đối ngoại	
		Quản trị kinh doanh	QTKD quốc tế	
	Từ thạc sĩ	Kinh tế	Các chuyên ngành	
		Kinh doanh và quản lý	Các chuyên ngành	
10	KINH TẾ NÔNG NGHIỆP			
	Từ cử nhân	Kinh tế	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp và tài nguyên	
		Kinh tế	Kinh tế tài nguyên, Kinh tế sinh thái	Thí sinh đang công tác ở các cơ quan, các tổ chức, doanh nghiệp và lĩnh vực liên quan đến nông nghiệp, nông thôn, nông dân
		Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh nông nghiệp; Kinh doanh nông nghiệp	
		Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	
		Kinh doanh nông nghiệp	Kinh doanh nông nghiệp	Thí sinh đang công tác ở các cơ quan, các tổ chức, doanh nghiệp và lĩnh vực liên quan đến nông nghiệp, nông thôn, nông dân
		Phát triển nông thôn	Phát triển nông thôn	
		Kinh tế tài nguyên	Kinh tế tài nguyên	
	Từ thạc sĩ	Kinh tế	Các chuyên ngành	
		Kinh doanh và quản lý	Các chuyên ngành	
		Nông học	Phát triển nông thôn	Thí sinh công tác ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và lĩnh vực liên quan đến nông nghiệp, nông thôn, nông dân
		Lâm nghiệp	Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng	
		Thủy sản	Quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; Khai thác thủy sản	
		Nông nghiệp	Quy hoạch và sử dụng đất nông nghiệp	
		Lâm nghiệp	Điều tra và quy hoạch rừng; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng	
		Xã hội học	Xã hội học nông thôn	
		Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế nông nghiệp	

STT	Chuyên ngành đăng ký dự tuyển NCS	Các ngành, chuyên ngành đào tạo đại học/thạc sĩ được đăng ký dự tuyển NCS		
		Nhóm ngành / Ngành <i>(ghi trên bằng đại học/thạc sĩ)</i>	Chuyên ngành <i>(ghi trên bằng điểm đại học/thạc sĩ)</i>	Điều kiện kèm theo
		Phát triển nông thôn	Phát triển nông thôn	Thí sinh công tác ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và lĩnh vực liên quan đến nông nghiệp, nông thôn, nông dân
		Quản lý kinh tế	Kinh tế và quản lý địa chính, Kinh tế và quản lý môi trường, Quản lý kinh tế	
		Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
		Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	
		Quản lý tài nguyên và môi trường	Quản lý tài nguyên và môi trường	
		Kinh tế phát triển	Kinh tế phát triển	
		Quản lý công	Quản lý công	
11	QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP			
Từ cử nhân	Kinh tế	Kinh tế công nghiệp		
	Quản trị kinh doanh	QTKD CN và XD Quản trị doanh nghiệp		
Từ thạc sĩ	Kinh tế	Các chuyên ngành		
	Kinh doanh và quản lý	Các chuyên ngành		
12	KINH TẾ LAO ĐỘNG			
Từ cử nhân	Kinh tế	Kinh tế lao động		
	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực		
Từ thạc sĩ	Kinh tế	Các chuyên ngành		
	Kinh doanh và quản lý	Các chuyên ngành		
13	KINH TẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG			
Từ cử nhân	Ngân hàng – Tài chính	Ngân hàng; Tài chính doanh nghiệp; Tài chính công; Thị trường chứng khoán; Tài chính quốc tế		
Từ thạc sĩ	Kinh tế	Các chuyên ngành		
	Kinh doanh và quản lý	Các chuyên ngành		
14	KINH TẾ DU LỊCH			
Từ cử nhân	Quản trị kinh doanh	Các chuyên ngành QTKD du lịch, khách sạn, lữ hành	Tốt nghiệp ĐH KTQD hoặc các cơ sở đào tạo khác có thi đại học đầu vào khối A/D	
Từ thạc sĩ	Kinh tế	Các chuyên ngành		
	Kinh doanh và quản lý	Các chuyên ngành		
	Địa lý	Địa lý du lịch		
	Du lịch học	Du lịch		
15	PHÂN BỐ LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ PHÂN VÙNG KINH TẾ			
Từ cử nhân	Kinh tế	Kinh tế và quản lý môi trường, Kinh tế và quản lý đô thị		
Từ thạc sĩ	Kinh tế	Các chuyên ngành		

STT	Chuyên ngành đăng ký dự tuyển NCS	Các ngành, chuyên ngành đào tạo đại học/thạc sĩ được đăng ký dự tuyển NCS		
		Nhóm ngành / Ngành <i>(ghi trên bằng đại học/thạc sĩ)</i>	Chuyên ngành <i>(ghi trên bằng điểm đại học/thạc sĩ)</i>	Điều kiện kèm theo
		Kinh doanh và quản lý	Các chuyên ngành	Có ít nhất 3 năm công tác trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường; quản lý, quy hoạch và tổ chức lãnh thổ.
		Khoa học môi trường và Bảo vệ môi trường	Quản lý môi trường và sử dụng và bảo vệ tài nguyên môi trường	
		Địa lý học	Địa lý kinh tế	
		Kiến trúc	Quy hoạch và Quản lý đô thị & công trình	
		Thủy lợi	Quy hoạch và Quản lý tài nguyên nước	
		Lâm nghiệp	Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng	
		Thủy sản	Quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	
16	KHOA HỌC QUẢN LÝ			
	Từ cử nhân	Kinh tế	Quản lý kinh tế, Kinh tế và quản lý công	
	Từ thạc sĩ	Kinh tế	Các chuyên ngành	
Kinh doanh và quản lý		Các chuyên ngành		
17	QUẢN LÝ CÔNG			
	Từ cử nhân	Kinh tế	Quản lý kinh tế Kinh tế và quản lý công	
	Từ thạc sĩ	Kinh tế	Các chuyên ngành	
Kinh doanh và quản lý		Các chuyên ngành		
18	MARKETING			
	Từ cử nhân	Kinh tế	Thẩm định giá	
		Quản trị kinh doanh	Marketing Quản trị quảng cáo	
	Từ thạc sĩ	Kinh tế	Các chuyên ngành	
		Kinh doanh và quản lý	Các chuyên ngành	
		Mỹ thuật công nghiệp	Thiết kế mỹ thuật công nghiệp	Tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh
19	QUẢN TRỊ KINH DOANH (KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH)			
	Từ cử nhân	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp QTKD CN&XD QTKD Tổng hợp Quản trị chất lượng	
	Từ thạc sĩ	Kinh tế	Các chuyên ngành	
		Kinh doanh và quản lý	Các chuyên ngành	
20	QUẢN TRỊ KINH DOANH (VIỆN QUẢN TRỊ KINH DOANH)			
	Từ cử nhân	Quản trị kinh doanh	QTKD Tổng hợp	

STT	Chuyên ngành đăng ký dự tuyển NCS	Các ngành, chuyên ngành đào tạo đại học/thạc sĩ được đăng ký dự tuyển NCS		
		Nhóm ngành / Ngành <i>(ghi trên bằng đại học/thạc sĩ)</i>	Chuyên ngành <i>(ghi trên bằng điểm đại học/thạc sĩ)</i>	Điều kiện kèm theo
	Từ thạc sĩ	Kinh tế	Các chuyên ngành	
		Kinh doanh và quản lý	Các chuyên ngành	
21	QUẢN TRỊ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN			
Từ cử nhân	Kinh tế	Kinh tế và quản lý địa chính		
	Quản trị kinh doanh	QTKD bất động sản, Kinh doanh bất động sản, Kinh tế bất động sản và địa chính		
Từ thạc sĩ	Kinh tế	Các chuyên ngành		
	Kinh doanh và quản lý	Các chuyên ngành		
	Quản lý đất đai	Các chuyên ngành		
	Kiến trúc	Các chuyên ngành	Đang công tác trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý	
	Quản lý đô thị	Các chuyên ngành		
	Luật	Luật Kinh tế	Thí sinh từng làm luận văn thạc sĩ về luật đất đai, nhà ở, bất động sản; hoặc đang công tác trong lĩnh vực quản lý đất đai, bất động sản.	
	Trắc địa	Các chuyên ngành	Đang công tác ở các cơ quan quản lý nhà nước hoặc các đơn vị kinh doanh thuộc các lĩnh vực có liên quan đến bất động sản...	
Xây dựng/ Kỹ thuật	Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp			
22	CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC TẾ			
Từ cử nhân	Kinh tế	Kinh tế quốc tế Kinh tế đối ngoại		
	Quản trị kinh doanh	QTKD quốc tế		
Từ thạc sĩ	Kinh tế	Các chuyên ngành		
	Kinh doanh và quản lý	Các chuyên ngành		
23	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC			
Từ cử nhân	Kinh tế	Kinh tế lao động, Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực		
	Quản trị kinh doanh	Các chuyên ngành		
	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực		
Từ thạc sĩ	Kinh tế Kinh doanh và quản lý	Các chuyên ngành		
24	KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ THƯƠNG MẠI			
Từ cử nhân	Kinh tế	Hải quan		
	QTKD	QTKD thương mại Thương mại quốc tế Thương mại điện tử		
Từ thạc sĩ	Kinh tế	Các chuyên ngành		

STT	Chuyên ngành đăng ký dự tuyển NCS	Các ngành, chuyên ngành đào tạo đại học/thạc sĩ được đăng ký dự tuyển NCS		
		Nhóm ngành / Ngành (ghi trên bằng đại học/thạc sĩ)	Chuyên ngành (ghi trên bằng điểm đại học/thạc sĩ)	Điều kiện kèm theo
		Kinh doanh và quản lý	Các chuyên ngành	
25	KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ PHÂN TÍCH			
	Từ cử nhân	Kế toán	Kế toán tổng hợp Kiểm toán	
	Từ thạc sĩ	Kinh tế	Các chuyên ngành	
		Kinh doanh và quản lý	Các chuyên ngành	
26	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ			
	Từ cử nhân	Hệ thống thông tin kinh tế	Tin học kinh tế; Hệ thống thông tin quản lý; Hệ thống thông tin kinh doanh; Tin học quản lý; Tin học kế toán; Quản trị thông tin các nguồn lực thông tin	
	Từ thạc sĩ	Quản lý và phân tích thông tin KT	Quản lý và phân tích thông tin kinh tế; Quản trị Hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin kinh doanh; Khoa học ra quyết định và HTTT; Quản trị thông tin/ các nguồn lực thông tin	
		Máy tính	Công nghệ phần mềm; Công nghệ thông tin; Quản trị CNTT HTTT máy tính; Khoa học về thông tin	
		Toán/Máy tính	Toán tin ứng dụng	
		Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh có định hướng Hệ thống thông tin	
		Kinh tế	Các chuyên ngành	Tốt nghiệp đại học chuyên ngành đúng hoặc phù hợp với ngành HTTT Kinh tế
		Kinh doanh và quản lý	Các chuyên ngành	

Ghi chú: Danh mục này có thể được Hội đồng tuyển sinh bổ sung, điều chỉnh hàng năm theo đề xuất của Khoa và được nêu trong Thông báo tuyển sinh.

Phụ lục 5 – Danh mục chứng chỉ ngoại ngữ

Bảng 5.1. Tham chiếu các chứng chỉ tiếng nước ngoài tương đương chứng chỉ tiếng Anh

STT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2

Bảng 5.2. Quy đổi chứng chỉ tiếng Anh bậc 3/6

Loại chứng chỉ	Điểm đạt	Tổ chức cấp
<i>Tiếng Anh</i>		
IELTS	4.5	British Council; IDP Australia và University of Cambridge
TOEFL PBT (ITP)	450	Các trung tâm IIG, IIE hoặc các trung tâm do ETS (Viện Khảo thí Giáo dục Hoa Kỳ) ủy quyền
TOEFL CBT	133	
TOEFL iBT	45	
TOEIC	450	
Cambridge Exam	Preliminary PET	Các cơ sở của nước ngoài
BEC	Business Preliminary	
BULATS	40	
Chứng chỉ tiếng Anh bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc		Các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Phụ lục 6 – Hồ sơ dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Phiếu đăng ký dự tuyển có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự (đối với người đã có việc làm), hoặc trường (nếu là sinh viên vừa tốt nghiệp), hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú (đối với người làm nghề tự do) (có dán ảnh và đóng dấu giáp lai, theo Mẫu B1)

2. Bản sao công chứng của các văn bằng, chứng chỉ sau đây:

- Bằng và bằng điểm tốt nghiệp đại học
- Bằng và bằng điểm thạc sĩ (không yêu cầu đối với người dự tuyển từ bậc đại học)
- Bằng và bằng điểm tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài (nếu có)
- Chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có)

Các bằng và bằng điểm đại học và thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch tiếng Việt và nộp kèm theo bản công chứng Văn bản Công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức) (Mẫu B2).

4. Thư giới thiệu theo quy định tại khoản 4 Điều 6 (Mẫu B3)

5. Đề cương nghiên cứu của người dự tuyển theo quy định tại khoản 3 Điều 6 (Mẫu B4).

6. Bản sao các bài báo hoặc báo cáo khoa học của người dự tuyển theo quy định tại khoản 2 Điều Trong trường hợp NCS có nhiều hơn 1 bài báo, thì cần đóng thành tập, có bản kê khai ở trang bìa (Mẫu B5).

7. Ảnh 3x4, nền trắng, ghi rõ họ tên và ngày sinh của người dự tuyển sau ảnh.

Phụ lục 7 – Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh

Thành viên tiểu ban chuyên môn xét tuyển người dự tuyển đánh giá phân loại người dự tuyển thông qua:

1. Đánh giá hồ sơ dự tuyển

- a. Điểm đánh giá văn bằng và kết quả đào tạo dựa trên mức độ uy tín của cơ sở đào tạo, điểm trung bình học tập, điểm luận văn thạc sĩ (nếu có)
- b. Điểm đánh giá trình độ ngoại ngữ dựa trên văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ của người dự tuyển
- c. Điểm đánh giá dựa trên ý kiến nhận xét và ủng hộ người dự tuyển trong thư giới thiệu
- d. Điểm đánh giá bài báo khoa học dựa trên mức độ uy tín của tạp chí đăng bài, sự phù hợp với hướng và chuyên ngành đăng ký của người dự tuyển và chất lượng bài viết.
- e. Điểm đánh giá chất lượng đề cương nghiên cứu dựa trên sự thuyết phục về lý do lựa chọn đề tài, mức độ sâu sắc và bao quát của phần tổng quan các nghiên cứu có liên quan, tính khoa học thể hiện trong việc xác định mục tiêu, phương pháp nghiên cứu, văn phong trình bày rõ ràng, phù hợp.

2. Đánh giá phần trình bày và vấn đáp của người dự tuyển

Người dự tuyển trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu trước tiểu ban chuyên môn xét tuyển. Vấn đề dự định nghiên cứu của người dự tuyển phải phù hợp với các lĩnh vực nghiên cứu đã được đưa trong thông báo tuyển sinh và người dự tuyển đã được một nhà khoa học đủ tiêu chuẩn theo quy định đồng ý nhận hướng dẫn.

Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá người dự tuyển về các mặt:

- a. Trí tuệ: Sự am hiểu của NCS về vấn đề dự định nghiên cứu, về bản chất và yêu cầu của hoạt động nghiên cứu.
- b. Tư chất và thái độ cần có của một NCS, bao gồm khả năng tư duy phân tích tổng hợp, thái độ nghiêm túc, tự tin và quyết tâm cao, có tính sáng tạo, trung thực, kỷ luật...

Từng thành viên Tiểu ban chuyên môn cho điểm người dự tuyển vào phiếu đánh giá (Mẫu B6). Trưởng Tiểu ban và ủy viên thư ký tổng hợp kết quả cuối cùng của từng người dự tuyển (Mẫu B7).

Phụ lục 8 – Các học phần bổ sung

1. Xác định học phần bổ sung cho NCS

Căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu, người hướng dẫn và Bộ môn xác định các học phần bổ sung cho NCS theo quy định tại khoản 2 Điều 14, đảm bảo các yêu cầu sau:

- *Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ*, các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành tương ứng, trừ các học phần ngoại ngữ và luận văn; có khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ để đảm bảo NCS đạt chuẩn đầu ra Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

- *Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý, nhưng ở chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ*, NCS học bổ sung tối thiểu 2 học phần và tối đa 4 học phần thuộc phần kiến thức chuyên ngành ở trình độ thạc sĩ theo yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

- *Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ ngoài khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý, nhưng có chuyên môn liên quan đến chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ*, NCS học bổ sung tối thiểu 2 học phần thuộc phần kiến thức chuyên ngành và tối thiểu 2 học phần thuộc phần kiến thức cơ bản và/hoặc kiến thức ngành cần thiết ở trình độ thạc sĩ theo yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu. Tổng số học phần NCS phải học tối đa là 7 học phần.

- *Đối với NCS có bằng thạc sĩ nhưng chương trình đào tạo thạc sĩ chưa có học phần về phân tích dữ liệu* (Kinh tế lượng, Phân tích dữ liệu hoặc Thống kê): NCS phải học bổ sung học phần Nhập môn phân tích dữ liệu trong kinh tế.

Ngoài các học phần bắt buộc theo kế hoạch học tập đã được phê duyệt từ đầu khóa, theo gợi ý của người hướng dẫn và Bộ môn, NCS có thể đăng ký tham gia các học phần khác ở trình độ thạc sĩ để phục vụ quá trình nghiên cứu và viết luận án.

2. Tổ chức giảng dạy và học tập các học phần bổ sung

Sau khi đóng học phí cho các học phần bổ sung theo quy định của Trường, NCS đăng ký một trong hai hình thức học bổ sung là học ghép với các lớp thạc sĩ ở học phần tương ứng (Mẫu C8) hoặc tổ chức lớp riêng (Mẫu C9). Việc tổ chức giảng dạy và học tập các học phần bổ sung được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.

Phụ lục 9 – Các học phần ở trình độ tiến sĩ

1. Quy định chung

Các học phần ở trình độ tiến sĩ được tổ chức giảng dạy dưới dạng chuyên đề. Viện Đào tạo Sau đại học chịu trách nhiệm chủ trì tổ chức và mời giảng viên giảng dạy các chuyên đề trong các học phần về phương pháp nghiên cứu căn cứ theo chương trình đã được Hiệu trưởng phê duyệt. Các học phần về lý thuyết chuyên ngành do Bộ môn chịu trách nhiệm điều động giảng viên và tổ chức giảng dạy theo đề cương đã được Hiệu trưởng phê duyệt.

2. Tổ chức giảng dạy

Các lớp học phần ở trình độ tiến sĩ được tổ chức theo khóa học. Trong đó, học phần về phương pháp được tổ chức giảng dạy chung cho tất cả các NCS thuộc khóa và học phần về lý thuyết được tổ chức giảng dạy riêng theo chuyên ngành. Đối với một số chuyên ngành có số lượng NCS lớn (trên 10 NCS), học phần lý thuyết có thể chia thành từng nhóm phù hợp với nội dung của từng lĩnh vực, chuyên môn nghiên cứu sâu.

Tất cả các học phần ở trình độ tiến sĩ phải có đề cương giảng dạy, trong đó nêu rõ: Mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phân bổ thời gian, danh mục tài liệu tham khảo, hình thức đánh giá đối với từng chuyên đề trong học phần. Trong đó, tài liệu tham khảo bao gồm sách chuyên khảo và tạp chí khoa học chuyên ngành.

Tổ chức giảng dạy các học phần ở trình độ tiến sĩ cần chú ý phối hợp truyền đạt kiến thức trên lớp với tự nghiên cứu, phát huy tính tích cực, chủ động của NCS trong học tập thông qua việc giao đọc tài liệu, viết bài thu hoạch, tiểu luận.

Các giảng viên tham gia chương trình cần có bài giảng chi tiết, cần sử dụng các thiết bị hỗ trợ giảng dạy và phương pháp giảng dạy phù hợp với trình độ đào tạo và đề cương học phần đã được phê duyệt.

Việc học tập, nghiên cứu các học phần ở trình độ tiến sĩ là bắt buộc đối với tất cả các NCS của Trường, trừ các trường hợp sau: (1) NCS theo các chương trình hợp tác đào tạo hoặc có đề án đào tạo riêng; (2) NCS được tiếp nhận từ cơ sở đào tạo khác, có thể được xét miễn một số học phần ở trình độ tiến sĩ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 18.

3. Đánh giá học phần

Việc đánh giá các học phần ở trình độ tiến sĩ thực hiện theo các quy định sau đây:

- Điểm học phần cho theo thang điểm 10, là điểm trung bình chung của kết quả đánh giá theo từng chuyên đề trong học phần đó. Điểm từng chuyên đề được lấy lẻ đến 0,5; điểm đánh giá học phần được lấy lẻ đến 0,1.
- NCS thiếu điểm đánh giá một chuyên đề trong học phần thì không được tính điểm học phần (không tính điểm 0 cho phần điểm chuyên đề bị thiếu). NCS sao chép bài của người khác sẽ bị điểm 0 cho phần chuyên đề sao chép.
- Điểm học phần từ 5 điểm trở lên được coi là đạt. Nếu kết quả học phần dưới 5, NCS được phép thực hiện lại một lần các bài tập, tiểu luận hoặc bài thu hoạch chuyên đề chưa đạt kết quả tốt trong thời gian tối đa 2 tháng kể từ ngày có kết quả lần thứ nhất. Quá thời hạn này,

hoặc nếu sau lần đánh giá kết quả thứ hai, điểm học phần của NCS vẫn dưới 5, thì NCS phải học lại học phần đó với khóa tiếp theo.

- Kết quả đánh giá chuyên đề phải được thông báo cho NCS trong thời gian tối đa 1 tháng kể từ ngày kết thúc chuyên đề. Các bài kiểm tra, đánh giá chuyên đề của NCS phải được giảng viên lưu giữ trong vòng 1 năm kể từ ngày thông báo kết quả cho NCS.

4. Khiếu nại về kết quả học tập các học phần ở trình độ tiến sĩ

NCS được quyền khiếu nại về kết quả học tập của mình trong vòng 1 tuần sau khi có thông báo kết quả. Căn cứ vào đơn khiếu nại của NCS, Viện Đào tạo Sau đại học đề xuất cách thức đánh giá lại theo các nguyên tắc sau:

- Việc đánh giá lại phải được tiến hành công khai trước tập thể hoặc nhóm các giảng viên giảng dạy cùng chuyên đề đó. Trong trường hợp chỉ có một giảng viên giảng dạy độc lập, việc đánh giá lại do Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học (đối với các học phần phương pháp nghiên cứu) hoặc Trưởng Bộ môn (đối với các học phần lý thuyết chuyên ngành) quyết định kết quả cuối cùng (có thể tham khảo ý kiến chuyên gia nếu cần).

- Kết quả đánh giá lại sẽ được sử dụng để tính điểm học phần của NCS.

Phụ lục 10 – Tiểu luận tổng quan

1. Yêu cầu về kết cấu

Bài tiểu luận tổng quan cần nêu được bối cảnh nghiên cứu cụ thể để người chấm có cơ sở đánh giá. Do vậy, ngoài phần Tổng quan nghiên cứu, bài tiểu luận tổng quan cần có các phần Lý do lựa chọn đề tài, Mục tiêu nghiên cứu, Phương pháp nghiên cứu dự kiến, Đóng góp mới dự kiến.

2. Yêu cầu về nội dung phần Tổng quan nghiên cứu

Tổng quan tình hình nghiên cứu là phần tổng hợp, phân tích, so sánh, đánh giá các công trình đã nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án (như bài báo khoa học, sách, kỷ yếu của các hội thảo khoa học, các đề tài nghiên cứu khoa học được công bố trong và ngoài nước). Nội dung phần tổng quan tình hình nghiên cứu cần đề cập tới những vấn đề chính sau đây:

- Những hướng nghiên cứu chính của vấn đề đã được thực hiện
- Những cơ sở lý thuyết chính đã được áp dụng để nghiên cứu vấn đề
- Những kết quả nghiên cứu chính của các công trình nghiên cứu
- Những phương pháp nghiên cứu đã được áp dụng
- Hạn chế của những nghiên cứu trước và những vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu

Phần tổng quan tình hình nghiên cứu phải đạt được những yêu cầu sau đây:

- Tính toàn diện: NCS phải tổng hợp được những nghiên cứu điển hình, nghiên cứu nền tảng và nghiên cứu được công bố gần đây trong lĩnh vực nghiên cứu.
- Tính phê phán: NCS phải tổng hợp, so sánh, phân tích, và đánh giá những nghiên cứu trước một cách có hệ thống, chỉ rõ những kết quả đạt được cũng như hạn chế của các nghiên cứu trước, từ đó xác định “khoảng trống” tri thức hoặc những câu hỏi nghiên cứu còn bỏ ngỏ, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam.
- Tính phát triển: Trên cơ sở tổng hợp và phân tích những nghiên cứu trước, NCS gợi mở những chủ đề cần tiếp tục nghiên cứu liên quan tới đề tài.

3. Yêu cầu về hình thức Bài tiểu luận tổng quan

Tiểu luận tổng quan được viết trong khoảng 7.000-10.000 từ, gồm các phần:

- Bìa tiểu luận (*Mẫu C10*)
- Mục lục
- Các phần nội dung (theo quy định tại mục 1)
- Tài liệu tham khảo
- Phụ lục (nếu có)

Định dạng văn bản, cách trình bày tiểu mục, tên bảng biểu, hình vẽ... tuân thủ quy định về hình thức trình bày của luận án tiến sĩ (*Phụ lục 14*).

4. Thang điểm đánh giá bài tiểu luận tổng quan trong bối cảnh nghiên cứu

Nội dung	Điểm tối đa
Tính thuyết phục của đề tài nghiên cứu	1.0
Tổng quan nghiên cứu	
Tính toàn diện	2.0
Tính phê phán	2.0
Tính phát triển	1.5
Cách trình bày tài liệu tham khảo	0.5
Mục tiêu (câu hỏi) nghiên cứu	1.0
Phương pháp nghiên cứu dự kiến	1.0
Đóng góp mới dự kiến	1.0
Tổng	10.0

5. Cách thức đánh giá

Sau khi hoàn thành bài tiểu luận tổng quan và được người hướng dẫn kiểm tra độ trùng lặp của bài tiểu luận qua phần mềm chuyên dụng theo quy định của Nhà trường, NCS gửi bài tiểu luận tổng quan tới Bộ môn.

Bộ môn chịu trách nhiệm lựa chọn người đánh giá và gửi chấm tiểu luận (phiếu chấm theo Mẫu C11) theo quy định tại khoản 6 Điều 16 trước khi gửi kết quả cho Viện Đào tạo Sau đại học tổng hợp.

Bài tiểu luận tổng quan được coi là đạt nếu có điểm trung bình từ 5 trở lên. NCS được phép viết lại bài tiểu luận tổng quan một lần. Nếu cả hai lần đều không đạt, NCS phải học lại Học phần 1 trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

Phụ lục 11 – Các chuyên đề tiến sĩ

1. Yêu cầu về nội dung của các chuyên đề tiến sĩ

Mỗi NCS phải hoàn thành 2 chuyên đề tiến sĩ với chủ đề và nội dung của các chuyên đề tiến sĩ không được trùng lặp với nhau.

Mỗi chuyên đề phải phản ánh được một nội dung nghiên cứu hoàn chỉnh liên quan trực tiếp đến chủ đề nghiên cứu của luận án. Nếu các chuyên đề là nội dung cấu thành của một nghiên cứu (ví dụ: Chuyên đề 1 - Tổng quan nghiên cứu; Chuyên đề 2 - Thực trạng ...) thì được coi là không hợp lệ.

2. Yêu cầu về kết cấu của một chuyên đề tiến sĩ

Mỗi chuyên đề tiến sĩ cần có đầy đủ các phần sau:

- Đặt vấn đề: làm rõ tính cấp thiết, lý do nghiên cứu của chủ đề lựa chọn, mục tiêu và/hoặc câu hỏi nghiên cứu của chuyên đề.
- Tổng quan nghiên cứu: khái quát các nghiên cứu trước đây ở trong và ngoài nước có liên quan đến chủ đề lựa chọn của chuyên đề và chỉ ra được khoảng trống nghiên cứu.
- Phương pháp nghiên cứu: trình bày khung lý thuyết, phương pháp sử dụng cho việc thu thập và phân tích dữ liệu trong chuyên đề.
- Kết quả nghiên cứu: báo cáo các kết quả phân tích và bình luận của chuyên đề
- Kết luận: trình bày những kết luận căn bản về kết quả nghiên cứu của chuyên đề và các khuyến nghị nếu có.

3. Yêu cầu về hình thức của một chuyên đề tiến sĩ

Chuyên đề được viết dưới dạng bài tiểu luận, từ 20-30 trang A4, gồm các phần:

- Bìa chuyên đề (Mẫu C12)
- Mục lục
- Các phần nội dung theo quy định ở mục 2
- Tài liệu tham khảo
- Phụ lục (nếu có)

Định dạng văn bản, cách trình bày tiêu mục, tên bảng biểu, hình vẽ... tuân thủ quy định về hình thức trình bày của luận án tiến sĩ (Phụ lục 14).

4. Đánh giá chuyên đề tiến sĩ

Sau khi NCS hoàn thành các chuyên đề tiến sĩ và được người hướng dẫn kiểm tra độ trùng lặp của chuyên đề qua phần mềm chuyên dụng theo quy định của Nhà trường, Bộ môn đánh giá sơ bộ về việc đảm bảo những yêu cầu liên quan nội dung, kết cấu và hình thức của các chuyên đề tiến sĩ trước khi gửi đề xuất thành lập tiểu ban chấm chuyên đề tiến sĩ tới Hiệu trưởng (qua Viện Đào tạo Sau đại học, Mẫu C13) kèm theo 2 quyển chuyên đề của NCS.

Căn cứ đề nghị của Bộ môn, Viện Đào tạo Sau đại học trình Hiệu trưởng ký Quyết định thành lập tiểu ban chấm chuyên đề tiến sĩ (Mẫu C14) và gửi Quyết định kèm theo mẫu biên bản (Mẫu C15) cho Bộ môn.

Sau khi có Quyết định, Bộ môn liên hệ các thành viên tiểu ban, sắp xếp lịch bảo vệ chuyên đề và tổ chức đánh giá chuyên đề cho NCS.

Việc đánh giá các chuyên đề tiến sĩ được thực hiện bằng cách NCS trình bày trước Tiểu ban chấm chuyên đề (tối đa 20 phút/chuyên đề). Các thành viên tiểu ban và những người tham dự đặt câu hỏi, thảo luận... như trong một buổi sinh hoạt khoa học của Bộ môn.

Căn cứ chất lượng báo cáo và khả năng ứng đáp của NCS trong buổi đánh giá chuyên đề, Tiểu ban sẽ đánh giá mỗi chuyên đề theo thang điểm 10, trong đó:

- Phần nội dung tối đa 9 điểm: đánh giá ý nghĩa của chuyên đề và những nội dung đã được giải quyết trong chuyên đề.
- Phần hình thức tối đa 1 điểm: đánh giá văn phong, quy chuẩn trình bày và danh mục tài liệu tham khảo.

Kết quả đánh giá được lập thành biên bản và gửi cho Viện Đào tạo Sau đại học trong vòng 1 tuần sau buổi đánh giá chuyên đề.

Chuyên đề được coi là đạt nếu điểm trung bình của chuyên đề từ 5.0 trở lên. Đối với những chuyên đề không đạt (có điểm trung bình dưới 5.0), NCS phải sửa chữa, bổ sung chuyên đề không đạt và trình bày lại trước Tiểu ban chấm chuyên đề cho đến khi đạt yêu cầu.

Phụ lục 12 – Chuỗi seminar cấp Trường trong chương trình đào tạo tiến sĩ

1. Mục tiêu tổ chức

Mục tiêu tổ chức chuỗi Seminar là tạo môi trường trao đổi học thuật, giúp NCS học hỏi, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm nghiên cứu với các nhà khoa học và NCS khác.

Chuỗi Seminar gồm hai hoạt động:

- a. Các nhà khoa học trình bày sản phẩm học thuật đã được công bố trên các tạp chí chuyên ngành uy tín. Việc tham dự các buổi trình bày sẽ giúp NCS nhận được các kiến thức chuyên môn, đồng thời có thể học hỏi, trao đổi với các nhà khoa học về cách viết, cách trình bày, cách thức xây dựng mô hình nghiên cứu, xây dựng thang đo, và những kinh nghiệm xử lý dữ liệu và phân tích kết quả nghiên cứu.
- b. Bên cạnh các bài trình bày đến từ các nhà khoa học, hoạt động này cũng dành cho các nghiên cứu sinh trình bày bài viết của mình. Khi tham dự hoạt động này, bài viết của NCS sẽ được gửi phản biện và nhận góp ý tại buổi trình bày từ các nhà khoa học, điều này sẽ hỗ trợ NCS có thêm ý kiến để nâng cao chất lượng bài viết.

2. Cách thức tổ chức

Viện Đào tạo Sau đại học gửi kế hoạch tổ chức từ đầu năm học để NCS các khóa đăng ký tham gia.

- a. Đối với buổi trình bày của các nhà khoa học, NCS cần đăng ký tham dự nếu quan tâm đến chủ đề được trình bày. Căn cứ số lượng NCS đăng ký, Viện Đào tạo Sau đại học liên hệ với nhà khoa học để sắp xếp thời gian trình bày và thông báo lịch cho các NCS đã đăng ký.
- b. Đối với buổi trình bày của NCS, NCS cần gửi trước bài viết 1 tháng (dưới dạng slide và báo cáo bản word) cho Viện Đào tạo Sau đại học. Báo cáo bản word là một bài viết hoàn chỉnh, có kết cấu tương tự một chuyên đề tiến sĩ. Sau khi thực hiện chỉnh sửa bài viết theo yêu cầu (nếu có), NCS sẽ được sắp xếp theo lịch trình bày và Viện Đào tạo Sau đại học thông báo lịch cho các NCS có quan tâm đến tham dự.

Mỗi NCS cần tham gia tối thiểu 50% số seminar trong chương trình đào tạo tiến sĩ do Trường tổ chức trong thời gian đào tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 13.

Phụ lục 13 – Báo cáo kết quả nghiên cứu

1. Mục đích và ý nghĩa của việc báo cáo kết quả nghiên cứu

Việc báo cáo kết quả nghiên cứu cấp Trường cần được thực hiện tối thiểu một lần đối với một NCS từ năm thứ hai. Việc tổ chức các buổi báo cáo kết quả nghiên cứu của NCS trước Hội đồng nhằm mục đích giúp NCS tăng cơ hội tiếp thu ý kiến đóng góp, phản biện của các chuyên gia và các NCS khác trong lĩnh vực nghiên cứu; góp phần tìm hướng giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình nghiên cứu; tăng cường môi trường sinh hoạt khoa học, đảm bảo tiến độ nghiên cứu và hoàn thành luận án của NCS.

2. Cách thức tổ chức

Báo cáo kết quả nghiên cứu được tổ chức định kỳ vào thứ 5 hàng tuần (trừ ngày lễ) từ tháng 10 hàng năm đến tháng 3 năm kế tiếp. Hai tuần trước buổi báo cáo, NCS cần gửi tới Viện Đào tạo Sau đại học bản mềm báo cáo kết quả nghiên cứu đã được người hướng dẫn thông qua, đảm bảo các quy định tại mục 3. Viện Đào tạo Sau đại học chịu trách nhiệm gửi toàn văn nội dung báo cáo của NCS cho người phản biện chậm nhất 1 tuần trước ngày báo cáo.

Thành viên tham dự các buổi báo cáo kết quả nghiên cứu bao gồm: Người hướng dẫn của các NCS có báo cáo trong buổi họp, các nhà khoa học và chuyên gia trong/ngoài trường cùng lĩnh vực nghiên cứu với đề tài của NCS, đại diện Viện Đào tạo Sau đại học.

3. Quy định về nội dung báo cáo kết quả nghiên cứu

Báo cáo kết quả nghiên cứu cần có các mục sau (trong đó a, b, c, d và e là bắt buộc):

- a. Mục lục;
- b. Giới thiệu (3-5 trang): lý do lựa chọn đề tài; mục tiêu, phạm vi và đối tượng nghiên cứu; cơ sở lý thuyết chính; tóm tắt phương pháp nghiên cứu; kết quả đạt được;
- c. Dự kiến các đề mục chi tiết của luận án;
- d. Nội dung (tối thiểu 30 trang): tập hợp toàn bộ kết quả nghiên cứu từ trước đến nay (bao gồm cả những phần còn dang dở), có thể sắp xếp theo trình tự theo gợi ý sau:
 - Tổng quan nghiên cứu và Cơ sở lý thuyết;
 - Phương pháp nghiên cứu (thiết kế nghiên cứu; phương pháp chọn mẫu, thu thập và phân tích dữ liệu);
 - Các kết quả đã thu được (mô tả dữ liệu đã thu thập; kết quả phân tích số liệu...);
 - Bàn luận về các kết quả đã thu được và những đề xuất giải pháp dựa trên các kết quả này.
- đ. Những khó khăn vướng mắc cần xin ý kiến;
- e. Danh mục tài liệu tham khảo;
- g. Phụ lục: Bao gồm những nội dung cần thiết nhằm minh họa hoặc hỗ trợ cho nội dung báo cáo như số liệu, mẫu biểu, mẫu phiếu điều tra....

4. Quy định về hình thức báo cáo

Định dạng văn bản, cách trình bày tiêu mục, tên bảng biểu, hình vẽ, cách trích dẫn tài liệu... tuân thủ quy định về hình thức trình bày của luận án tiến sĩ (*Phụ lục 14*).

Phụ lục 14 – Quy định luận án tiến sĩ

A. Quy định về kết cấu luận án tiến sĩ

Luận án tiến sĩ cần đảm bảo kết cấu như sau:

- Bìa luận án (*Mẫu D1*): bản chính thức cuối cùng cần đóng bìa cứng màu tím than, có in chữ nhũ bạc.
- Cam kết của NCS về sự trung thực trong học thuật;
- Mục lục, danh mục các hình vẽ, danh mục các bảng biểu, danh mục các từ viết tắt;
- Mở đầu: Nêu Lý do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học hoặc thực tiễn của đề tài;
- Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, từ đó chỉ ra khoảng trống nghiên cứu, xác định mục tiêu của đề tài và các câu hỏi nghiên cứu;
- Cơ sở lý thuyết, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu;
- Kết quả nghiên cứu và phân tích đánh giá;
- Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;
- Danh mục các bài báo/công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có);
- Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;
- Phụ lục (nếu có).

B. Quy định về nội dung luận án tiến sĩ

1. Mở đầu

Phần mở đầu cần nêu được ít nhất các mục sau:

a. Lý do chọn đề tài: NCS nêu rõ những yêu cầu từ lý thuyết và/hoặc thực tiễn về tri thức mới làm cơ sở cho việc lựa chọn đề tài. NCS cần luận giải một cách thuyết phục vì sao các nhà lý luận và hoạt động thực tiễn quan tâm tới vấn đề của luận án, như tầm ảnh hưởng của vấn đề tới hoạt động thực tiễn của nền kinh tế, tính chất trường tồn của vấn đề, và vì sao những nghiên cứu trước đây chưa giải đáp thỏa đáng những câu hỏi đặt ra về vấn đề này.

b. Mục đích nghiên cứu: NCS trình bày mục đích nghiên cứu dưới dạng những tri thức mới sẽ được luận án phát hiện. Những tri thức mới này có thể là cơ sở cho việc phát triển lý thuyết hoặc đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề thực tiễn. Tri thức mới có thể được trình bày dưới dạng những nhân tố mới, mối quan hệ giữa các nhân tố, hay quá trình phát triển của đối tượng nghiên cứu. Mục đích nghiên cứu có thể được hỗ trợ bằng các câu hỏi nghiên cứu cụ thể. NCS không trình bày mục đích nghiên cứu dưới dạng hoạt động nghiên cứu như tổng quan lý thuyết, phân tích thực trạng, hay đề xuất giải pháp.

c. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu: NCS trình bày khách thể và đối tượng nghiên cứu, giới

hạn phạm vi nghiên cứu của đề tài.

d. Những đóng góp mới của đề tài: NCS giới thiệu những đóng góp mới của đề tài dưới dạng những tri thức mới được phát hiện, hoặc câu trả lời cho những vấn đề lý thuyết và thực tiễn đang đặt ra. NCS phải thể hiện những tri thức mới này tích hợp như thế nào với những tri thức đã biết trong cùng vấn đề nghiên cứu. NCS không trình bày đóng góp mới của đề tài dưới dạng các hoạt động nghiên cứu như tổng hợp được các vấn đề lý thuyết, đánh giá được thực trạng, hoặc đề xuất được các giải pháp.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Tổng quan tình hình nghiên cứu là phần tổng hợp, phân tích, so sánh, đánh giá các công trình đã nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án. Nội dung phần tổng quan tình hình nghiên cứu cần đề cập tới những vấn đề chính sau đây:

- Những hướng nghiên cứu chính của vấn đề đã được thực hiện
- Những cơ sở lý thuyết chính đã được áp dụng để nghiên cứu vấn đề
- Những kết quả nghiên cứu chính của các công trình nghiên cứu
- Những phương pháp nghiên cứu đã được áp dụng
- Hạn chế của những nghiên cứu trước và những vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu

Phần tổng quan tình hình nghiên cứu cần đảm bảo các tiêu chuẩn theo yêu cầu của bài tiểu luận tổng quan.

3. Cơ sở lý thuyết và giả thuyết nghiên cứu

Trong phần này, NCS cần phải đáp ứng được những yêu cầu sau đây:

- Lựa chọn một hoặc một số lý thuyết làm cơ sở cho đề tài nghiên cứu của mình và luận giải lý do cho sự lựa chọn đó.
- Trình bày những luận điểm chính của (các) lý thuyết được lựa chọn.
- Tóm tắt kết quả những nghiên cứu điển hình trước có ứng dụng lý thuyết vào nghiên cứu vấn đề liên quan đến đề tài.
- Trình bày định hướng nghiên cứu cho đề tài trên cơ sở những luận điểm lý thuyết và kết quả nghiên cứu trước. Phần này có thể được thể hiện dưới dạng khung nghiên cứu, mô hình nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu.

Trong trường hợp vấn đề nghiên cứu quá mới, chưa có cơ sở để xác định lý thuyết phù hợp, thì mục tiêu của nghiên cứu có thể là xây dựng mô hình lý thuyết mới. Trong trường hợp này, phần Cơ sở lý thuyết có thể chỉ tổng hợp những lý thuyết có liên quan mà chưa đi đến xác định biến số cụ thể hoặc/và xây dựng mô hình cho các biến số đó.

4. Phương pháp nghiên cứu

NCS trình bày cụ thể cách thức, quy trình tiến hành nghiên cứu nhằm trả lời câu hỏi nghiên cứu hoặc kiểm định các giả thuyết nghiên cứu. Phương pháp nghiên cứu cần được mô tả rõ ràng và chi tiết để người đọc có thể xác định được tính phù hợp và độ tin cậy của dữ liệu, phương pháp và kỹ thuật phân tích, và các kết quả nghiên cứu.

Tác giả có thể lựa chọn phương pháp nghiên cứu định tính hoặc định lượng, hoặc cả hai tùy theo cách tiếp cận mà mình lựa chọn, trong đó cần thể hiện mô hình và các giả thuyết nghiên cứu (nghiên cứu định lượng) và/hoặc thiết kế nghiên cứu định tính. Phần này cũng cần trình bày cách thức thu thập và phân tích dữ liệu.

5. Kết quả nghiên cứu

Phần báo cáo kết quả nghiên cứu cần thể hiện rõ những tri thức mới được phát hiện trên cơ sở kết quả phân tích dữ liệu. NCS phải bám sát mục tiêu nghiên cứu hoặc các câu hỏi nghiên cứu khi trình bày kết quả nghiên cứu.

Trong phần bàn luận, NCS trình bày những hạn chế của luận án và những khuyến cáo có thể có trong việc sử dụng kết quả nghiên cứu. Các kết quả nghiên cứu cần được so sánh, đối chiếu với những kết quả của các nghiên cứu trước. NCS luận giải sự tương đồng và khác biệt giữa kết quả nghiên cứu với các nghiên cứu trước, và bàn luận về lý do có sự khác biệt đó. Cuối phần này, NCS cần bàn luận về ý nghĩa lý thuyết và thực tiễn của kết quả nghiên cứu.

6. Kết luận và kiến nghị

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, NCS đưa ra những kiến nghị về giải pháp giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan (ví dụ như kiến nghị thay đổi cơ chế chính sách hay giải pháp quản lý). Những kiến nghị này phải bắt nguồn từ kết quả nghiên cứu của luận án, có tính mới, tính sáng tạo, và khả thi. Đối với những giải pháp đã và đang được áp dụng trên thực tế vào thời điểm nghiên cứu, NCS có thể bình luận các giải pháp đó có phù hợp với kết quả nghiên cứu của luận án hay không chứ không lấy những giải pháp đó là phát hiện hay kiến nghị của luận án. NCS không đề xuất những giải pháp không dựa trên cơ sở các kết quả nghiên cứu của luận án.

Về mặt lý thuyết, NCS trình bày kiến nghị về những hướng nghiên cứu hoặc phương pháp nghiên cứu mới liên quan tới đề tài của luận án.

C. Quy định về hình thức luận án tiến sĩ

1. Hệ soạn thảo và định dạng trang văn bản

Luận án sử dụng phông chữ Times New Roman của hệ soạn thảo Ms. Winword. Luận án được in trên một mặt giấy trắng khổ A4 (21 x 29,7 cm), độ dài từ phần mở đầu đến hết phần kết luận trong khoảng 70.000-100.000 từ, không kể phụ lục.

Luận án phải được trình bày rõ ràng, mạch lạc, không được tẩy xóa, có đánh số trang, đánh số bảng biểu, hình vẽ, sơ đồ, đồ thị... Số trang được đặt ở lề dưới, căn giữa, đánh số La mã từ trang có Lời cam kết, đánh số Ả rập từ trang đầu tiên của phần Mở đầu đến trang cuối cùng của luận án. Định dạng văn bản (bao gồm đoạn văn thường và tên chương, tiểu mục, tên bảng, biểu, hình, sơ đồ) không lùi vào đầu dòng.

Ngoài ra, luận án phải tuân thủ các quy chuẩn về định dạng trang văn bản và trình bày như sau:

- a. Định dạng trang văn bản: Lề trên 2 cm, lề dưới 3 cm, lề trái 3 cm, lề phải 2 cm; dẫn dòng 1.3, cách đoạn 6 pt.
- b. Định dạng đoạn văn thường: Cỡ chữ 13, kiểu chữ thường, dẫn dòng 1.3, cách đoạn 6 pt, căn lề đều hai bên lề.

c. Định dạng tên chương và các tiểu mục:

Tên chương: Cỡ chữ 14, kiểu chữ in hoa, nét đậm, dẫn dòng 1.3, cách đoạn 6 pt, căn lề giữa, đánh số lần lượt theo hệ chữ Ả rập (Chương 1, Chương 2, ...)

Tiểu mục cấp 2: Cỡ chữ 14, kiểu chữ in thường, nét đậm, dẫn dòng 1.3, cách đoạn 6 pt, căn lề trái, đánh số gồm số đầu là số Chương và số thứ hai là thứ tự của tiểu mục cấp 2 trong chương, có dấu chấm phân cách giữa hai số, ví dụ các mục 1.1, 1.2 nằm trong Chương 1.

Tiểu mục cấp 3: Cỡ chữ 14, kiểu chữ in thường, nét đậm, nghiêng, dẫn dòng 1.3, cách đoạn 6 pt, căn lề trái, đánh số gồm số đầu là số Chương, số thứ hai là số tiểu mục cấp 2, số thứ ba là thứ tự của tiểu mục cấp 3, có dấu chấm phân cách giữa các số, ví dụ các tiểu mục 1.1.1, 1.1.2 nằm trong Chương 1, tiểu mục 1.1.

Tiểu mục cấp 4: Cỡ chữ 14, kiểu chữ in thường, nét nghiêng, dẫn dòng 1.3, cách đoạn 6 pt, căn lề trái, đánh số gồm số đầu là số Chương, số thứ hai là số tiểu mục cấp 2, số thứ ba là số tiểu mục cấp 3, số thứ tư là thứ tự của tiểu mục cấp 4, có dấu chấm phân cách giữa các số, ví dụ các tiểu mục 1.1.1.1, 1.1.1.2 nằm trong Chương 1, tiểu mục 1.1.1.

2. Trình bày bảng, sơ đồ, hình vẽ

a. Các bảng, biểu dữ liệu trình bày trong luận án được ghi thống nhất là Bảng. Các đồ thị, biểu đồ, sơ đồ trong luận án được ghi thống nhất là Hình.

b. Các bảng và hình phải có nội dung là ngôn ngữ tiếng Việt (đối với luận án bằng tiếng Việt) hoặc ngôn ngữ tiếng Anh (đối với luận án bằng tiếng Anh), kể cả bảng và hình trích xuất từ các phần mềm xử lý dữ liệu.

c. Các bảng và hình trong luận án phải được đánh số theo quy tắc sau: sau các chữ **Bảng** và **Hình**, gồm số đầu là số Chương, số thứ hai là thứ tự xuất hiện của Bảng và Hình trong luận án, ví dụ Bảng 1.1, Hình 1.1 nằm trong Chương 1.

d. Mỗi bảng/hình cần phải có tên tương ứng mô tả chính xác nội dung của bảng/hình. Số thứ tự và tên bảng được đặt ở vị trí phía trên của bảng đó, số thứ tự và tên hình được đặt ở vị trí phía dưới hình đó. Tên bảng/hình có cỡ chữ 13, kiểu chữ in thường, nét đậm; dẫn dòng 1.3; cách đoạn 6 pt, căn lề giữa.

đ. Các bảng/hình trong luận án phải được dẫn nguồn. Nguồn được đặt dưới cùng của bảng/hình, kiểu chữ in nghiêng, không in đậm. Các ghi chú để giải thích thêm cho bảng/hình (nếu có) được đặt phía dưới nguồn.

3. Trình bày viết tắt, viết hoa, dữ liệu

a. Viết tắt:

Từ ngữ, thuật ngữ, tên địa danh tiếng Việt không được phép viết tắt. Ví dụ: phải viết đầy đủ “doanh nghiệp” chứ không viết “DN”; hoặc phải viết “chính sách tiền tệ” thay vì “CSTT”.

Từ ngữ, thuật ngữ và tên tổ chức bằng tiếng Anh được phép viết tắt, bao gồm cả tổ chức của Việt Nam có tên tiếng Anh. Các từ viết tắt chỉ được sử dụng sau khi chúng được NCS giới thiệu sau cụm từ đầy đủ ở lần xuất hiện đầu tiên trong luận án. Ví dụ: World Bank (WB) hoặc Small and medium-sized enterprises (SMEs), Tổng cục Thống kê (GSO),...

Đối với các thuật ngữ hoặc tên tổ chức có từ tiếng Việt tương đương thì có thể dùng từ tiếng Việt ở lần xuất hiện đầu tiên, sau đó chú thích viết tắt. Ví dụ: Ngân hàng Thế giới (WB), Tổng sản phẩm quốc nội (GDP), Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)...

Các đơn vị đo lường thông dụng được sử dụng ngay mà không cần giới thiệu. Ví dụ: km, cm, m.

Nếu luận án có nhiều chữ viết tắt thì phải có bảng danh mục các chữ viết tắt (xếp theo thứ tự ABC) ở phần đầu luận án.

b. Viết hoa: Từ ngữ được viết hoa khi là danh từ riêng (tên riêng) và không viết hoa khi là danh từ chung. Khi từ được viết hoa là một từ ghép và không phải tên riêng thì chỉ viết hoa chữ cái đầu tiên của từ đầu tiên. Các trường hợp điển hình bao gồm (nhưng không giới hạn) tên các cơ quan, tổ chức (Ngân hàng Thế giới, Tổng cục Thống kê...), tên các cá nhân (Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp...), tên địa danh, địa điểm (Hà Nội, Quận Hoàn Kiếm...). Tên các tổ chức hay thể chế được dùng trong cụm từ mà nó có vai trò là tính từ bỏ nghĩa thì không viết hoa (các ngân hàng thương mại, ngành dệt may...).

c. Tên riêng: Tên riêng của cá nhân, tổ chức, quốc gia hay địa danh nước ngoài được viết theo chuẩn tiếng Anh, trừ trường hợp tên đó đã có cách phiên âm khác đang được dùng phổ biến. Ví dụ:

- Theo chuẩn tiếng Anh: Philippines, Malaysia, Myanmar,...
- Tên Hán - Việt: Pháp, Mỹ, Hoa Kỳ, Ấn Độ, Luân Đôn, Bắc Kinh,...
- Phiên âm từ tiếng Nga: Gruzia (thay cho Georgia), Latvia (thay cho Lithuania),...

d. Định dạng số

Đối với luận án viết bằng tiếng Việt, định dạng số như sau: dấu phẩy (,) được biểu trưng cho nhóm dãy số thập phân; dấu chấm (.) biểu trưng cho phân nhóm các dãy số hàng đơn vị, hàng chục hàng trăm hàng nghìn...

Đối với luận án viết bằng tiếng Anh, định dạng số ngược lại với tiếng Việt: dấu phẩy (,) được biểu trưng cho phân nhóm các dãy số hàng đơn vị, hàng chục hàng trăm hàng nghìn...; dấu chấm (.) biểu trưng cho cho nhóm dãy số thập phân.

đ. Đơn vị đo lường: Luận án sử dụng hệ đo lường phổ biến tại Việt Nam. Nếu NCS sử dụng các đơn vị thuộc hệ khác thì cần quy đổi. Ví dụ: Đoạn đường này dài 10 dặm (tương đương khoảng 16,1 km).

e. Đơn vị tiền tệ: Viết đầy đủ tên đồng tiền bằng tiếng Việt ở lần xuất hiện đầu tiên, sau đó chú thích và viết tắt 3 chữ cái theo chuẩn quốc tế. Ví dụ: “Đồng Yên Nhật Bản (JPY) hôm nay tăng giá thêm 10%”; “Ngân hàng Nhà nước tiếp tục giảm giá đồng Việt Nam (VND) thêm 10%”.

g. Ghi chú cuối trang (footnotes): Phải được đánh số theo thứ tự tăng dần (1, 2, 3,...) và phải tương ứng với số đánh ghi chú trong nội dung luận án. Các ghi chú phải ngắn gọn, chỉ sử dụng trong trường hợp thật cần thiết.

4. Tài liệu tham khảo và cách trích dẫn

4.1. Quy định chung

- Trích dẫn tài liệu tham khảo là một yêu cầu bắt buộc đối với các nghiên cứu khoa học. Việc thể hiện các trích dẫn tài liệu tham khảo có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá độ chuyên sâu và tính nghiêm túc của nghiên cứu. NCS không được sử dụng tài liệu (ví dụ như bảng biểu, hình vẽ, công thức, đồ thị, phương trình, khái niệm, ý tưởng...) của người khác, bao gồm cả đồng tác giả, mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu.
- NCS phải trích dẫn tham khảo tất cả các tài liệu sử dụng trong cả hai trường hợp: sao chép trực tiếp từ ngữ của tác giả và chuyển tải ý tưởng của tác giả sang từ ngữ riêng của mình. Tuy nhiên, NCS không nên trích dẫn những kiến thức phổ biến, mọi người đều biết, cũng như không làm luận án nặng nề với những tham khảo trích dẫn.
- Trích dẫn tài liệu tham khảo bao gồm trích dẫn trong nội dung luận án và danh mục tài liệu tham khảo. Mỗi trích dẫn trong bài viết phải tương ứng với danh mục nguồn tài liệu được liệt kê trong danh sách tài liệu tham khảo. Các tài liệu trong danh mục tham khảo phải được trích dẫn ít nhất một lần trong bài viết.

4.2. Quy định về cách trích dẫn trong nội dung luận án

4.2.1. Các thông tin trích dẫn trong nội dung luận án, bao gồm:

- (1) Họ tên tác giả hoặc tên tổ chức xuất bản tài liệu (dưới đây gọi tắt là tên tác giả)
 - + Tác giả tên tiếng Việt: ghi đầy đủ cả họ và tên trong phần trích dẫn. Tác giả tên tiếng nước ngoài: chỉ ghi họ trong phần trích dẫn (Xem ví dụ bên dưới).
 - + Trường hợp đặc biệt: Nếu tác giả người Việt xuất bản tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì trình bày trích dẫn theo đúng tên ghi trên tài liệu. Ví dụ: tác giả Nguyễn Văn A xuất bản bài báo tiếng Anh, trên bài ghi tên là Nguyen, V.A. thì trong bài trích Nguyen, V.A. (2009).
 - + Nếu có hai tác giả thì giữa các tên tác giả có ký tự "&". Nếu có từ ba tác giả trở lên thì viết tên tác giả đầu tiên và thêm "& cộng sự".
- (2) Năm xuất bản tài liệu
- (3) Trang tài liệu trích dẫn: chỉ cần trong trường hợp trích dẫn nguyên văn.

4.2.2. Hai cách trình bày trích dẫn trong bài viết

4.2.2.1. *Trích dẫn nguyên văn*: sao chép chính xác từ ngữ, câu, đoạn văn mà NCS dùng. Câu trích dẫn nguyên văn phải được để trong dấu ngoặc kép (" ") và bắt buộc phải ghi cả số trang của nguồn được trích.

a. Khi cần trích dẫn một đoạn ít hơn hai câu hoặc bốn dòng đánh máy thì NCS viết trong đoạn văn bản thông thường.

Ví dụ: Bryman (2010, 67) viết rằng "trong khi nghiên cứu định lượng có xu hướng mang đến một bức tranh tĩnh về cuộc sống xã hội, thì nghiên cứu định tính lại mang tính tiến trình".

b. Khi cần trích dẫn dài hơn, NCS phải tách phần này thành một đoạn riêng khỏi phần nội dung đang trình bày, với lề trái lùi vào thêm 2 cm.

Ví dụ:

“Sự chênh lệch về tỷ lệ tăng trưởng giữa nhóm dân tộc thiểu số và nhóm đa số đã góp phần đặc biệt làm tăng bất bình đẳng ở khu vực nông thôn. Do người dân tộc thiểu số có trình độ học vấn thấp hơn và bị hạn chế hơn về khả năng tiếp cận nguồn vốn sản xuất nên những chênh lệch về các loại tài sản khác này cũng góp phần gây nên những chênh lệch về thu nhập giữa các dân tộc.” (Nguyễn Văn A, 2012, 74)

4.2.2.2. *Trích dẫn diễn giải*: diễn giải câu chữ của tác giả khác bằng câu chữ của NCS, sử dụng từ ngữ khác mà không làm khác đi nghĩa nguyên gốc.

- Khi trích dẫn kiểu diễn giải thì không bắt buộc phải ghi số trang.

- Trích dẫn kiểu diễn giải có hai cách trình bày:

a. Tên tác giả và năm xuất bản đều để trong ngoặc đơn.

Ví dụ: Yếu tố X có ảnh hưởng mạnh nhất đến sản lượng nền kinh tế quốc dân (Nguyễn Văn B & Lê Văn C, 2009).

b. Tên tác giả là thành phần của câu, năm xuất bản đặt trong ngoặc đơn.

Ví dụ: Romer & cộng sự (2006) cho rằng yếu tố Y có ảnh hưởng mạnh nhất đến sản lượng nền kinh tế quốc dân.

4.2.3. *Trích dẫn lại trích dẫn*

Nếu NCS không có điều kiện tiếp cận được một tài liệu gốc mà phải trích dẫn thông qua một tài liệu khác thì phải nêu rõ cách trích dẫn này, đồng thời tài liệu gốc đó không được liệt kê trong danh mục Tài liệu tham khảo của luận án.

Ví dụ: Romer và cộng sự (trích dẫn trong Nguyễn Văn A, 2014, 3) cho rằng yếu tố Y có ảnh hưởng mạnh nhất đến sản lượng nền kinh tế quốc dân.

Trong trường hợp này, danh mục tài liệu tham khảo chỉ nêu tài liệu của Nguyễn Văn A (2014).

4.3. Quy định về trình bày danh mục Tài liệu tham khảo trong luận án

4.3.1. *Thông tin trong mỗi tài liệu tham khảo*, bao gồm:

(1) Tên tác giả: in thường, viết liền, không có dấu ngăn cách.

+ Nếu có hai tác giả, giữa các tên tác giả có chữ “&”. Nếu có từ ba tác giả trở lên, trình bày lần lượt: Họ tên tác giả 1, họ tên tác giả 2, ...& họ tên tác giả n.

+ Tác giả tên tiếng Việt: ghi đầy đủ cả họ và tên. Tác giả tên nước ngoài: ghi đầy đủ họ, thêm dấu phẩy, viết tắt tên (và đệm nếu có), có dấu chấm sau mỗi chữ viết tắt (Xem ví dụ bên dưới).

(2) Năm xuất bản/công bố: in thường, đặt trong ngoặc đơn, có dấu phẩy sau dấu ngoặc đóng.

- (3) Tên bài viết trong ấn phẩm (nếu có): in thường, đặt trong dấu ngoặc kép đơn (‘ ’), có dấu phẩy sau dấu ngoặc đóng.
- (4) Tên ấn phẩm: in nghiêng, có dấu phẩy cuối tên.
- (5) Số, tập (nếu có) phát hành: in thường, tập phát hành đặt trong dấu ngoặc đơn ngay sau số phát hành, có dấu phẩy ở cuối.
- (6) Nhà xuất bản và Nơi xuất bản (nếu có): in thường, ngăn cách với nhau bằng dấu phẩy. Đối với tài liệu được xuất bản ngoài Việt Nam, nên ghi rõ tên thành phố, bang (nếu có) và tên nước.
- (7) Thời gian truy cập và địa chỉ truy cập (nếu có): in thường, ngăn cách với nhau bằng dấu phẩy, tên địa chỉ truy cập đặt trong dấu ngoặc vuông ([])
- (8) Số trang (nếu có): in thường, cách phân trước bởi dấu phẩy. Đối với bài viết có nhiều hơn 1 trang trong ấn phẩm thì ghi rõ trang bắt đầu và trang kết thúc bài viết, với dấu gạch ngang giữa hai số. Nếu số trang không liên tục thì ghi từng trang và có dấu phẩy giữa các số trang.
- (9) Dấu chấm kết thúc tài liệu tham khảo.

4.3.2. Cách trình bày tài liệu tham khảo với từng loại tài liệu

4.3.2.1. Tài liệu tham khảo là sách

a. Quy cách trình bày chung

Tên tác giả (năm xuất bản), *Tên sách*, Nhà xuất bản, Nơi xuất bản.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (2011), *Xu hướng tăng trưởng kinh tế Việt Nam đầu thế kỷ XXI*, Nhà xuất bản ABC, Hà Nội.

b. Tác giả là người biên soạn/chủ biên (editor) thì sau phần tên tác giả ghi rõ:

Ví dụ: Nguyễn Văn A (biên soạn, 2011), *Xu hướng tăng trưởng kinh tế Việt Nam đầu thế kỷ XXI*, Nhà xuất bản ABC, Hà Nội.

Brown, A. (ed., 2007), *Economic growth*, ABC Press, New York, USA.

c. Ấn phẩm có lần xuất bản khác nhau cần ghi rõ lần xuất bản.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (2011), *Tăng trưởng kinh tế Việt Nam*, xuất bản lần thứ 2, Nhà xuất bản ABC, Hà Nội.

Brown, A. (2007), *Economic growth* (4th ed.), ABC Press, New York, USA.

d. Tài liệu là bài viết hoặc một chương trong sách thì cần ghi rõ tên tác giả, tên bài/chương, tên sách, tên người chủ biên và trang sách chứa nội dung bài viết/chương.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (2011), ‘Mối quan hệ giữa FDI và tăng trưởng kinh tế Việt Nam những năm cuối thế kỷ XX’, trong *Tăng trưởng kinh tế Việt Nam*, Nguyễn Văn B (chủ biên), Nhà xuất bản ABC, Hà Nội, 20-50.

Brown, A. (2007), ‘FDI and economic growth’, in *Economic growth*, Romer, D. (ed.), ABC Press, New York, USA, 50-100.

- e. Tài liệu là sách dịch thì ghi rõ tên người dịch, năm xuất bản sách gốc (nếu có).

Ví dụ: Brown, A. (2007), *Tăng trưởng kinh tế*, dịch bởi Nguyễn Văn A, Nhà xuất bản ABC, Hà Nội (Sách gốc xuất bản năm 2003).

Romer, D. (2007), *Economic Growth*, Brown, A. (Trans.), ABC Press, New York, USA (Original work published 2003).

- f. Tài liệu là một chuỗi ấn phẩm gồm nhiều số:

Ví dụ: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2001-2005), *Số liệu lao động - việc làm* (năm 2000-2004), Nhà xuất bản ABC, Hà Nội.

- g. Tài liệu là sách điện tử thì ghi rõ thời gian và địa chỉ truy cập

Ví dụ: Nguyễn Văn A (2011), *Xu hướng tăng trưởng kinh tế Việt Nam đầu thế kỷ XXI*, Nhà xuất bản ABC, truy cập ngày 20 tháng 1 năm 2010, từ [http://www.abc.com].

Brown, A. (2007), *Economic growth*, ABC Press, retrieved on Jan 20th 2010, from [http://www.abc.com].

4.3.2.2. Tài liệu tham khảo là bài báo đăng trên tạp chí khoa học (journal articles)

- a. Quy trình trình bày chung:

Tên tác giả (năm xuất bản), 'Tên bài báo', *Tên tạp chí*, Số (Tập), Số trang.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (2011), 'Mối quan hệ giữa FDI và tăng trưởng kinh tế Việt Nam', *Tạp chí X*, 112 (2), 7-15.

Anderson, J. E. (1985), 'The Relative Inefficiency of Quota, The Cheese Case', *American Economic Review*, 75 (1), 178-90.

- b. Nếu bài viết từ tạp chí điện tử miễn phí trên internet thì cần ghi rõ thời gian và địa chỉ truy cập.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (2011), 'Mối quan hệ giữa FDI và tăng trưởng kinh tế Việt Nam', *Tạp chí X*, 112 (2), 7-15, truy cập ngày 20 tháng 3 năm 2009, từ [http://www.abc.com/xyz.pdf].

- c. Nếu bài viết từ cơ sở dữ liệu điện tử thì cần ghi rõ thời gian truy cập và tên cơ sở dữ liệu điện tử.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (2011), 'Mối quan hệ giữa FDI và tăng trưởng kinh tế Việt Nam', *Tạp chí X*, 112 (2), 7-15, truy cập ngày 20 tháng 3 năm 2009, từ cơ sở dữ liệu Science Direct.

Anderson, J. E. (1985), 'The Relative Inefficiency of Quota, The Cheese Case', *American Economic Review*, 75 (1), 178-90, retrieved on March 20th 2009, from Science Direct database.

4.3.2.2. Tài liệu tham khảo là bài viết đăng trên báo/tạp chí phổ thông (newspaper, magazine)

- a. Quy trình trình bày chung:

Tên tác giả (năm xuất bản), 'Tên bài báo', *Tên báo/tạp chí*, Số, Ngày phát hành, Số trang.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (2011), ‘Mối quan hệ giữa FDI và tăng trưởng kinh tế Việt Nam’, *Thời báo Kinh tế Việt Nam*, ngày 20 tháng 1 năm 2010, trang 8.

Brown, A. (2007), ‘The Relative Inefficiency of Quota, The Cheese Case’, *The New York Times*, January 20th 2010, page 8.

- b. Nếu bài trên báo/tạp chí phổ thông không có tác giả thì đặt tên báo/tạp chí lên thay vị trí tên tác giả

Ví dụ: *Thời báo Kinh tế Việt Nam* (2011), ‘Mối quan hệ giữa FDI và tăng trưởng kinh tế Việt Nam’, ngày 20 tháng 1 năm 2010, trang 8.

- c. Nếu bài viết trên báo điện tử thì cần ghi rõ thời gian và địa chỉ truy cập.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (2011), ‘Mối quan hệ giữa FDI và tăng trưởng kinh tế Việt Nam’, *Thời báo Kinh tế Việt Nam*, truy cập ngày 20 tháng 1 năm 2010, từ [http://www.abc.com].

4.3.2.4. Tài liệu tham khảo là các nguồn tài liệu khác trên website

- a. Quy cách trình bày chung:

Tên tác giả (năm xuất bản), *Tên bài viết*, thời gian truy cập, [địa chỉ truy cập].

Ví dụ: Nguyễn Văn A (2011), *Mối quan hệ giữa FDI và tăng trưởng kinh tế Việt Nam*, truy cập ngày 30 tháng 5 năm 2013, từ [http://www.abc.com/xyz.htm].

- b. Nếu tài liệu không có tên tác giả thì phải có xuất xứ của tài liệu như Hội nghị X, Tổ chức Y và trình bày theo quy cách sau:

Xuất xứ của tài liệu (năm xuất bản), *Tên bài viết*, thời gian truy cập, [địa chỉ truy cập].

Ví dụ: Hội nghị X (2011), *Mối quan hệ giữa FDI và tăng trưởng kinh tế Việt Nam*, truy cập ngày 30 tháng 5 năm 2013, từ [http://www.abc.com/xyz.htm].

- c. Nếu tài liệu không có năm xuất bản thì trình bày theo quy cách sau:

Tên tác giả (không năm xuất bản), *Tên bài viết*, thời gian truy cập, [địa chỉ truy cập].

Ví dụ: Viện Khoa học B (không năm xuất bản), *Mối quan hệ giữa FDI và tăng trưởng kinh tế Việt Nam*, truy cập ngày 30 tháng 5 năm 2013, từ [http://www.abc.com/xyz.htm].

- d. Nếu tài liệu là nguồn tư liệu mở như Wikipedia, thì trình bày theo quy cách sau:

‘Tên bài viết’ (năm truy cập), *Tên nguồn tư liệu mở*, thời gian truy cập, [địa chỉ truy cập].

Ví dụ: ‘Tổng sản phẩm nội địa’ (2013), *Wikipedia*, truy cập ngày 30 tháng 5 năm 2013, từ [http://vi.wikipedia.org/wiki/GDP].

4.3.2.5. Tài liệu tham khảo là các nguồn tài liệu khác

- a. Tài liệu là luận văn, luận án, đề tài khoa học, thì trình bày theo quy cách sau:

Tên tác giả (năm công bố), *Tên luận văn/luận án/đề tài*, Loại luận văn/luận án/đề tài, Nơi bảo vệ.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (2012), *Ảnh hưởng của văn hóa tới hành vi người tiêu dùng*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học B, Hà Nội.

Brown, A. (2007), *Human capital and economic growth*, Doctoral dissertation, MIT, Cambridge, Massachusetts, USA.

- b. Tài liệu là bài tham luận trong kỷ yếu hội thảo, hội nghị, thì trình bày theo quy cách sau:

Tên tác giả (năm), ‘Tên bài viết’, *Tên kỷ yếu hội thảo/hội nghị*, Tên tổ chức xuất bản, nơi xuất bản, trang trích dẫn.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (2012), ‘Mối quan hệ giữa FDI và tăng trưởng kinh tế Việt Nam’, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Tăng trưởng kinh tế Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Trường Đại học X, Hà Nội, 100-120.

- c. Tài liệu là bài tham luận trong kỷ yếu hội thảo, hội nghị chưa/không xuất bản thành kỷ yếu, thì trình bày theo quy cách sau:

Tên tác giả (năm trình bày tham luận tại hội thảo), ‘Tên bài viết’, tham luận trình bày/báo cáo tại hội thảo/hội nghị *Tên hội thảo/hội nghị*, Tên đơn vị tổ chức, ngày tháng diễn ra hội thảo/hội nghị.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (2015), ‘Mối quan hệ giữa FDI và tăng trưởng kinh tế Việt Nam’, tham luận trình bày tại Hội thảo *Tăng trưởng kinh tế Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Trường Đại học Y, ngày 2 tháng 7 năm 2015.

- d. Tài liệu là báo cáo của các tổ chức, thì trình bày theo quy cách sau:

Tên tổ chức (năm công bố), *Tên báo cáo*, Nơi ban hành báo cáo.

Ví dụ: Tổng cục Hải quan (2012), *Tình hình xuất nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2012*, Hà Nội.

- e. Tài liệu là văn bản pháp luật, thì trình bày theo quy cách sau:

Tên cơ quan ban hành (năm ban hành), *Tên văn bản*, Thời gian ban hành.

Ví dụ: Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT về việc ban hành Quy chế Đào tạo trình độ tiến sĩ*, ban hành ngày 07 tháng 5 năm 2009.

- f. Tài liệu là bài viết trong ấn phẩm định kỳ, thì trình bày theo quy cách sau:

Tên tác giả (thời gian công bố chi tiết đến ngày hoặc tháng), ‘Tên bài viết’, *Tên ấn phẩm định kỳ*, Số trang.

Ví dụ: Brown, A. (May 22nd 2011), ‘FDI and economic growth’, *Writing Lab Newsletter*, 9-11.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (ngày 15 tháng 1 năm 2013), ‘Tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2012’, *Thời báo kinh tế Việt Nam*, 1, 4.

- g. Tài liệu là công trình chưa được công bố, thì trình bày theo quy cách sau:

Tên tác giả (năm viết công trình), *Tên công trình*, tài liệu/công trình chưa được công bố/xuất bản đã được sự đồng ý của tác giả, Nguồn cung cấp tài liệu.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (2012), *Ảnh hưởng của văn hóa tới hành vi người tiêu dùng*, công trình chưa được công bố đã được sự đồng ý của tác giả, Khoa B - Đại học C, Hà Nội.

Ví dụ: Brown, A. (2007), *Human capital and economic growth*, unpublished paper, MIT, Cambridge, Massachusetts, USA.

- h. Tài liệu được ghi trên đĩa CD-ROM (hoặc DVD-ROM) được phát hành chính thống, thì trình bày theo quy cách sau:

Tên tổ chức phát hành (năm phát hành), *Tên nhãn đĩa*, CD-ROM (hoặc DVD-ROM), nơi phát hành.

Ví dụ: Tổng cục Thống kê (2012), *Số liệu lao động - việc làm Việt Nam*, CD-ROM, Hà Nội.

- i. Tài liệu là thông cáo báo chí, thì trình bày theo quy cách sau:

Tên cá nhân/tổ chức ban hành thông cáo (năm ban hành), *Tên thông cáo báo chí*, Thông cáo báo chí, ngày tháng, nơi ban hành.

Ví dụ: Công ty A (2012), *Tình hình tài chính năm 2012*, thông cáo báo chí, ngày 31 tháng 12 năm 2012, Hà Nội.

- j. Tài liệu là phát minh sáng chế, thì trình bày theo quy cách sau:

Tên cá nhân/tổ chức sáng chế (năm sáng chế được cấp giấy phép chấp nhận), *Tên sáng chế*, bằng sáng chế số ..., tên quốc gia cấp bằng sáng chế.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (2012), *Công thức trộn hỗn hợp X*, bằng sáng chế số Z, Việt Nam.

4.3.3. Hướng dẫn liệt kê và xếp tài liệu tham khảo

- Tài liệu tham khảo không chia nhóm theo bất cứ tiêu chí nào mà phải là một danh mục thống nhất, xếp thứ tự ABC theo họ của tác giả hoặc tên của cơ quan ban hành báo cáo hay ấn phẩm, ví dụ:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), ...
2. Nguyễn Văn A (2010), ...
3. Romer, D. (1997), ...
4. Tổng cục Thống kê (2015), ...

Trong trường hợp tài liệu không có tên tác giả thì sử dụng chữ cái đầu tiên của tài liệu để xếp trong danh mục tài liệu tham khảo.

- Đối với tác giả có nhiều tác phẩm thì xếp theo trình tự năm xuất bản từ xa đến gần trong danh mục. Đối với tác giả có nhiều tác phẩm trong cùng một năm thì sử dụng các chữ cái a, b, c để phân biệt các tác phẩm khác nhau, ví dụ:

1. Nguyễn Văn A (2011a), *Xu hướng tăng trưởng kinh tế Việt Nam đầu thế kỷ XXI*, Nhà xuất bản ABC, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn A (2011b), 'Mối quan hệ giữa FDI và tăng trưởng kinh tế Việt Nam', *Tạp chí X*, 5 (2), 7-15.

Phản trích dẫn trong bài cũng sử dụng tương ứng như vậy, ví dụ: Theo Nguyễn Văn A (2011a), tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 2001-2015 sẽ dần chuyển từ tăng trưởng theo chiều rộng sang tăng trưởng theo chiều sâu. Đặc biệt, FDI không còn là nguồn vốn có vai trò quyết định đối với tăng trưởng do việc lựa chọn nhà đầu tư phải căn cứ theo mục đích và tính chất đầu tư (Nguyễn Văn A, 2011b).

- Tên các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch, kể cả tài liệu bằng tiếng Trung Quốc, Nhật... (đối với những tài liệu bằng ngôn ngữ còn ít người biết có thể thêm phần dịch tiếng Việt đi kèm theo mỗi tài liệu).

5. Phụ lục của luận án

- Phần này bao gồm những nội dung cần thiết nhằm minh họa hoặc bổ trợ cho nội dung luận án như số liệu, mẫu biểu, tranh ảnh....
- Nếu luận án sử dụng dữ liệu điều tra, khảo sát do NCS thực hiện thì bảng câu hỏi mẫu (questionnaire) phải được đưa vào phần Phụ lục ở dạng nguyên bản đã dùng để điều tra, thăm dò ý kiến; không được tóm tắt hoặc sửa đổi.
- Các tính toán mẫu trình bày tóm tắt trong các bảng biểu cũng cần nêu trong Phụ lục của luận án.

Phụ lục 15 – Quy định về tóm tắt luận án tiến sĩ

Tóm tắt luận án cần phản ánh trung thực kết cấu, bố cục của luận án; chỉ rõ một cách ngắn gọn lý do và mục tiêu nghiên cứu của luận án; tóm lược cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu đã trình bày trong luận án; chỉ ra những điểm mới và hạn chế trong luận án; và ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án

Tóm tắt luận án phải trình bày trên khổ giấy 14 x 21 cm (khổ A4 gấp đôi). Tóm tắt luận án phải được trình bày rõ ràng, mạch lạc, không được tẩy xoá. Số của bảng biểu, hình vẽ, đồ thị phải có cùng số như trong luận án.

Tóm tắt luận án được trình bày nhiều nhất trong 24 trang in trên hai mặt giấy cho mỗi loại ngôn ngữ; phông chữ Times New Roman cỡ chữ 11 theo hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương. Mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ. Chế độ dẫn dòng là Exactly 17 pt. Lề trên, lề dưới, lề trái, lề phải đều là 2 cm. Các bảng biểu trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang.

Cuối bản tóm tắt luận án là danh mục các công trình của tác giả đã công bố liên quan đến đề tài luận án với đầy đủ thông tin về tên tác giả, năm xuất bản, tên bài báo, tên tạp chí, tập, số, số trang của bài báo trên tạp chí. Danh mục này được trình bày theo thể thức danh mục tài liệu tham khảo theo quy định tại Phụ lục 14 và có thể in trên trang bìa 3 của tóm tắt luận án (Mẫu D2).

Phụ lục 16 – Hồ sơ và quy trình xin chuyển cơ sở đào tạo

1. Hiệu trưởng ra Quyết định cho phép NCS chuyển sang cơ sở đào tạo khác, căn cứ vào quy trình sau:

- a. NCS gửi hồ sơ đề nghị chuyển cơ sở đào tạo tới Viện Đào tạo Sau đại học, gồm có:
 - Đơn đề nghị chuyển cơ sở đào tạo, nêu rõ lý do xin chuyển, có xác nhận đồng ý của người hướng dẫn và Bộ môn (Mẫu C26).
 - Phiếu chi tiết thu nộp học phí (của Phòng Tài chính-Kế toán).
- b. Viện Đào tạo Sau đại học báo cáo Trường để làm công văn giới thiệu NCS gửi tới cơ sở đào tạo mà NCS muốn chuyển đến.
- c. Nếu cơ sở đào tạo mà NCS muốn chuyển đến đồng ý tiếp nhận (bằng văn bản) thì Trường ra Quyết định dừng đào tạo NCS tại Trường (Mẫu C18).
- d. Viện Đào tạo Sau đại học chuyển Quyết định của Hiệu trưởng, xác nhận kết quả học tập đã đạt được và những giấy tờ khác liên quan cho NCS.

2. Hiệu trưởng ra Quyết định công nhận NCS chuyển tới, căn cứ vào quy trình sau:

- a. NCS gửi hồ sơ đề nghị chuyển cơ sở đào tạo tới Viện Đào tạo Sau đại học, gồm có:
 - Đơn xin chuyển cơ sở đào tạo (Mẫu C26), có xác nhận đồng ý của cơ sở đào tạo xin chuyển đi, hoặc kèm theo công văn giới thiệu của cơ sở đào tạo xin chuyển đi.
 - Quyết định công nhận NCS của cơ sở đào tạo xin chuyển đi.
 - Bảng điểm học tập trong quá trình làm NCS tại cơ sở đào tạo xin chuyển đi.
 - Minh chứng về văn bằng tốt nghiệp, kinh nghiệm nghiên cứu, trình độ ngoại ngữ đầu vào của NCS đáp ứng quy định tại Điều 6.
 - Văn bản đồng ý tiếp nhận NCS của một Khoa chuyên ngành trong Trường.
 - Văn bản đồng ý hướng dẫn NCS của một nhà khoa học trong Trường đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 20.
 - 01 bản lý lịch khoa học (Mẫu D5).
- b. Viện Đào tạo Sau đại học báo cáo Hiệu trưởng để làm công văn trả lời cơ sở đào tạo mà NCS xin chuyển đi.
- c. Nếu được Trường đồng ý tiếp nhận thì NCS rút hồ sơ từ cơ sở đào tạo cũ để chuyển tới Viện Đào tạo Sau đại học, kèm theo Quyết định cho phép NCS chuyển trường của cơ sở đào tạo cũ.
- d. Hiệu trưởng ra Quyết định tiếp nhận NCS và công nhận người hướng dẫn (Mẫu C27).
- đ. Căn cứ các kết quả học tập, nghiên cứu đã đạt được của NCS, Viện Đào tạo Sau đại học phối hợp với Khoa, Bộ môn và người hướng dẫn xác định các học phần mà NCS cần bổ sung, báo cáo Hiệu trưởng để lập kế hoạch đào tạo tiếp cho NCS.

Phụ lục 17 – Cách xác định tạp chí và hội thảo quốc tế có phản biện

1. Từ năm 2020 trở về trước, đối với điều kiện của người hướng dẫn tại điểm d khoản 1 Điều 20 và điều kiện của thành viên Hội đồng tại điểm b khoản 3 Điều 26, tạp chí và hội thảo quốc tế có phản biện được xác định như sau:

a. Hội thảo quốc tế có phản biện bao gồm hội thảo bằng một trong năm ngôn ngữ (Anh, Pháp, Nga, Trung, Tây Ban Nha), do các tổ chức quốc tế chủ trì hoặc hội thảo do các tổ chức Việt Nam chủ trì nhưng có sự tham gia của các đối tác (cá nhân/tổ chức) nước ngoài, minh chứng qua danh mục bài viết đăng trên kỷ yếu hội thảo hoặc được khẳng định qua thông báo mời tham gia hội thảo (call-for-paper).

b. Tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện (ngoài nhóm ISI-Scopus) bao gồm các tạp chí khoa học xuất bản ngoài Việt Nam bằng một trong năm ngôn ngữ (Anh, Pháp, Nga, Trung, Tây Ban Nha) và các tạp chí xuất bản tại Việt Nam đã được cơ sở dữ liệu khoa học Trung tâm Trích dẫn ASEAN (ASEAN Citation Index - ACI) chấp nhận.

2. Từ năm 2020 trở về trước, liên quan đến điều kiện công bố bài báo của nghiên cứu sinh trước khi bảo vệ luận án cấp cơ sở tại điểm b khoản 1 Điều 26, tạp chí và hội thảo quốc tế có phản biện được xác định như sau:

a. Hội thảo quốc tế có phản biện bao gồm hội thảo bằng tiếng Anh do các tổ chức quốc tế chủ trì hoặc hội thảo do các tổ chức Việt Nam chủ trì nhưng có sự tham gia của các đối tác (cá nhân/tổ chức) nước ngoài, minh chứng qua danh mục bài viết đăng trên kỷ yếu hội thảo hoặc được khẳng định qua thông báo mời tham gia hội thảo (call-for-paper).

b. Tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện (ngoài nhóm ISI-Scopus) bao gồm các tạp chí khoa học xuất bản ngoài Việt Nam bằng tiếng Anh và các tạp chí xuất bản tại Việt Nam đã được cơ sở dữ liệu khoa học Trung tâm Trích dẫn ASEAN (ASEAN Citation Index - ACI) chấp nhận.

3. Từ năm 2021, các bài báo đăng trên tạp chí và hội thảo quốc tế để xét điều kiện tham gia đào tạo tiến sĩ (đối với nhà khoa học) hoặc điều kiện bảo vệ luận án tiến sĩ (đối với NCS) phải đảm bảo các quy định tại khoản 1 và 2, đồng thời đáp ứng các yêu cầu sau:

a. Hội thảo quốc tế: phải có minh chứng về kết quả phản biện bài hội thảo hoặc thông báo mời tham gia hội thảo phải ghi rõ cơ chế phản biện (peer-reviewed).

b. Tạp chí nước ngoài: phải có thư (email) của đại diện ban biên tập tạp chí về việc chấp nhận đăng bài, kèm theo thông báo kết quả phản biện bài báo.

Phụ lục 18 – Hồ sơ đăng ký bảo vệ luận án cấp cơ sở

Hồ sơ gửi cho Viện Đào tạo Sau đại học gồm có:

1. Đơn xin bảo vệ luận án cấp cơ sở (Mẫu D4)
2. Lý lịch khoa học: 02 bản (Mẫu D5)
3. Bản kê khai (Mẫu B5) và bản sao của tối thiểu 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án (*Photocopy trang bìa, trang mục lục và toàn bộ bài viết*). Lưu ý:

K38 đợt 2 và K39	Chuyên ngành kinh tế nông nghiệp	02 bài báo hoặc báo cáo trên các tạp chí hoặc hội thảo trong danh mục được HƣCĐGSNN tính điểm công trình, trong đó có 01 báo cáo bằng tiếng nước ngoài đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện
	Chuyên ngành khác	02 bài báo hoặc báo cáo trên các tạp chí hoặc hội thảo trong danh mục được HƣCĐGSNN tính điểm công trình, trong đó có 01 bài báo bằng tiếng nước ngoài
K40 trở đi	- 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus hoặc - 02 báo cáo bằng tiếng nước ngoài trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện.	

4. Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có, Mẫu D6)
5. Nhận xét của người hướng dẫn, trong đó nêu rõ đề nghị cho NCS bảo vệ luận án tiến sĩ: 01 bản (Mẫu D7)
6. Văn bản đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp cơ sở (kèm theo danh sách 5 thành viên Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, đảm bảo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 26) của Khoa và Bộ môn quản lý NCS (Mẫu D8)
7. Bản in trang 1 Báo cáo kiểm tra độ trùng lặp của Turnitin có chữ ký của người hướng dẫn thứ nhất
8. Phiếu chi tiết thu nộp học phí (của Phòng Tài chính - Kế toán).

Phiếu bàn giao hồ sơ theo Mẫu D9.

Phụ lục 19 – Chuẩn bị bảo vệ luận án cấp cơ sở

Sau khi nhận Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở, NCS thực hiện các việc sau:

1. Chuyển Bản sao Quyết định thành lập Hội đồng cho các thành viên Hội đồng kèm theo luận án, các bài báo khoa học thể hiện kết quả của luận án, mẫu bản nhận xét luận án tiến sĩ cấp cơ sở (Mẫu D11) và giấy mời của Khoa (Mẫu D12).

2. Xin lịch họp Hội đồng và thông báo cho Viện Đào tạo Sau đại học thời gian và địa điểm buổi bảo vệ qua email ... muộn nhất 5 ngày trước ngày bảo vệ.

3. Đầu buổi bảo vệ luận án cấp cơ sở, NCS gửi cho các thành viên Hội đồng mẫu phiếu đánh giá luận án cấp cơ sở (Mẫu D13).

Phụ lục 20 – Trình tự tiến hành các phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở

1. Chủ tịch Hội đồng điều khiển buổi họp đánh giá luận án, công bố số lượng thành viên của Hội đồng và các điều kiện tiến hành đánh giá luận án cấp cơ sở theo quy định tại khoản 4 Điều 26.
2. NCS trình bày nội dung luận án
3. Các phản biện đọc bản nhận xét
4. Các thành viên Hội đồng và những người tham gia dự đặt câu hỏi hoặc góp ý về những kết quả đã đạt được, những điểm mới của luận án, những vấn đề chưa giải quyết được và những điểm cần bổ sung hoặc sửa chữa.
5. NCS trả lời các câu hỏi và các ý kiến trao đổi
6. Nếu không còn vấn đề tranh luận hoặc các vấn đề đã được làm rõ, từng thành viên Hội đồng ghi ý kiến vào phiếu đánh giá (Mẫu D13) và kết luận luận án “Đạt” (đủ điều kiện đưa ra bảo vệ cấp trường) hoặc “Không đạt” (chưa đủ điều kiện đưa ra bảo vệ cấp trường).
7. Nếu có tối thiểu 4 thành viên Hội đồng có mặt đánh giá luận án “Đạt”, thì luận án được thông qua và Hội đồng cho phép NCS bảo vệ luận án cấp trường. Nếu không đảm bảo yêu cầu trên, Hội đồng yêu cầu NCS tiếp tục hoàn thiện, sửa chữa, bổ sung luận án để chuẩn bị cho phiên họp tiếp theo.
8. Dựa vào nhận xét của các thành viên, Hội đồng thảo luận để thông qua kết luận của Hội đồng, trong đó khẳng định kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án, những nội dung NCS cần sửa chữa, bổ sung, và đề nghị cho phép NCS bảo vệ luận án cấp trường (hoặc đề nghị tổ chức phiên họp tiếp theo).
9. Chủ tịch Hội đồng công bố kết luận của Hội đồng.
10. Toàn bộ diễn biến của Hội đồng được Thư ký Hội đồng nêu trong Biên bản buổi họp đánh giá luận án cấp cơ sở (Mẫu D14).

Phụ lục 21 – Hồ sơ sau bảo vệ cấp cơ sở của NCS

(do Thư ký Hội đồng cấp cơ sở bàn giao cho Viện Đào tạo Sau đại học)

1. Biên bản chi tiết nội dung thảo luận tại buổi họp đánh giá luận án cấp cơ sở, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký (Mẫu D14);
2. 05 bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng
3. Phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng tham dự buổi bảo vệ

Phiếu bàn giao hồ sơ theo Mẫu D16.

Phụ lục 22 – Hồ sơ để gửi phản biện độc lập

Hồ sơ NCS gửi cho Viện Đào tạo Sau đại học gồm có:

1. Văn bản đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp trường, kèm theo đề xuất danh sách Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, của Khoa và Bộ môn (Mẫu D15).

Tất cả các nhà khoa học được đưa tên trong danh sách phải đảm bảo các tiêu chuẩn được nêu tại khoản 3 Điều 26. Danh sách đề nghị có không quá 5 nhà khoa học là cán bộ, giảng viên của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, và có không quá 2 thành viên đã từng tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

2. Báo cáo các điểm đã bổ sung và sửa chữa của NCS sau buổi bảo vệ luận án cấp cơ sở, có chữ ký xác nhận và đồng ý của người hướng dẫn, chủ tịch và thư ký Hội đồng cấp cơ sở (Mẫu D17);
3. Bản sao các công trình khoa học (theo quy định tại khoản 3 Phụ lục 18). *Mỗi tài liệu được sao thành 2 bản (gồm trang bìa, trang mục lục và nội dung bài viết), xóa tên và thông tin liên lạc của tác giả, đóng thành quyển và có bản kê khai danh mục ở trang bìa (Mẫu B5).*

4. Luận án (bìa mềm) và tóm tắt luận án: 02 bản xóa tên tác giả và người hướng dẫn, riêng tóm tắt luận án có thêm 1 bản đầy đủ họ tên NCS và người hướng dẫn.

NCS chuyển một quyển luận án và tóm tắt luận án đến Viện Đào tạo Sau đại học để kiểm tra trước khi nộp cùng hồ sơ.

5. Trang thông tin về những đóng góp mới của luận án (Mẫu D3): 02 bản xóa tên tác giả và người hướng dẫn
6. Bản in trang 1 Báo cáo kiểm tra độ trùng lặp của Turnitin có chữ ký của người hướng dẫn thứ nhất
7. Bản mềm tóm tắt luận án và thông tin những đóng góp mới của luận án (gửi qua email ... để Viện Đào tạo Sau đại học gửi chuyên gia góp ý song song cùng với quy trình gửi luận án cho phản biện độc lập).

Phiếu bàn giao hồ sơ theo Mẫu D18.

Phụ lục 23 – Hồ sơ đăng ký bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường

Hồ sơ NCS gửi cho Viện Đào tạo Sau đại học gồm có:

1. Đơn xin bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường (Mẫu D24)
2. Quyền tóm tắt luận án: 01 bản
3. Trang thông tin về những đóng góp mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có chữ ký của NCS và người hướng dẫn (Mẫu D3)
4. Báo cáo sửa chữa luận án theo góp ý của phản biện độc lập, có chữ ký của NCS và người hướng dẫn (Mẫu D25)
5. Bản in trang 1 Báo cáo kiểm tra độ trùng lặp của Turnitin có chữ ký của người hướng dẫn thứ nhất
6. Hồ sơ để đưa lên website <http://sdh.neu.edu.vn/> (gửi bản mềm tới email ...)
 - 6.1. Luận án (đủ các nội dung từ trang bìa, cam kết của tác giả, mục lục... đến phụ lục)
 - 6.2. Tóm tắt luận án
 - 6.3. Trang thông tin về những đóng góp mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh

Phiếu bàn giao hồ sơ theo Mẫu D26.

Phụ lục 24 – Chuẩn bị bảo vệ luận án cấp trường

1. Những việc NCS cần chuẩn bị sau khi có Quyết định thành lập Hội đồng cấp trường

- a. Khẳng định (thông qua thư điện tử) về việc các phản biện của Hội đồng cấp trường không phải là đồng tác giả với NCS trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án, và danh sách Hội đồng cấp trường không có người hướng dẫn, cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột của NCS. Trong trường hợp danh sách Hội đồng có người phản biện là đồng tác giả với NCS hoặc có người hướng dẫn hoặc người thân trong gia đình của NCS, thì NCS có trách nhiệm thông báo ngay để Viện ĐTSĐH để trình Hiệu trưởng thay đổi thành viên Hội đồng theo quy định.
- b. Gửi tới Viện Đào tạo Sau đại học 07 quyển luận án tiến sĩ (bìa mềm, có chữ ký của NCS), 07 quyển tóm tắt luận án và 03 bộ công trình khoa học.
- c. Gửi cho Viện Đào tạo Sau đại học bản lý lịch khoa học cập nhật nếu có thay đổi thông tin trong quá trình bảo vệ từ cấp cơ sở đến cấp trường.

2. Những việc Viện Đào tạo Sau đại học thực hiện

- a. Tiếp nhận luận án và các tài liệu liên quan từ NCS để gửi cho các thành viên Hội đồng, kèm theo thư mời (Mẫu D28), bản sao Quyết định thành lập Hội đồng, hướng dẫn quy trình bảo vệ, mẫu bản nhận xét luận án tiến sĩ cấp trường (Mẫu D29).
- b. Tiếp nhận và lưu giữ bản nhận xét của các thành viên Hội đồng.
- c. Sau khi nhận được phiếu đăng ký lịch tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp trường (Mẫu D30), Viện Đào tạo Sau đại học gửi thông báo về thời gian, địa điểm bảo vệ luận án của NCS lên cổng thông tin của Trường và website <http://sdh.neu.edu.vn/> trước ngày bảo vệ ít nhất 20 ngày.
- d. Trước ngày bảo vệ ít nhất 10 ngày, nếu chưa nhận được đủ 07 bản nhận xét của thành viên Hội đồng, Viện Đào tạo Sau đại học có trách nhiệm gọi báo trực tiếp tới thành viên Hội đồng và thông báo cho Chủ tịch, Thư ký Hội đồng được biết để có hình thức xử lý (ví dụ hoãn thời gian tổ chức buổi họp Hội đồng nếu cần thiết).
- đ. Chuẩn bị các văn bản trước buổi bảo vệ luận án: lý lịch khoa học của NCS, các bản nhận xét của thành viên Hội đồng, biên bản kiểm phiếu (Mẫu D31), danh sách chữ ký Hội đồng (Mẫu D32), các phiếu đánh giá (Mẫu D33), mẫu biên bản buổi bảo vệ (Mẫu D34).

3. Những việc các thành viên Hội đồng thực hiện

- a. Trong thời gian 30 ngày kể từ khi nhận được luận án và các tài liệu liên quan, các thành viên Hội đồng phải có nhận xét bằng văn bản gửi đến Viện Đào tạo Sau đại học (Mẫu D29). (Nếu thành viên Hội đồng gửi bản nhận xét qua email trước, thì phải gửi bản nhận xét có chữ ký vào ngày họp Hội đồng).
- b. Chủ tịch Hội đồng thống nhất với các thành viên về thời gian bảo vệ luận án. Thư ký Hội đồng gửi phiếu đăng ký lịch tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp trường (Mẫu D30) tới Viện Đào tạo Sau đại học tối thiểu 21 ngày trước ngày họp.

Phụ lục 25 – Chương trình làm việc của buổi bảo vệ luận án cấp trường

1. Đại diện Trường tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường
2. Chủ tịch Hội đồng công bố danh sách thành viên có mặt, khẳng định các điều kiện chuẩn bị cho buổi bảo vệ (quy định tại khoản 3 Điều 28) và công bố chương trình làm việc.
3. Thư ký Hội đồng tóm tắt lý lịch khoa học của NCS và kết quả học tập, khẳng định các điều kiện cần thiết để NCS được bảo vệ luận án cấp trường (quy định tại khoản 1 Điều 28).
4. Các thành viên Hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi hoặc ý kiến thắc mắc (nếu có) về lý lịch khoa học và quá trình đào tạo của NCS.
5. Tác giả luận án trình bày tóm tắt nội dung luận án trong thời gian không quá 30 phút (không yêu cầu NCS dừng trình bày khi còn trong thời gian 30 phút).
6. Các phản biện đọc bản nhận xét và nêu các câu hỏi (nếu cần). Thư ký Hội đồng có thể đọc thay bản nhận xét của phản biện trong trường hợp phản biện vắng mặt.
7. Tác giả luận án trả lời các câu hỏi và các ý kiến không đồng tình của phản biện.
8. Hội đồng và những người tham gia nêu thêm câu hỏi để kiểm tra kiến thức và trình độ của NCS
9. Tác giả luận án trả lời các câu hỏi nêu ra
10. Đại diện tập thể hướng dẫn phát biểu ý kiến
11. Hội đồng họp riêng để bầu ban kiểm phiếu, tiến hành bỏ phiếu (Mẫu D33), kiểm phiếu và ký danh sách các thành viên có mặt tại buổi họp (Mẫu D32)
12. Hội đồng tổng hợp ý kiến và đưa ra quyết nghị
13. Trưởng ban kiểm phiếu công bố biên bản kiểm phiếu (Mẫu D31)
14. Chủ tịch Hội đồng đọc quyết nghị của Hội đồng
15. Đại biểu phát biểu ý kiến (nếu có)
16. NCS phát biểu ý kiến.
17. Chủ tịch Hội đồng tuyên bố kết thúc buổi bảo vệ luận án tiến sĩ.

Phụ lục 26 – Hồ sơ sau bảo vệ cấp trường của NCS
(do Thư ký Hội đồng bàn giao cho Viện Đào tạo Sau đại học)

1. Biên bản chi tiết diễn biến của buổi đánh giá luận án cấp trường, bao gồm nghị quyết của Hội đồng (Mẫu D34)
2. Biên bản kiểm phiếu (Mẫu D31) và các phiếu đánh giá (Mẫu D33)
3. Danh sách chữ ký của các thành viên Hội đồng có mặt tại buổi bảo vệ (Mẫu D32)
4. Các bản nhận xét có chữ ký của thành viên Hội đồng (Mẫu D29) được gửi bổ sung trong trường hợp mới gửi email bản nhận xét cho Viện Đào tạo Sau đại học.

Phiếu bàn giao hồ sơ theo Mẫu D35.

Phụ lục 27 – Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo

A. Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh

1. Phiếu đăng ký dự tuyển
2. Bản sao công chứng các văn bằng, chứng chỉ đã nộp trong hồ sơ dự tuyển
3. Bản sao các bài báo hoặc báo cáo khoa học của người dự tuyển
4. Đề cương nghiên cứu của người dự tuyển
5. Thư giới thiệu
6. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức)

B. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án cấp trường

1. Quyết định công nhận NCS và minh chứng những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có)
2. Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan
3. Văn bản của Khoa, Bộ môn đề nghị cho phép NCS được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường
4. Bản nhận xét của 02 phản biện độc lập
5. Toàn văn luận án (bìa mềm)
6. Tóm tắt luận án
7. Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh
8. Các công trình khoa học mà NCS đã công bố
9. Văn bản đồng ý của các đồng tác giả

C. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ

10. Biên bản của buổi đánh giá luận án ở cấp trường, kèm theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường
11. Biên bản kiểm phiếu kèm theo Danh sách chữ ký của các thành viên Hội đồng có mặt tại buổi bảo vệ và các phiếu đánh giá
12. Bản nhận xét của người hướng dẫn hoặc tập thể hướng dẫn NCS
13. Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam;
14. Minh chứng công bố công khai ngày đánh giá luận án trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật

Phụ lục 28 – Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ

Hồ sơ NCS gửi cho Viện Đào tạo Sau đại học gồm có:

1. Báo cáo bổ sung, sửa chữa luận án theo nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường (*Mẫu D40*)
2. Giấy biên nhận luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam
3. Giấy biên nhận luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
4. Phiếu chi tiết thu nộp học phí (*của Phòng Tài chính-Kế toán*)
5. Bản mềm toàn văn luận án và tóm tắt luận án hoàn chỉnh sau khi đã bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường và Hội đồng thẩm định (nếu có), gửi đến email ... để đăng trên <http://sdh.neu.edu.vn/>.

Phiếu bàn giao hồ sơ theo *Mẫu D42*.

Lưu ý: Quy định về việc nộp luận án và tóm tắt luận án cho Thư viện

NCS phải nộp cho Thư viện của Trường và Thư viện Quốc gia Việt Nam một bản luận án và một bản tóm tắt luận án đã được bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường (bao gồm bản in trên giấy và bản ghi trên đĩa CD).

Riêng bản luận án nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam cần đóng ở cuối quyển luận án:

- Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.
- Các bản nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng.
- Biên bản (kèm theo quyết nghị) của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường
- Văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa trong luận án theo yêu cầu của Hội đồng.

Phụ lục 29 – Hồ sơ đăng ký bảo vệ lại luận án tiến sĩ cấp trường

Hồ sơ NCS gửi cho Viện Đào tạo Sau đại học gồm có:

1. Đơn đề nghị bảo vệ lại luận án tiến sĩ cấp trường (Mẫu D39)
2. Báo cáo bổ sung, sửa chữa luận án theo nghị quyết của Hội đồng đánh giá cấp trường (Mẫu D40)
3. Hồ sơ để đưa lên website <http://sdh.neu.edu.vn/> (gửi bản mềm tới email ...)
 - Luận án (sau khi bổ sung, sửa chữa)
 - Tóm tắt luận án (sau khi bổ sung, sửa chữa)
 - Trang thông tin về những đóng góp mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh
4. 07 quyển luận án tiến sĩ (sau khi bổ sung, sửa chữa, đóng bìa mềm, có chữ ký của NCS), 07 quyển tóm tắt luận án và 03 bộ công trình khoa học

**Phụ lục 30 – Danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành được
Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước tính điểm công trình**
(dành cho các NCS tham khảo khi lựa chọn tạp chí đăng bài báo khoa học)

Ngành Kinh tế

STT	Tên tạp chí	Mã số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế		SCI, SCIE ISI, Scopus		0 - 2,0 0 - 1,5
2	Các tạp chí khoa học quốc tế khác do Hội đồng Chức danh giáo sư ngành quyết định		Tạp chí		0 - 1,0
3	Báo cáo khoa học tại Hội nghị Khoa học quốc gia và quốc tế đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings) có phản biện khoa học và có chỉ số ISBN		Kỷ yếu		0 - 1,0
4	Các tạp chí khoa học về chủ đề Kinh tế, Quản lý và Kinh doanh của các trường đại học nước ngoài		Tạp chí		0 - 1,0
5	Journal of Economic Development	1859-1116	Tạp chí	Trường ĐH KT TPHCM	0 - 1,25 (từ 2017, trước đó 0 - 1,0)
6	Phát triển kinh tế	1859-1116	Tạp chí	Trường ĐH KT TPHCM	0 - 1,0
7	Journal of Economics and Development	1859-0012	Tạp chí	Trường ĐH KTQD	0 - 1,25 (từ 2017, trước đó 0 - 1,0)
8	Kinh tế và phát triển	1859-0012	Tạp chí	Trường ĐH KTQD	0 - 1,0
9	Nghiên cứu kinh tế	0866-7489	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 1,0
10	Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới (tên cũ: Những vấn đề Kinh tế Thế giới)	0868-2984	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 1,0
11	Khoa học Thương mại	1859-3666	Tạp chí	Trường Đại học Thương Mại	0 - 1,0 (từ 2017, trước đó: 0-0,75)
12	Các tạp chí khoa học thuộc khối khoa học Kinh tế, quản lý và Kinh doanh của các trường ĐH Quốc gia HN, ĐH Quốc gia TP.HCM, ĐH Đà Nẵng, ĐH Huế và các trường ĐH khác		Tạp chí		0 - 0,5
13	Công nghệ Ngân hàng (chỉ tính đối với các bài nghiên cứu khoa học)	1859-3682	Tạp chí	Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM	0 - 0,5
14	Quản lý Nhà nước	0868-2828	Tạp chí	HV Hành chính Quốc gia	0 - 0,5
15	Khoa học & Đào tạo ngân hàng	1859-011X	Tạp chí	Học viện Ngân hàng	0 - 0,5
16	Kế toán và kiểm toán	1859-1914	Tạp chí	Hội Kế toán và Kiểm toán VN	0 - 0,5
17	Cộng sản	0866-7276	Tạp chí	Trung ương Đảng Cộng sản VN	0 - 0,5
18	Kinh tế – Dự báo	0866-7120	Tạp chí	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	0 - 0,5
19	Ngân hàng (tên cũ: Thông tin KH Ngân hàng)	0866-7462	Tạp chí	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	0 - 0,5
20	Vietnam's Socio-Economic Development	0868-359X	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5

STT	Tên tạp chí	Mã số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
21	Nghiên cứu Đông Nam Á	0868-2739	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5
22	Kiểm toán	0868-3227	Tạp chí	Kiểm toán Nhà nước	0 - 0,5
23	Công thương (tên cũ: Công nghiệp hoặc Thương mại)	0866-7756 0868-3778 0866-7500	Tạp chí	Bộ Công thương	0 - 0,5
24	Tài chính	005-56	Tạp chí	Bộ Tài chính	0 - 0,5
25	Thị trường Tài chính tiền tệ	1859-2805	Tạp chí	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam	0 - 0,5
26	Thuế Nhà nước	1859-0756	Tạp chí	Tổng cục Thuế	0 - 0,5
27	Vietnam Banking Review	0866-7462	Tạp chí	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	0 - 0,5
28	Vietnam Economic Review	0868-2984	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5
29	Thống kê (Con số và Sự kiện)	0866-7322	Tạp chí	Tổng cục Thống kê	0 - 0,5
30	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tên cũ: Khoa học kinh tế nông nghiệp; Nông nghiệp và công nghiệp; Kinh tế nông nghiệp)	0866-7020	Tạp chí	Bộ Nông nghiệp & PTNT	0 - 0,5
31	Châu Mỹ ngày nay	0868-3654	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5
32	Du lịch Việt Nam	0866-7373	Tạp chí	Tổng cục Du lịch	0 - 0,5
33	Bảo hiểm xã hội	1859-2562	Tạp chí	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	0 - 0,5
34	Lao động xã hội	0866-7643	Tạp chí	Bộ Lao động, Thương binh & XH	0 - 0,5
35	Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông	1859-0519	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5
36	Nghiên cứu Đông Bắc Á	0868-3646	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5
37	Hoạt động Khoa học	0866-7152	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 - 0,5
38	Nghiên cứu Châu Âu	0868-3581	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5
39	Nghiên cứu quốc tế	1859-0608	Tạp chí	Học viện Quan hệ quốc tế	0 - 0,5
40	Nghiên cứu Trung Quốc	0868-3670	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5
41	Khoa học Chính trị	1859-0187	Tạp chí	HV Chính trị Quốc gia HCM (Phân viện TP.HCM)	0 - 0,5
42	Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	0868-3808	Tạp chí	Trung tâm Kinh tế Châu Á - TBD	0 - 0,5
43	Quản lý Kinh tế	1859-039X	Tạp chí	Viện NC Quản lý KT Trung ương	0 - 0,5
44	Quản lý Ngân quỹ quốc gia	1859-4999	Tạp chí	Kho Bạc Nhà nước	0 - 0,5
45	Khoa học	1859-3453	Tạp chí	Trường Đại học Mở TP. HCM	0 - 0,5
46	Khoa học và công nghệ (chỉ lấy bài về kinh tế)	1859-3712	Tạp chí	Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM	0 - 0,5
47	Kinh tế đối ngoại	1859-4050	Tạp chí	Trường Đại học Ngoại thương	0 - 0,5
48	Nghiên cứu Tài chính-Kế toán	1859-4093	Tạp chí	Học viện Tài chính	0 - 0,5
49	Phát triển và Hội nhập	1589-428X	Tạp chí	Trường ĐH Kinh tế - Tài chính TP.HCM	0 - 0,5
50	Khoa học và công nghệ (chỉ lấy bài về kinh tế)	1859-3585	Tạp chí	Trường ĐH Công nghiệp HN	0 - 0,5
51	Thông tin và Dự báo Kinh tế xã hội	1859-0764	Tạp chí	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	0 - 0,25
52	Kinh tế và Quản lý	1859-4565	Tạp chí	Học viện Chính trị QG HCM	0 - 0,5 (từ 2016, trước đó 0 - 0,25)
53	Khoa học và công nghệ Lâm nghiệp (chỉ lấy bài về kinh tế)	1859-3828	Tạp chí	Trường ĐH Lâm nghiệp	0 - 0,25

STT	Tên tạp chí	Mã số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
Tạp chí chỉ được tính điểm từ 2015 trở đi					
54	Khoa học Kinh tế	0866-7969	Tạp chí	Trường ĐH Kinh tế, ĐH Đà Nẵng	0 - 0,5
55	Lý luận Chính trị	0868-2771	Tạp chí	Học viện Chính trị QG HCM	0 - 0,5
56	Kinh tế Kỹ thuật	0866-7802	Tạp chí	Trường ĐH KT-KT Bình Dương	0 - 0,25
57	Thanh tra Tài chính	2354-0885	Tạp chí	Bộ Tài chính	0 - 0,25
58	Giáo dục lý luận	0868-3492	Tạp chí	Học viện Chính trị Quốc gia HCM Khu vực 1	0 - 0,25
59	Khoa học công nghệ	0866-7896	Tạp chí	Trường ĐH Kinh tế kỹ thuật công nghiệp	0 - 0,25
60	Khoa học công nghệ Việt Nam (B)	1859-4794	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 - 0,25
61	Nhân lực Khoa học xã hội	0866-756X	Tạp chí	Học viện Khoa học xã hội	0 - 0,25
Tạp chí chỉ được tính điểm từ 2016 trở đi					
62	Khoa học	1859-2333	Tạp chí	Trường Đại học Cần Thơ	0 - 0,5
63	Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (trước đây là Tạp chí Khoa học và phát triển)	1859-0004	Tạp chí	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	0 - 0,75 (từ 2017, trước đó 0 - 0,5)
64	Kinh tế và phát triển	1859-1388	Chuyên san	Đại học Huế	0 - 0,5
65	Phát triển bền vững vùng	2354-0729	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5
66	Khoa học xã hội Việt Nam (Vietnam Social Sciences)	1013-4328	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5
67	Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á	0866-7314	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5
68	Nghiên cứu kiểm toán	1859-1671	Tạp chí	Kiểm toán nhà nước	0 - 0,25
Tạp chí chỉ được tính điểm từ 2017 trở đi					
69	Khoa học Đại học Thủ Dầu Một	1859-4433	Tạp chí	Trường ĐH Thủ Dầu Một	0 - 0,25
70	Khoa học	1859-4816	Tạp chí	Trường ĐH Trà Vinh	0 - 0,25
71	Khoa học	0866-8086	Tạp chí	Trường ĐH An Giang	0 - 0,25
72	Khoa học Đại học Đà Lạt	0866-787X	Tạp chí	Trường ĐH Đà Lạt	0 - 0,25
73	Khoa học Đại học Hải Phòng	1859-2368	Tạp chí	Trường ĐH Hải Phòng	0 - 0,25
74	Nghiên cứu Tài chính - Marketing	1859-3690	Tạp chí	Trường ĐH Tài chính - Marketing	0 - 0,25
75	Khoa học Đại học Văn Hiến	1859-2961	Tạp chí	Trường ĐH Văn Hiến	0 - 0,25
76	Khoa học Xã hội miền Trung	1859-2635	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,25
77	Khoa học và Công nghệ	1859-1531	Tạp chí	Đại học Đà Nẵng	0 - 0,75

Ngành khác (Chuyên ngành Quản trị kinh doanh bất động sản đăng ký nhận thêm)

STT	Tên tạp chí	Mã số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Xây dựng	0866-8762	Tạp chí	Bộ Xây dựng	0 - 0,5
2	Kinh tế Xây dựng	1859-4921	Tạp chí	Viện Kinh tế xây dựng, Bộ Xây dựng	0 - 0,5
3	Kiến trúc	0866-8617	Tạp chí	Hội Kiến trúc sư Việt Nam	0 - 0,5
4	Quy hoạch xây dựng	1859-3054	Tạp chí	Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn	0 - 0,25
5	Dân chủ và pháp luật	9866-7535	Tạp chí	Bộ Tư pháp	0 - 0,5

Ngành khác (Chuyên ngành *Hệ thống thông tin quản lý* đăng ký nhận thêm)

STT	Tên tạp chí	Mã số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Tin học và Điều khiển học	1813-9663	Tạp chí	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	0 - 0,5
2	Công nghệ thông tin và truyền thông	1859-3526	Tạp chí	Bộ Thông tin và Truyền thông	0 - 0,5
3	Khoa học và Công nghệ	0866-708X	Tạp chí	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	0 - 0,5
4	Khoa học Công nghệ các trường đại học kỹ thuật		Tạp chí	Trường ĐH Bách khoa Hà Nội, ĐH Đà Nẵng, Trường ĐH KTCN - ĐH Thái Nguyên, Trường ĐH Kinh tế-Kỹ thuật công nghiệp, Trường ĐH Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	0 - 0,5

Ngành khác (Chuyên ngành *Quản lý công nghiệp* và *Quản trị kinh doanh (Khoa)* đăng ký nhận thêm)

STT	Tên tạp chí	Mã số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Khoa học Giao thông Vận tải	1859-2724	Tạp chí	Trường ĐH Giao thông Vận tải	0 - 0,5
2	Xây dựng	0866-8762	Tạp chí	Bộ Xây dựng	0 - 0,5
3	Khoa học và công nghệ	1859-1531	Tạp chí	ĐH Đà Nẵng	0 - 0,5
4	Khoa học và công nghệ	1859-2171	Tạp chí	ĐH Thái Nguyên	0 - 0,5
5	Thủy sản (cũ)	1859-106X	Tạp chí	Bộ Thủy sản (cũ)	0 - 0,5
6	Xã hội học	0866-7659	Tạp chí	Viện Xã hội học	0 - 0,5
7	Khoa học Giáo dục	0868-3662	Tạp chí	Viện Khoa học Giáo dục VN	0 - 0,25

Ngành khác (Chuyên ngành *Phân bố lực lượng sản xuất và phân vùng kinh tế* đăng ký nhận thêm)

STT	Tên tạp chí	Mã số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Tài nguyên và Môi trường	1859-1477	Tạp chí	Bộ Tài nguyên và Môi trường	0 - 0,5
2	Môi trường	1859-042X	Tạp chí	Tổng cục Môi trường	0 - 0,25
3	Môi trường đô thị Việt Nam	1859-3674	Tạp chí	Hiệp hội môi trường đô thị & Khu CN Việt Nam	0 - 0,5
4	Xây dựng	0866-8762	Tạp chí	Bộ Xây dựng	0 - 0,5
5	Kinh tế Xây dựng	1859-4921	Tạp chí	Viện Kinh tế xây dựng, Bộ Xây dựng	0 - 0,5
6	Quy hoạch xây dựng	1859-3054	Tạp chí	Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn	0 - 0,25
7	Khoa học Kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (tên cũ là Khoa học)	1859-3941	Tạp chí	Trường Đại học Thủy lợi	0 - 0,5
8	Thủy sản (cũ)	1859-106X	Tạp chí	Bộ Thủy sản (cũ)	0 - 0,5
9	An toàn - Sức khỏe và Môi trường Lao động	1859-0896	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Khoa học kỹ thuật Bảo hộ Lao động	0 - 0,3
10	Khí tượng Thủy văn	0866-8744	Tạp chí	TTKTTVQG - Bộ Tài nguyên và Môi trường (Tổng cục Khí tượng Thủy văn)	0 - 0,5
11	Khoa học Giao thông Vận tải	1859-2724	Tạp chí	Trường ĐH Giao thông Vận tải	0 - 0,5
12	Xã hội học	0866-7659	Tạp chí	Viện Xã hội học	0 - 0,5
13	Các khoa học về trái đất	0886-7187	Tạp chí	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	0 - 0,5

STT	Tên tạp chí	Mã số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
14	Kiến trúc	0866-8617	Tạp chí	Hội Kiến trúc sư Việt Nam	0 - 0,5
15	Nghiên cứu địa lý nhân văn	1859-1604	Tạp chí	Viện Địa lý nhân văn	0 - 0,5
16	Kiến trúc Việt Nam	0868-3786	Tạp chí	Viện Kiến trúc - Quy hoạch đô thị và nông thôn, Bộ Xây dựng	0 - 0,5
17	Xây dựng và Đô thị	1859-3119	Tạp chí	Học viện Cán bộ Quản lý Xây dựng - Bộ Xây dựng	0 - 0,5
18	Người xây dựng	0866-8531	Tạp chí	Tổng Hội xây dựng Việt Nam	0 - 0,5
19	Khoa học Công nghệ Xây dựng	1859-2996	Tạp chí	Đại học Xây dựng	0 - 0,5
20	Khoa học Kiến trúc - Xây dựng	1859-350X	Tạp chí	Đại học Kiến trúc	0 - 0,5

Ngành khác (Chuyên ngành *Kinh tế du lịch* đăng ký nhận thêm)

STT	Tên tạp chí	Mã số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Khoa học Giao thông Vận tải	1859-2724	Tạp chí	Trường ĐH Giao thông Vận tải	0 - 0,5
2	Xây dựng	0866-8762	Tạp chí	Bộ Xây dựng	0 - 0,5
3	Khoa học và công nghệ	1859-1531	Tạp chí	ĐH Đà Nẵng	0 - 0,5
4	Khoa học và công nghệ	1859-2171	Tạp chí	ĐH Thái Nguyên	0 - 0,5
5	Xã hội học	0866-7659	Tạp chí	Viện Xã hội học	0 - 0,5
6	Khoa học Giáo dục	0868-3662	Tạp chí	Viện Khoa học Giáo dục VN	0 - 0,25
7	Tâm lý học	1859-0089	Tạp chí	Viện Tâm lý học	0 - 0,5
8	Triết học	0866-7632	Tạp chí	Viện Triết học	0 - 0,25
9	Giao thông vận tải	0866-7012	Tạp chí	Bộ Giao thông vận tải	0 - 0,25
10	Văn hóa nghệ thuật	0866-8655	Tạp chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0 - 0,5

Ngành khác (Chuyên ngành *Kinh tế nông nghiệp* đăng ký nhận thêm)

STT	Tên tạp chí	Mã số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Khoa học Lâm nghiệp	1859-0373	Tạp chí	Viện Khoa học Lâm nghiệp VN	0 - 0,5
2	Khoa học và Công nghệ Thủy lợi (tên cũ: Khoa học Thủy lợi)	1859-4255	Tạp chí	Viện Khoa học Thủy lợi VN	0 - 0,5
3	Khoa học Kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (tên cũ là Khoa học)	1859-3941	Tạp chí	Trường Đại học Thủy lợi	0 - 0,5
4	Khoa học và Phát triển (tên cũ: Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp)	1859-0004	Tạp chí	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	0 - 0,5
5	Khoa học và công nghệ	1859-2171	Tạp chí	ĐH Thái Nguyên	0 - 0,5
6	Thủy sản (cũ)	1859-106X	Tạp chí	Bộ Thủy sản (cũ)	0 - 0,5
7	Xã hội học	0866-7659	Tạp chí	Viện Xã hội học	0 - 0,5
8	Tài nguyên và Môi trường	1859-1477	Tạp chí	Bộ Tài nguyên và Môi trường	0 - 0,5

Ngành khác (Chuyên ngành *Khoa học quản lý* và *Quản lý công* đăng ký nhận thêm)

STT	Tên tạp chí	Mã số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Khoa học và Công nghệ	0866-708X	Tạp chí	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	0 - 0,5
2	Khoa học Giao thông Vận tải	1859-2724	Tạp chí	Trường ĐH Giao thông Vận tải	0 - 0,5
3	Khoa học và công nghệ	1859-1531	Tạp chí	ĐH Đà Nẵng	0 - 0,5
4	Khoa học và công nghệ	1859-2171	Tạp chí	ĐH Thái Nguyên	0 - 0,5

STT	Tên tạp chí	Mã số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
5	Thủy sản (cũ)	1859-106X	Tạp chí	Bộ Thủy sản (cũ)	0 - 0,5
6	Xã hội học	0866-7659	Tạp chí	Viện Xã hội học	0 - 0,5
7	Khoa học Giáo dục	0868-3662	Tạp chí	Viện Khoa học Giáo dục VN	0 - 0,25
8	Xây dựng	0866-8762	Tạp chí	Bộ Xây dựng	0 - 0,5
9	Kinh tế Xây dựng	1859-4921	Tạp chí	Viện Kinh tế xây dựng, Bộ XD	0 - 0,5
10	Quy hoạch xây dựng	1859-3054	Tạp chí	Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn	0 - 0,25
11	Giáo dục và Xã hội	1859-3917	Tạp chí	Hiệp hội các trường ĐH, CĐ VN	0 - 0,5

Ngành khác (Chuyên ngành **Kinh tế lao động** và **Quản trị nhân lực** đăng ký nhận thêm)

STT	Tên tạp chí	Mã số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Giáo dục và Xã hội	1859-3917	Tạp chí	Hiệp hội các trường ĐH, CĐ VN	0 - 0,5

Ngành khác (Chuyên ngành **Toán kinh tế** đăng ký nhận thêm)

STT	Tên tạp chí	Mã số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Tạp chí ứng dụng Toán học	1859-4492	Tạp chí	Hội Toán ứng dụng Việt Nam	0 - 0,5

Ngành khác (Chuyên ngành **Marketing** đăng ký nhận thêm)

STT	Tên tạp chí	Mã số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Khoa học	1859-1388	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,5
2	Khoa học và công nghệ	1859-2171	Tạp chí	ĐH Thái Nguyên	0 - 0,5
3	Khoa học Giao thông Vận tải	1859-2724	Tạp chí	Trường ĐH Giao thông Vận tải	0 - 0,5
4	Khoa học - công nghệ hàng hải	1859-316X	Tạp chí	Trường ĐH Hàng hải	0 - 0,5
5	Khoa học công nghệ xây dựng	1859-2996	Tạp chí	Trường ĐH Xây Dựng	0 - 0,5
6	Khoa học và Công nghệ	1859-1531	Tạp chí	Đại học Đà Nẵng	0 - 0,5
7	Tâm lý học	1859-0089	Tạp chí	Viện Tâm lý học Việt Nam	0 - 0,5
8	Giáo dục (Trước đây là Tạp chí Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Tạp chí Nghiên cứu giáo dục)	0866-7476	Tạp chí	Bộ Giáo dục và Đào tạo	0 - 0,5
9	Xã hội học	0866-7659	Tạp chí	Viện Xã hội học	0 - 0,5
10	Nghiên cứu con người	0328-1557	Tạp chí	Viện Nghiên cứu con người	0 - 0,5
11	Khoa học	1859-2228	Tạp chí	Trường ĐH Vinh	0 - 0,5
12	Giáo dục và Xã hội	1859-3917	Tạp chí	Hiệp hội các trường ĐH, CĐ VN	0 - 0,5
13	Khoa học	0866-8051	Tạp chí	Viện ĐH Mở Hà Nội	0 - 0,5
14	Khoa học	1859-2759	Tạp chí	Trường ĐH Hồng Đức	0-0,25
15	Khoa học Xã hội và Nhân văn	2354-1172	Tạp chí	Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia Hà Nội	0 - 0,5
16	Khoa học	2354-1431	Tạp chí	Trường ĐH Tân Trào	0-0,25 (từ năm 2017)
17	Khoa học	2354-1091	Tạp chí	Trường ĐH Tây Bắc	0-0,25 (từ năm 2017)

STT	Tên tạp chí	Mã số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
18	Khoa học	2354-1512	Tạp chí	Trường ĐH Thủ Đô Hà Nội	0-0,25 (từ năm 2017)
19	Nghiên cứu Dân tộc	0866-773X	Tạp chí	Học viện Dân tộc	0-0,25 (từ năm 2017)
20	Luật học	0868-3522	Tạp chí	Trường ĐH Luật Hà Nội	0 - 0,5
21	Pháp luật và phát triển	0866-7500	Tạp chí	Hội Luật gia Việt Nam	0 - 0,5
22	Khoa học và Công nghệ nông nghiệp Việt Nam	1859-1558	Tạp chí	Viện Khoa học Nông nghiệp VN	0 - 0,5
23	Dân tộc học	0866-7632	Tạp chí	Viện Dân tộc học	0 - 0,5
24	Nghiên cứu tôn giáo	1859-0403	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Tôn giáo	0 - 0,5
25	Nghiên cứu phát triển bền vững	1859-0136	Tạp chí	Viện nghiên cứu môi trường và phát triển bền vững	0 - 0,5
26	Tâm lý học xã hội	0866-8019	Tạp chí	Hội tâm lý học xã hội Việt Nam	0 - 0,5
27	Nhà nước và Pháp luật	0866-7446	Tạp chí	Viện Nhà nước và Pháp luật	0 - 0,5
28	Sinh hoạt lý luận	0868-3247	Tạp chí	Học viện Chính trị Quốc gia HCM, Khu vực III, Đà Nẵng	0 - 0,5
29	Đối ngoại	1859-2899	Tạp chí	Ban đối ngoại Trung ương	0 - 0,5
30	Tổ chức nhà nước	0868-7683	Tạp chí	Bộ Nội vụ	0 - 0,5
31	Tuyên giáo (tính cả: Khoa giáo, Tư tưởng văn hóa; Công tác tư tưởng lý luận)	1859-2295	Tạp chí	Ban Tuyên giáo Trung ương	0 - 0,5
32	Gia đình và Giới (tiếng Việt và tiếng Anh)	1859-2937	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5
33	Lý luận Chính trị và Truyền thông (tính cả Báo chí và Tuyên truyền)	1859-1485	Tạp chí	HV Báo chí và Tuyên truyền	0 - 0,5
34	Báo chí và Tuyên truyền	1859-0411	Tạp chí	HV Báo chí và Tuyên truyền	0 - 0,5
35	Nghiên cứu Quốc tế (tiếng Việt và tiếng Anh)	1859-0608	Tạp chí	Học viện ngoại giao, Bộ ngoại giao	0 - 0,5
36	Khoa học (KHXH)	0866-8612	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 - 0,5
37	Nghiên cứu văn hóa	0866-7667	Tạp chí	Trường ĐH Văn hóa Hà Nội	0 - 0,5
38	Nghiên cứu mỹ thuật	1859-4697	Tạp chí	Trường ĐH Mỹ thuật Việt Nam	0 - 0,5
39	Khoa học	0866-7594	Tạp chí	Trường ĐH Hà Tĩnh	0 - 0,5
40	Văn hóa nghệ thuật	0866-8655	Tạp chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0 - 0,5

Ghi chú: Danh mục này được xây dựng trên cơ sở Danh mục Tạp chí khoa học ngành kinh tế được tính điểm công trình khoa học ngành quy đổi khi xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS (áp dụng đối với ngành kinh tế) của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước, có bổ sung một số tạp chí được tính điểm công trình ở các ngành khác. Danh mục có thể được điều chỉnh hàng năm theo quy định của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước và theo đề xuất của các Khoa chuyên ngành.

CÁC MẪU VĂN BẢN SỬ DỤNG TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

A – Mẫu văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo

Mẫu A1: Báo cáo kết quả tuyển sinh.....	90
Mẫu A2: Báo cáo công tác đào tạo NCS hàng năm	91
Mẫu A3: Danh sách NCS bảo vệ thành công luận án các tháng trong năm	92

B – Mẫu văn bản liên quan đến tuyển sinh trình độ tiến sĩ

Mẫu B1. Phiếu đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ	93
Mẫu B2. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý.....	95
Mẫu B3. Thư giới thiệu người dự tuyển.....	96
Mẫu B4. Đề cương nghiên cứu của người dự tuyển.....	98
Mẫu B5. Bản kê khai danh mục công trình đã công bố.....	100
Mẫu B6. Phiếu đánh giá người dự tuyển.....	101
Mẫu B7. Biên bản tổng hợp kết quả đánh giá người dự tuyển.....	105
Mẫu B8. Kết quả xét tuyển nghiên cứu sinh	106
Mẫu B9. Quyết định công nhận NCS	107

C – Mẫu văn bản liên quan đến quá trình đào tạo tiến sĩ của 2 năm đầu

Mẫu C1. Văn bản đề nghị bộ môn sinh hoạt khoa học cho NCS	109
Mẫu C2. Văn bản đề xuất người hướng dẫn và các học phần bổ sung cho NCS.....	110
Mẫu C3. Quyết định công nhận người hướng dẫn	111
Mẫu C4. Quyết định giao nhiệm vụ học tập các học phần bổ sung	112
Mẫu C5. Bản đề xuất nghiên cứu của nghiên cứu sinh	114
Mẫu C6. Văn bản đề xuất tên đề tài luận án của nghiên cứu sinh.....	115
Mẫu C7. Quyết định công nhận tên đề tài luận án	116
Mẫu C8. Đơn đăng ký học bổ sung kiến thức (hình thức học ghép).....	117
Mẫu C9. Đơn đăng ký học bổ sung kiến thức (hình thức lớp riêng).....	118
Mẫu C10. Bìa tiểu luận tổng quan nghiên cứu	119
Mẫu C11. Phiếu chấm tiểu luận tổng quan nghiên cứu.....	120
Mẫu C12. Bìa chuyên đề tiến sĩ.....	121
Mẫu C13. Văn bản đề nghị thành lập tiểu ban chấm chuyên đề tiến sĩ.....	122
Mẫu C14. Quyết định thành lập tiểu ban chấm chuyên đề tiến sĩ	123
Mẫu C15. Biên bản chấm chuyên đề tiến sĩ	125
Mẫu C16. Đơn đề nghị gia hạn thời gian học tập, nghiên cứu	126
Mẫu C17. Quyết định cho phép nghiên cứu sinh gia hạn.....	127
Mẫu C18. Quyết định dừng đào tạo nghiên cứu sinh	128

Mẫu C19. Đơn đề nghị thay đổi tên đề tài luận án tiến sĩ	129
Mẫu C20. Quyết định cho phép nghiên cứu sinh thay đổi tên đề tài luận án	130
Mẫu C21. Văn bản đề nghị thay thế/bổ sung người hướng dẫn	131
Mẫu C22. Quyết định thay đổi/bổ sung người hướng dẫn	132
Mẫu C23. Báo cáo tiến độ học tập, nghiên cứu 6 tháng/lần tại Bộ môn	133
Mẫu C24. Đơn đăng ký học của nghiên cứu sinh.....	134
Mẫu C25. Bảng điểm nghiên cứu sinh	135
Mẫu C26. Đơn đề nghị chuyển cơ sở đào tạo.....	136
Mẫu C27. Quyết định tiếp nhận nghiên cứu sinh từ cơ sở đào tạo khác	137

D – Mẫu văn bản liên quan đến quá trình bảo vệ luận án tiến sĩ

Mẫu D1. Bìa luận án tiến sĩ	138
Mẫu D2. Bìa tóm tắt luận án tiến sĩ (Bìa 1).....	140
Mẫu D3. Trang thông tin những đóng góp mới của luận án	142
Mẫu D4. Đơn đề nghị bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở	143
Mẫu D5. Lý lịch nghiên cứu sinh	144
Mẫu D6. Văn bản đồng ý của đồng tác giả	146
Mẫu D7. Bản nhận xét của người hướng dẫn.....	147
Mẫu D8. Đề nghị thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở	148
Mẫu D9. Phiếu bàn giao hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở.....	149
Mẫu D10. Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở	151
Mẫu D11. Bản nhận xét của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở	153
Mẫu D12. Giấy mời tham gia Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở.....	155
Mẫu D13. Phiếu đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở.....	156
Mẫu D14. Biên bản buổi họp đánh giá luận án cấp cơ sở	157
Mẫu D15. Văn bản đề nghị cho NCS bảo vệ cấp trường	159
Mẫu D16. Phiếu bàn giao hồ sơ sau bảo vệ luận án cấp cơ sở.....	160
Mẫu D17. Báo cáo sửa chữa/bổ sung luận án theo kết luận của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở	161
Mẫu D18. Phiếu bàn giao hồ sơ gửi phản biện độc lập	162
Mẫu D19. Giấy mời phản biện độc lập.....	163
Mẫu D20. Bản nhận xét của phản biện độc lập	165
Mẫu D24. Đơn đề nghị bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường	167
Mẫu D25. Báo cáo sửa chữa/bổ sung luận án theo góp ý của phản biện độc lập	168
Mẫu D26. Phiếu bàn giao hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường	169
Mẫu D27. Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường	170
Mẫu D28. Giấy mời tham gia Hội đồng đánh giá cấp trường	172
Mẫu D29. Bản nhận xét của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường	173
Mẫu D30. Phiếu đăng ký thời gian bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường.....	175
Mẫu D31. Biên bản họp Ban kiểm phiếu của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.....	176

Mẫu D32. Danh sách ký dự họp Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.....	177
Mẫu D33. Phiếu đánh giá luận án (dùng cho buổi bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường).....	178
Mẫu D34. Biên bản của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường	179
Mẫu D35. Phiếu bàn giao hồ sơ sau bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường	182
Mẫu D36. Quyết định thay đổi thành viên Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường .	183
Mẫu D37. Đề nghị thành lập lại Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường	184
Mẫu D38. Quyết định thành lập lại Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường	185
Mẫu D39. Đề nghị bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường lần thứ hai	186
Mẫu D40. Báo cáo sửa chữa/bổ sung luận án theo kết luận của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường	187
Mẫu D41. Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường lần thứ hai	188
Mẫu D42. Phiếu bàn giao hồ sơ đề nghị cấp bằng tiến sĩ.....	189
Mẫu D43. Quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ.....	190

Mẫu A1: Báo cáo kết quả tuyển sinh**TRƯỜNG ĐH KINH TẾ QUỐC DÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

BÁO CÁO TUYỂN SINH NGHIÊN CỨU SINH NĂM

Nội dung:

1. Tổng hợp đăng kí dự tuyển
2. Công tác tổ chức tuyển sinh
3. Đánh giá chung về công tác tuyển sinh và những đề xuất, kiến nghị (nếu có)

Kèm theo: Các quyết định công nhận NCS và bản kết quả xét tuyển người dự tuyển.

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu A2: Báo cáo công tác đào tạo NCS hàng năm**TRƯỜNG ĐH KINH TẾ QUỐC DÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***Hà Nội, ngày ... tháng ... năm***Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo****BÁO CÁO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH NĂM ...****I. Số lượng nghiên cứu sinh đang học tập và nghiên cứu tại cơ sở đào tạo**

Khoá đào tạo (năm bắt đầu đào tạo)	Số, ngày quyết định công nhận NCS	Số lượng nghiên cứu sinh hiện đang học tập tại Trường				Số sẽ tốt nghiệp năm sau			
		Tổng	Loại ... năm	Loại ... năm	Ghi chú	Tổng	Loại ... năm	Loại ... năm	Ghi chú

II. Kế hoạch chỉ tiêu tuyển mới năm tiếp theo

(Báo cáo và lập biểu theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh)

III. Các hướng nghiên cứu và dự kiến người hướng dẫn cho kế hoạch tuyển mới

STT	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh khoa học của người hướng dẫn dự kiến	Số lượng NCS có thể nhận
1				
2				

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu A3: Danh sách NCS bảo vệ thành công luận án các tháng trong năm**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***Hà Nội, ngày ... tháng ... năm*

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH ĐÃ BẢO VỆ THÀNH CÔNG LUẬN ÁN TIẾN SĨ*(Tháng năm)*

STT	Họ và tên NCS	Quyết định công nhận NCS	Tên đề tài	Ngành, mã số	QĐ và ngày bảo vệ cấp cơ sở	QĐ và ngày bảo vệ cấp trường	Kết quả bảo vệ cấp trường	Ghi chú
1								
2								

HIỆU TRƯỞNG*(Ký tên và đóng dấu)*

Mẫu B1. Phiếu đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHIẾU ĐĂNG KÝ
DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 20...

Từ bậc: Đại học ☐ Thạc sĩ ☐

Ảnh 3x4
(Đóng dấu giáp
lại của tổ chức
xác nhận cho
người dự tuyển)

1. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên (viết in hoa): Giới tính:

Ngày sinh: Nơi sinh: Dân tộc :

Địa chỉ liên hệ (nếu nhắn qua người khác đề nghị ghi cụ thể):

.....

.....

Điện thoại (CQ): (NR): (DD):

Email (bắt buộc): Fax:

2. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**2.1. Đào tạo đại học****Bằng đại học thứ nhất:**

Cơ sở đào tạo: Quốc gia đào tạo:

Chuyên ngành: Xếp loại tốt nghiệp:

Hệ đào tạo: Năm tốt nghiệp (ghi trên bằng):

Bằng đại học thứ hai:

Cơ sở đào tạo: Quốc gia đào tạo:

Chuyên ngành: Xếp loại tốt nghiệp:

Hệ đào tạo: Năm tốt nghiệp (ghi trên bằng):

2.2. Đào tạo thạc sĩ**Bằng thạc sĩ thứ nhất:**

Cơ sở đào tạo: Quốc gia đào tạo:

Chuyên ngành: Năm tốt nghiệp (ghi trên bằng):

Bằng thạc sĩ thứ hai:

Cơ sở đào tạo: Quốc gia đào tạo:

Chuyên ngành: Năm tốt nghiệp (ghi trên bằng):

3. CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ:

Loại chứng chỉ: Điểm số:

4. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

TỪ NĂM	ĐẾN NĂM	CƠ QUAN CÔNG TÁC	CHỨC VỤ

5. CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

STT	Tên bài báo/Báo cáo hội nghị, hội thảo	Tên tạp chí/Hội thảo	Số tạp chí/ Nơi tổ chức hội thảo	Năm công bố

6. CHUYÊN NGÀNH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

.....

7. CAM KẾT CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

7.1. Tôi xin cam kết những nội dung khai ở trên là đúng sự thật.

7.2. Tôi xin cam kết thực hiện đúng nghĩa vụ học tập, nghiên cứu và chế độ tài chính của nghiên cứu sinh sau khi trúng tuyển như sau:

- Thực hiện đúng quy định của Trường về đào tạo trình độ tiến sĩ
- Bảo đảm dành thời gian cho nghiên cứu, tham dự đầy đủ các buổi sinh hoạt khoa học, tham gia các hoạt động của Bộ môn, Khoa/Viện chuyên ngành và thực hiện theo đúng kế hoạch học tập, nghiên cứu của Trường.
- Đóng học phí và những kinh phí khác theo đúng quy định của Trường.

Nếu không thực hiện đúng các cam kết trên đây, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc xử lý của Trường theo các quy định về quản lý đào tạo tiến sĩ.

Ngày tháng năm

Người dự tuyển

(Ký và ghi rõ họ tên)

8. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ HOẶC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

.....

.....

Ngày tháng năm

Thủ trưởng cơ quan

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu B2. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý**Tên cơ quan****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

V.v: Cử dự tuyển
đào tạo trình độ tiến sĩ năm ...*Hà Nội, ngày tháng năm*

Kính gửi: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Cơ quan:

Đồng ý cử Ông/Bà.....

Sinh ngày:.....

là (giảng viên, cán bộ) phụ trách công việc

đến Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đăng ký dự tuyển trình độ tiến sĩ năm ..., chuyên
ngành

Đề nghị Quý trường xem xét và tạo điều kiện cho ông/bà

dự tuyển và làm nghiên cứu sinh của Trường năm ... (nếu trúng tuyển).

Xin trân trọng cảm ơn!

Thủ trưởng cơ quan*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu B3. Thư giới thiệu người dự tuyển

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ GIỚI THIỆU NGƯỜI DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH**1. Thông tin chung về người dự tuyển nghiên cứu sinh**

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh:

Địa chỉ:

Điện thoại:Email:

2. Nhận xét của người giới thiệu

Ông/bà cho biết mình đã biết đến người dự tuyển NCS trong hoàn cảnh nào (đề nghị nêu rõ bối cảnh, thời gian, mức độ hiểu rõ về người dự tuyển NCS).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ông/bà đánh giá như thế nào về năng lực chuyên môn, khả năng sáng tạo, mức độ chuyên cần, quyết tâm, khả năng theo đuổi nghiên cứu độc lập ở trình độ tiến sĩ của người dự tuyển. Nếu có thể, đề nghị ông/bà so sánh người dự tuyển với những người dự tuyển hoặc NCS khác mà ông/bà đã làm việc, hướng dẫn, hoặc giảng dạy.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Đánh giá của người giới thiệu

Ông/bà đánh giá như thế nào về các năng lực sau của người dự tuyển

Năng lực	Dưới mức trung bình	Trung bình (Từ 50% - dưới 70%)	Khá (Từ 70% - dưới 90%)	Xuất sắc (Từ 90% trở lên)	Không có đủ thông tin để đánh giá
Động cơ tham gia khoá học					
Khả năng tổ chức và trình bày ý tưởng					
Khả năng tư duy logic					
Khả năng phản biện					
Khả năng lập kế hoạch và hoàn thành khoá học					
Khả năng nghiên cứu độc lập					

4. Thông tin về người giới thiệu

Họ và tên người giới thiệu:

Học hàm, học vị:

Nghề nghiệp/Chức vụ:

Lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu:

Cơ quan công tác:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

Tôi đồng ý để Trường Đại học Kinh tế Quốc dân liên hệ, trao đổi thêm về người dự tuyển:

Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

Người giới thiệu

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu B4. Đề cương nghiên cứu của người dự tuyển

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU
DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
NĂM 20...

Họ và tên:

Tên đề tài/Hướng nghiên cứu:

Chuyên ngành:

Người hướng dẫn (dự kiến):

HÀ NỘI – 20...

1. Lý do lựa chọn đề tài/hướng nghiên cứu

2. Tổng quan các công trình khoa học đã được công bố trong và ngoài nước về đề tài/hướng nghiên cứu được lựa chọn

3. Mục tiêu nghiên cứu

4. Phương pháp nghiên cứu dự kiến thực hiện

5. Dự kiến đóng góp của nghiên cứu

6. Giới thiệu tóm tắt về bài báo đã công bố

Người hướng dẫn (dự kiến)

(Ký và ghi rõ họ tên)

Người dự tuyển

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu B5. Bản kê khai danh mục công trình đã công bố

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC
ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ**

Họ và tên:

Chuyên ngành:

1. Tên tác giả (năm công bố), “Tên bài báo”, *Tên tạp chí*, số tạp chí
 2. Tên tác giả (năm công bố), “Tên báo cáo”, *Tên hội thảo*, nơi tổ chức hội thảo
- (...)

HÀ NỘI – 20...

Mẫu B6. Phiếu đánh giá người dự tuyển
(dành cho thành viên tiểu ban chuyên môn xét tuyển)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ NGƯỜI DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH
(Dành cho thành viên Tiểu ban chuyên môn xét tuyển)

Người dự tuyển NCS: Chuyên ngành:

Tên thành viên tiểu ban:

(Điểm đánh giá người dự tuyển chấm trên thang điểm 100, điểm lẻ đến 0.5 và tổng điểm làm tròn đến 0.1)

I. Phần Hồ sơ

NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM
A. VĂN BẰNG VÀ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO: Tối đa 10 điểm			
Bậc thạc sĩ:			
Cơ sở đào tạo - Trường uy tín (theo đánh giá của người chấm, VD trường ĐH tại các nước phát triển, trường uy tín tại VN): Từ 2-3 điểm - Cơ sở đào tạo khác: 1 điểm			
Điểm trung bình bậc thạc sĩ: - Xuất sắc, giỏi (từ 8.0 trở lên): 3 điểm - Khá (từ 7.0 đến dưới 8.0): 2 điểm - Trung bình (từ 5.0 đến dưới 7.0): 1 điểm (Trường hợp văn bằng nước ngoài, người chấm căn cứ trên thực tế kết quả và quy về như trên)			
Điểm luận văn thạc sĩ - Xuất sắc, giỏi (từ 8.0 trở lên): 1.5-2 điểm - Khá (từ 7.0 đến dưới 8.0): 0.5-1 điểm - Trung bình (từ 5.0 đến dưới 7.0): 0 điểm (Trường hợp văn bằng nước ngoài, người chấm căn cứ trên thực tế kết quả và quy về như trên, trường hợp chương trình đào tạo thạc sĩ không có luận văn, người dự tuyển không được điểm cho mục này)			
Bậc đại học			
- Cơ sở đào tạo uy tín (theo đánh giá của người chấm, VD trường ĐH nước ngoài tại các nước phát triển, trường uy tín tại VN): 2 điểm - Cơ sở đào tạo khác: 1 điểm			
TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ VĂN BẰNG THẠC SĨ VÀ ĐẠI HỌC (A)			/10

NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM
B. TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ: Tối đa 5 điểm			
- Người dự tuyển tốt nghiệp đại học và/hoặc sau đại học hoàn toàn ở nước ngoài: tối đa 5 điểm - Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ: tối đa 4 điểm - Người dự tuyển có chứng chỉ ngoại ngữ như quy định chung: tối đa 4 điểm			
TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ (B)			/5
C. THƯ GIỚI THIỆU NGƯỜI DỰ TUYỂN: Tối đa 10 điểm			
<i>Quy định về thư giới thiệu: của ít nhất một nhà khoa học có học vị tiến sĩ, đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.</i>			
Uy tín của người giới thiệu (tối đa 2 điểm)			
- Người giới thiệu có uy tín rất cao (theo đánh giá của người chấm, VD có học hàm GS, PGS và nổi tiếng trong lĩnh vực): 2 điểm - Người giới thiệu tương đối uy tín: 1 điểm			
Sự gần gũi về chuyên môn của người giới thiệu đối với người dự tuyển (tối đa 3 điểm)			
- Người giới thiệu có chuyên môn gần gũi với người dự tuyển: 2-3 điểm - Người giới thiệu có chuyên môn ít gần gũi với người dự tuyển: 0-1 điểm			
Nội dung giới thiệu (tối đa 5 điểm)			
- Thư giới thiệu thể hiện mức độ thấu hiểu đối với người dự tuyển, có nhận xét sâu sắc bao quát các nội dung yêu cầu giới thiệu (<i>phẩm chất, năng lực, phương pháp làm việc, khả năng nghiên cứu, khả năng làm việc theo nhóm, điểm mạnh, yếu phù hợp với nghề nghiên cứu, triển vọng phát triển trong lĩnh vực</i>): 4-5 điểm - Thư viết đủ các nội dung yêu cầu nhưng sơ sài, chưa thể hiện sự thấu hiểu, quan tâm, nhiệt tình của người giới thiệu: 2-3 điểm - Thư viết rất sơ sài, thể hiện sự không quan tâm: 0 điểm			
TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ PHẦN THƯ GIỚI THIỆU (C)			/10
D. CÔNG TRÌNH KHOA HỌC: Tối đa 20 điểm			
- Công trình <u>chấm điểm</u> <u>theo quy định</u> gồm một bài báo trên tạp chí hoặc hội thảo khoa học. - Công trình <u>chấm điểm thưởng</u>: người dự tuyển có thể nộp kèm theo các nghiên cứu khác để chấm điểm thưởng.			
Bài báo để chấm điểm theo quy định (tối đa 18 điểm)			
Tạp chí đăng bài - Đăng trên tạp chí trong danh mục được HDGS cho 1.5-2 điểm: 6 điểm - Đăng trên tạp chí trong danh mục được HDGS cho 0.5-1 điểm: 3-4 điểm - Đăng trên tạp chí trong danh mục được HDGS cho 0.25 điểm: 1-2 điểm			
Sự phù hợp với hướng nghiên cứu và chuyên ngành đăng ký - Phù hợp với đề xuất trong dự định nghiên cứu: 4-6 điểm - Không liên quan hoặc ít liên quan đến đề xuất trong dự định nghiên cứu: 0-3 điểm			
Chất lượng bài viết - Chất lượng tốt (theo đánh giá của người chấm, VD thể hiện sự am hiểu sâu sắc về vấn đề, khả năng tổng hợp khái quát lý thuyết liên quan, bình luận sắc sảo, chặt chẽ...): 4-6 điểm - Chất lượng trung bình (theo đánh giá của người chấm, VD am hiểu còn hạn chế về vấn đề, chưa tổng hợp khái quát lý thuyết liên quan, bình luận chưa chặt chẽ...): 1-3 điểm			

NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM
Điểm thưởng: tối đa là 10 cho tất cả các công trình ngoài yêu cầu quy định. <i>Trong trường hợp tổng điểm đánh giá phần công trình khoa học kể cả điểm thưởng vượt quá 20 điểm, người chấm đưa về mức tối đa 20 điểm</i>		
TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CÔNG TRÌNH KHOA HỌC (D)		/20
E. ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU: tối đa 15 điểm		
Sự thuyết phục về lý do lựa chọn đề tài (Cơ sở khoa học/thực tiễn của đề tài, chỉ ra được những khoảng trống, điểm mới, hay đóng góp của nghiên cứu): tối đa 5 điểm		
Mức độ sâu sắc và bao quát của phần tổng quan các lý thuyết và nghiên cứu có liên quan (Mức độ nắm vững các lý thuyết liên quan, khả năng phê phán và tổng hợp các nghiên cứu cùng chủ đề): tối đa 4 điểm		
Tính khoa học (Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu rõ ràng, phương pháp nghiên cứu dự kiến phù hợp, khả thi): tối đa 4 điểm		
Văn phong trình bày rõ ràng, mạch lạc, phù hợp với văn phong nghiên cứu: tối đa 2 điểm		
TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU (E)		/15
I. TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ: A + B + C + D + E		/60

II. Phần phỏng vấn người dự tuyển (kết hợp cả xét hồ sơ và phỏng vấn trực tiếp)

NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM
F. KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN, HIỂU BIẾT VỀ NGHIÊN CỨU: tối đa 20 điểm		
Mức độ nắm vững kiến thức chuyên ngành đăng ký dự tuyển - Người dự tuyển nắm vững kiến thức chuyên ngành đăng ký dự tuyển, am hiểu các vấn đề thực tiễn có liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành: 5-7 điểm - Kiến thức về chuyên ngành đăng ký dự tuyển của người dự tuyển tương đối bao quát nhưng chưa thực sự vững chắc, người dự tuyển có sự hiểu biết tương đối các vấn đề thực tiễn liên quan đến chuyên ngành: 2-4 điểm - Kiến thức về chuyên ngành đăng ký dự tuyển của người dự tuyển yếu: 0-1 điểm		
Mức độ hiểu biết về bản chất, yêu cầu của hoạt động nghiên cứu - Người dự tuyển hiểu về mục đích, ý nghĩa của hoạt động nghiên cứu khoa học, có nhiều kinh nghiệm trong nghiên cứu và công bố kết quả nghiên cứu: 5-7 điểm - Người dự tuyển tương đối am hiểu về hoạt động nghiên cứu: 2-4 điểm - Người dự tuyển không hiểu hoặc hiểu sai về mục đích, yêu cầu của hoạt động nghiên cứu: 0-1 điểm		
Mức độ làm chủ dự định nghiên cứu - Người dự tuyển hiểu biết sâu sắc về chủ đề nghiên cứu, nắm vững các tác giả, các quan điểm chính thuộc phạm vi chủ đề nghiên cứu: 4-6 điểm - Người dự tuyển tương đối am hiểu về chủ đề nghiên cứu: 2-3 điểm - Người dự tuyển không nắm vững chủ đề mình dự định nghiên cứu: 0-1 điểm		
TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC VÀ HIỂU BIẾT VỀ NGHIÊN CỨU (F)		/20

NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM
G. TƯ CHẤT CẦN CÓ CỦA MỘT NHÀ NGHIÊN CỨU: tối đa 20 điểm			
Kỹ năng, kinh nghiệm nghiên cứu - Người dự tuyển thể hiện khả năng tư duy phân tích, tổng hợp phê phán cao, cách lập luận diễn đạt chặt chẽ, logic, am hiểu về các phương pháp nghiên cứu, các công cụ phân tích dữ liệu: 4-6 điểm - Người dự tuyển chưa chứng minh được năng lực nghiên cứu, nhưng thể hiện có triển vọng và quyết tâm nâng cao năng lực nghiên cứu của mình: 2-3 điểm - Phần trình bày của người dự tuyển cho thấy người dự tuyển có ít hoặc không có năng lực phù hợp đối với hoạt động nghiên cứu: 0-1 điểm			
Thái độ và ý thức đối với nghiên cứu - Người dự tuyển thể hiện động cơ rõ ràng, thái độ nghiêm túc, sự chín chắn, tự tin, quyết tâm cao, và nhận diện được những khó khăn khi theo đuổi dự định học tập và nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ: 6-9 điểm - Người dự tuyển có sự nhiệt tình hứng thú đối với dự định nghiên cứu, nhưng chưa thuyết phục về độ chín chắn và sự quyết tâm theo đuổi: 3-5 điểm - Người dự tuyển thể hiện thái độ chưa nghiêm túc, bộc lộ sự thiếu chín chắn, ít kiên trì khó theo đuổi đến cùng dự định nghiên cứu: 0-2 điểm			
Các phẩm chất khác theo đánh giá của người chấm Sự ham hiểu biết, tính sáng tạo, tính kỷ luật, trung thực, khả năng tổ chức sắp xếp công việc, tính kiên định...: 1-5 điểm			
TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ PHẦN TƯ CHẤT CỦA NHÀ NGHIÊN CỨU (G)			/20

II. TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ PHẦN TRÌNH BÀY CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN: F + G	/40
--	------------

TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CUỐI CÙNG: I + II	/100
---	-------------

Hà Nội, ngày tháng năm

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu B7. Biên bản tổng hợp kết quả đánh giá người dự tuyển

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ
NGƯỜI DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH NĂM ...**

Người dự tuyển NCS:

Chuyên ngành:

Người hướng dẫn (dự kiến):

Tên thành viên tiểu ban	Trách nhiệm	Điểm (/100)
1.	Trưởng tiểu ban	
2.	Ủy viên thư ký	
3.	Ủy viên	
Điểm đánh giá trung bình		

Ý kiến của tiểu ban về người hướng dẫn cho NCS:

Đồng ý với đề xuất của NCS ☐ Đề nghị điều chỉnh người hướng dẫn ☐

Lý do điều chỉnh (nếu có):

.....

Họ tên người dự kiến hướng dẫn khác (nếu có):

Ý kiến của tiểu ban về hướng nghiên cứu của NCS:

Đồng ý với đề xuất của NCS ☐ Đề nghị điều chỉnh hướng nghiên cứu ☐

Lý do điều chỉnh:

.....

Hướng nghiên cứu do tiểu ban đề xuất (nếu có):

.....

Ý kiến khác của tiểu ban (nếu có):

.....

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

Ủy viên
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ủy viên thư ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng tiểu ban
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu B8. Kết quả xét tuyển nghiên cứu sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH NĂM ...

STT	Họ tên, giới tính, ngày sinh, nơi sinh, chức vụ, cơ quan công tác	Bằng Đại học	Bằng Thạc sĩ	Trình độ ngoại ngữ	Điểm đánh giá							Kết quả tuyển chọn	Mã số, chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
					Văn bằng	Ngoại ngữ	Đề cương nghiên cứu	Công trình khoa học	Thư giới thiệu	Phòng vấn	Tổng điểm			

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu B9. Quyết định công nhận NCS

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Công nhận nghiên cứu sinh khóa ... năm ...

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHKTQD ngày ... của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... về việc giao chỉ tiêu đào tạo sau đại học năm ... của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận ... nghiên cứu sinh khóa ... năm ... của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, bao gồm những người có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Giao cho Viện Đào tạo Sau đại học phối hợp các Khoa/Viện chuyên ngành tổ chức đào tạo và quản lý nghiên cứu sinh khóa ...

Điều 3. Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học, Trưởng các Khoa/Viện chuyên ngành đào tạo nghiên cứu sinh khóa ..., các đơn vị có liên quan và nghiên cứu sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu ...

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH KHÓA ... NĂM ...

*(Kèm theo Quyết định số ... /QĐ-ĐHKTQD ngày ... tháng ... năm ...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)*

STT	Họ tên nghiên cứu sinh Ngày sinh, nơi sinh	Mã nghiên cứu sinh	Chuyên ngành đào tạo Mã số	Thời gian đào tạo
1				
2				
3				
4				
...				

Danh sách gồm ... người.

Mẫu C1. Văn bản đề nghị bộ môn sinh hoạt khoa học và người hướng dẫn cho NCS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

KHOA**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm***VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ BỘ MÔN SINH HOẠT KHOA HỌC VÀ NGƯỜI HƯỚNG DẪN
CHO NGHIÊN CỨU SINH KHÓA ...**

STT	Họ và tên NCS	Người hướng dẫn <i>(học hàm, học vị, họ tên, cơ quan công tác)</i>	Bộ môn sinh hoạt khoa học
1			
2			
3			
4			
...			

TRƯỞNG KHOA*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Mẫu C2. Văn bản đề xuất các học phần bổ sung cho NCS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ MÔN

Hà Nội, ngày tháng năm

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG
CHO NGHIÊN CỨU SINH KHÓA ...**

STT	Họ và tên NCS	Các học phần bổ sung ở trình độ thạc sĩ
1		
2		
3		
4		
...		

TRƯỞNG BỘ MÔN*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Mẫu C3. Quyết định công nhận người hướng dẫn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Công nhận người hướng dẫn cho nghiên cứu sinh khóa ...

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHKTQD ngày ... của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc công nhận nghiên cứu sinh khóa ... năm ...;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận người hướng dẫn cho nghiên cứu sinh có tên sau:

Nghiên cứu sinh:

Mã nghiên cứu sinh:

Chuyên ngành:

Mã chuyên ngành:

Người hướng dẫn:

Điều 2. Nghiên cứu sinh, người hướng dẫn phải thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 3. Viện Đào tạo Sau đại học, Khoa/Viện chuyên ngành, Bộ môn, các đơn vị có liên quan, người hướng dẫn và nghiên cứu sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu ...

HIỆU TRƯỞNG

Mẫu C4. Quyết định giao nhiệm vụ học tập các học phần bổ sung

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Giao nhiệm vụ học tập các học phần bổ sung cho nghiên cứu sinh khóa ...

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHKTQD ngày ... của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc công nhận nghiên cứu sinh khóa ... năm ...;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao nhiệm vụ học tập các học phần bổ sung đối với ... nghiên cứu sinh có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Viện Đào tạo Sau đại học phối hợp các Khoa/Viện chuyên ngành tổ chức các học phần bổ sung cho nghiên cứu sinh theo quy định hiện hành của Trường.

Điều 3. Viện Đào tạo Sau đại học, Khoa/Viện chuyên ngành, Bộ môn, các đơn vị có liên quan và nghiên cứu sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu ...

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

DANH SÁCH HỌC PHẦN BỔ SUNG CỦA NGHIÊN CỨU SINH KHÓA ...

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTQD ngày tháng năm
của Hiệu trưởng Đại học Kinh tế Quốc dân)*

STT	Họ tên, Mã nghiên cứu sinh	Chuyên ngành, Mã số	Các học phần bổ sung ở trình độ đại học và thạc sĩ
1.			
2.			
3.			

Danh sách gồm ... người.

Mẫu C5. Bản đề xuất nghiên cứu của nghiên cứu sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐỀ XUẤT NGHIÊN CỨU

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Chuyên ngành:

Cơ quan công tác:

Tên đề tài luận án (đề xuất):

Người hướng dẫn:

Cam kết của nghiên cứu sinh: *Tôi đã đọc và hiểu về các hành vi vi phạm sự trung thực trong học thuật. Tôi cam kết bằng danh dự cá nhân rằng bản đề xuất nghiên cứu này do tôi tự thực hiện và không vi phạm yêu cầu về sự trung thực trong học thuật.*

Người hướng dẫn
(ký và ghi rõ họ tên)

Nghiên cứu sinh
(ký và ghi rõ họ tên)

1. Lý do lựa chọn đề tài
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu
3. Mục tiêu nghiên cứu
4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu
5. Dự kiến các kết quả đạt được
6. Danh mục tài liệu tham khảo

Mẫu C6. Văn bản đề xuất tên đề tài luận án của nghiên cứu sinh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ MÔN

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

**VĂN BẢN ĐỀ XUẤT TÊN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN
CHO NGHIÊN CỨU SINH KHÓA ...**

STT	Họ và tên NCS	Người hướng dẫn 1 (Họ tên, cơ quan công tác)	Người hướng dẫn 2 (Họ tên, cơ quan công tác)	Tên đề tài luận án được đề xuất
1				
2				
3				
4				
...				

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu C7. Quyết định công nhận tên đề tài luận án

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Công nhận tên đề tài luận án cho nghiên cứu sinh khóa ...

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHKTQD ngày ... của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc công nhận nghiên cứu sinh khóa ... năm ...;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tên đề tài luận án cho nghiên cứu sinh có tên sau:

Nghiên cứu sinh:

Mã NCS:

Chuyên ngành:

Mã chuyên ngành:

Tên đề tài luận án:

Người hướng dẫn:

Điều 2. Trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ, nghiên cứu sinh và người hướng dẫn phải thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 3. Viện Đào tạo Sau đại học, Khoa/Viện chuyên ngành, Bộ môn, các đơn vị có liên quan, người hướng dẫn và nghiên cứu sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu ...

HIỆU TRƯỞNG

Mẫu C8. Đơn đăng ký học bổ sung kiến thức (hình thức học ghép)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20

ĐƠN ĐĂNG KÝ HỌC GHÉP

Kính gửi: - Viện Đào tạo Sau đại học
 - Khoa ...

Tên tôi là:.....Sinh ngày:

Là NCS, chuyên ngành

Điện thoại liên hệ:

Tôi làm đơn này xin đăng ký học phần: cùng lớp thạc sĩ

Tôi xin chấp hành mọi quy định của Trường và của Viện.

Người làm đơn

Ý KIẾN GIẢI QUYẾT CỦA VIỆN ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

Viện Đào tạo Sau đại học đồng ý cho nghiên cứu sinh học ghép cùng với lớp ...:

Xác nhận của cán bộ quản lý

Xác nhận của lãnh đạo Viện

XÁC NHẬN CỦA GIÁO VIÊN GIẢNG MÔN HỌC

.....

Giáo viên giảng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu C9. Đơn đăng ký học bổ sung kiến thức (hình thức lớp riêng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC LỚP HỌC RIÊNG

Kính gửi: Viện Đào tạo Sau đại học

Chúng tôi gồm:

STT	Mã học viên	Họ và tên	Ngày sinh	Điện thoại
1....				
2....				
3....				

Chúng tôi xin đăng ký học Học phần

Số tín chỉ: ...

Theo hình thức **Tổ chức học lớp riêng** (ngoài giờ hành chính).

Chúng tôi xin chấp hành mọi nội quy, quy chế của Trường và của Viện.

Hà Nội, ngày tháng năm 20

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận NCS học theo hình thức tổ chức học lớp riêng. Kinh phí như sau:

Số NCS	Số tín chỉ	Học phí	Tổng số

Định mức từng học viên:

STT	Mã học viên	Họ và tên	Học phí	Số biên lai
1....				
2....				
3....				

Xác nhận của lãnh đạo Viện
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cán bộ quản lý

Mẫu C10. Bìa tiểu luận tổng quan nghiên cứu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



TIỂU LUẬN TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

ĐỀ TÀI:

.....

Chuyên ngành:

Nghiên cứu sinh:

Người hướng dẫn:

HÀ NỘI – 20...

Mẫu C11. Phiếu chấm tiểu luận tổng quan nghiên cứu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20

PHIẾU CHẤM BÀI TIỂU LUẬN TỔNG QUAN
(trong bối cảnh đề tài nghiên cứu)

NCS:

Đề tài luận án:

Chuyên ngành:

Người chấm:

Thang điểm đánh giá:

Nội dung	Điểm tối đa	Điểm chấm
Tính thuyết phục của đề tài nghiên cứu	1.0	
Tổng quan nghiên cứu		
Tính toàn diện: NCS có tổng hợp được những nghiên cứu điển hình về lý thuyết và thực nghiệm, những nghiên cứu kinh điển và nghiên cứu mới nhất được tiến hành (và công bố) trong và ngoài nước liên quan đến đề tài?	2.0	
Tính phê phán: NCS có tổng hợp, so sánh, phân tích, và đánh giá những nghiên cứu trước một cách có hệ thống, chỉ rõ những kết quả đạt được cũng như hạn chế của các nghiên cứu trước?	2.0	
Tính phát triển: Trên cơ sở tổng hợp và phân tích những nghiên cứu trước, NCS có xác định được “khoảng trống” tri thức hoặc những câu hỏi nghiên cứu còn bỏ ngỏ để luận án tập trung giải quyết?	1.5	
Cách trình bày tài liệu tham khảo: Các công trình được nêu trong phần tổng quan nghiên cứu có được đưa vào danh mục tài liệu tham khảo? Mọi tài liệu trong danh mục này có được nêu trong nội dung tổng quan?	0.5	
Mục tiêu (câu hỏi) nghiên cứu có dựa trên “khoảng trống” đã được xác định ở phần tổng quan?	1.0	
Phương pháp nghiên cứu dự kiến NCS có chỉ ra khung lý thuyết (mô hình nghiên cứu)? NCS có xác định rõ biến số nghiên cứu, phương pháp thu thập dữ liệu? Phương pháp nghiên cứu có hợp lý và mang tính kế thừa từ các nghiên cứu trước?	1.0	
Đóng góp mới dự kiến Nghiên cứu có đem lại đóng góp mới về lý thuyết, phương pháp và ứng dụng thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý không? (So sánh với phần tổng quan nghiên cứu)	1.0	
Tổng	10.0	

Người chấm
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu C12. Bìa chuyên đề tiến sĩ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ SỞ ...

.....(TÊN CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ).....

Chuyên ngành:

Nghiên cứu sinh:

Người hướng dẫn:

HÀ NỘI – 20...

Mẫu C13. Văn bản đề nghị thành lập tiểu ban chấm chuyên đề tiến sĩ

C13

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

KHOA

BỘ MÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
THÀNH LẬP TIỂU BAN CHẤM CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Nghiên cứu sinh:

Mã NCS:

Chuyên ngành:

Mã số:

Đã hoàn thành các chuyên đề tiến sĩ:

Chuyên đề 1: ...

Chuyên đề 2: ...

Căn cứ các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo tiến sĩ, theo đề nghị của tập thể hướng dẫn và nghiên cứu sinh, Bộ môn ... kính đề nghị Hiệu trưởng cho phép thành lập tiểu ban chấm chuyên đề tiến sĩ cho nghiên cứu sinh ...

Dự kiến tiểu ban chấm chuyên đề gồm có:

STT	HỌC HÀM, HỌC VỊ, HỌ TÊN	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	TRÁCH NHIỆM
1			Trưởng tiểu ban
2			Ủy viên
3			Ủy viên

Hà Nội, ngày tháng năm 20

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu C14. Quyết định thành lập tiểu ban chấm chuyên đề tiến sĩ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Thành lập tiểu ban chấm chuyên đề tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHKTQD ngày ... của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc công nhận nghiên cứu sinh khóa ... năm ..., Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc công nhận đề tài luận án tiến sĩ;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập tiểu ban chấm các chuyên đề tiến sĩ cho:

Nghiên cứu sinh:

Mã NCS:

Người hướng dẫn:

Chuyên ngành:

Mã chuyên ngành:

(Tên các chuyên đề và Danh sách tiểu ban kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Tiểu ban chấm chuyên đề tổ chức đánh giá, chấm điểm các chuyên đề tiến sĩ của nghiên cứu sinh và được quyền chấm lại cho nghiên cứu sinh không đạt kết quả bảo vệ theo đúng quy định.

Điều 3. Viện Đào tạo Sau đại học, tiểu ban chấm chuyên đề, Khoa/Viện chuyên ngành, Bộ môn, các đơn vị có liên quan và nghiên cứu sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Điều 3
- Lưu ...

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH TIỂU BAN CHĂM CHUYỀN ĐỀ TIẾN SĨ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTQD ngày tháng năm 20
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

Nghiên cứu sinh:

Chuyên đề 1:

Chuyên đề 2:

Tiểu ban gồm có:

STT	HỌC HÀM, HỌC VỊ, HỌ TÊN	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	TRÁCH NHIỆM
1			Trưởng tiểu ban
2			Ủy viên
3			Ủy viên

(Danh sách có 3 thành viên)

Mẫu C15. Biên bản chấm chuyên đề tiến sĩ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ MÔN

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BIÊN BẢN
CHẤM CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ

Số: ...

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc thành lập Tiểu ban chấm chuyên đề tiến sĩ cho NCS ... (Mã NCS: ...), Bộ môn ... đã tổ chức cho NCS bảo vệ chuyên đề:

.....

Thảo luận đánh giá về chuyên đề của NCS trên các mặt sau:

STT	Nội dung	Đánh giá	Điểm
A. Nội dung			
1	Đặt vấn đề: làm rõ tính cấp thiết, lý do nghiên cứu của chủ đề lựa chọn, mục tiêu và/hoặc câu hỏi nghiên cứu của chuyên đề		
2	Tổng quan nghiên cứu: khái quát các nghiên cứu trước đây ở trong và ngoài nước có liên quan đến chủ đề lựa chọn của chuyên đề và chỉ ra được khoảng trống nghiên cứu		
3	Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu: Trình bày phương pháp sử dụng trong chuyên đề (phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu)		
4	Kết quả nghiên cứu: báo cáo các kết quả phân tích và bình luận của chuyên đề		
5	Kết luận và khuyến nghị: trình bày những kết luận căn bản về kết quả nghiên cứu của chuyên đề và các khuyến nghị nếu có		
B. Hình thức			
Kết luận và điểm tổng hợp			

Ủy viên
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ủy viên
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng Tiểu ban
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu C16. Đơn đề nghị gia hạn thời gian học tập, nghiên cứu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
GIA HẠN THỜI GIAN HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Tên tôi là:

Công tác tại:

Hiện đang là nghiên cứu sinh khóa ... của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân:

Chuyên ngành:

Mã số:

Tên đề tài luận án:

Người hướng dẫn:

Những công việc đã hoàn thành đến thời điểm xin gia hạn:

(...)

Lý do xin gia hạn: (...)

Những công việc sẽ hoàn thành và kế hoạch thực hiện: (...)

Thời gian xin gia hạn: tháng.

Vậy tôi làm đơn này kính đề nghị Trường Đại học Kinh tế Quốc dân cho phép tôi được gia hạn thời gian học tập, nghiên cứu. Tôi xin cố gắng hoàn thành bảo vệ luận án cấp trường trong thời gian gia hạn.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, ngày tháng năm

Ý kiến của Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ý kiến của NHD
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nghiên cứu sinh
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu C17. Quyết định cho phép nghiên cứu sinh gia hạn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Cho phép nghiên cứu sinh gia hạn

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHKTQD ngày ... của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc công nhận nghiên cứu sinh khóa ... năm ...;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học và Trưởng Khoa...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đồng ý cho nghiên cứu sinh có tên sau đây gia hạn thời gian nghiên cứu và bảo vệ luận án tiến sĩ:

Nghiên cứu sinh:

Mã NCS:

Chuyên ngành:

Thời gian gia hạn: ... tháng (từ ngày ... đến ngày ...)

Điều 2. Trong thời gian gia hạn, nghiên cứu sinh phải theo học tập trung tại Trường để hoàn thành chương trình đào tạo và phải đóng học phí gia hạn theo mức quy định của Trường.

Điều 3. Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua, Hiệu trưởng sẽ ký Quyết định dừng đào tạo đối với nghiên cứu sinh. Kết quả học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

Điều 4. Viện Đào tạo Sau đại học, Khoa/Viện chuyên ngành, Bộ môn, các đơn vị có liên quan và nghiên cứu sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu ...

HIỆU TRƯỞNG

Mẫu C18. Quyết định dừng đào tạo nghiên cứu sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Dừng đào tạo nghiên cứu sinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHKTQD ngày ... của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc công nhận nghiên cứu sinh khóa ... năm ...;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Dừng đào tạo nghiên cứu sinh có tên sau:

Nghiên cứu sinh:

Mã NCS:

Chuyên ngành:

Mã chuyên ngành:

Điều 2. Từ thời điểm ký Quyết định, nghiên cứu sinh không được hưởng các chế độ liên quan đến đào tạo tiến sĩ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Điều 3. Viện Đào tạo Sau đại học, Khoa/Viện chuyên ngành, Bộ môn, các đơn vị có liên quan và nghiên cứu sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu ...

HIỆU TRƯỞNG

Mẫu C19. Đơn đề nghị thay đổi tên đề tài luận án tiến sĩ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THAY ĐỔI TÊN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Mã NCS:

Chuyên ngành:

Mã số:

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc công nhận tên đề tài luận án, nghiên cứu sinh đã được giao tên đề tài nghiên cứu:

Tên đề tài luận án:

Người hướng dẫn:

Tuy nhiên, nghiên cứu sinh có nguyện vọng thay đổi tên đề tài luận án vì những lý do như sau:

(...)

Vì vậy, nghiên cứu sinh đề nghị Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đồng ý cho phép thay đổi tên đề tài luận án thành:

(...)

Xin trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, ngày tháng năm

TM. Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nghiên cứu sinh
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu C20. Quyết định cho phép nghiên cứu sinh thay đổi tên đề tài luận án

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Cho phép nghiên cứu sinh thay đổi tên đề tài luận án

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHKTQD ngày ... của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc công nhận nghiên cứu sinh khóa ... năm ..., Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc công nhận tên đề tài luận án tiến sĩ;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đồng ý cho nghiên cứu sinh ... (Mã NCS: ...) được thay đổi tên đề tài luận án tiến sĩ như sau:

Tên đề tài ban đầu:

Tên đề tài mới:

Điều 2. Việc thực hiện đề tài mới của nghiên cứu sinh vẫn phải thực hiện trong quỹ thời gian đào tạo đối với nghiên cứu sinh khóa ...

Điều 3. Viện Đào tạo Sau đại học, Khoa/Viện chuyên ngành, Bộ môn, các đơn vị có liên quan và nghiên cứu sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu ...

HIỆU TRƯỞNG

Mẫu C21. Văn bản đề nghị thay thế/bổ sung người hướng dẫn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
THAY THẾ/BỔ SUNG NGƯỜI HƯỚNG DẪN

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Nghiên cứu sinh:

Mã NCS:

Chuyên ngành:

Đã được công nhận người hướng dẫn theo Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân:

Người hướng dẫn:

Tên đề tài luận án:

Khoa ... đề nghị Nhà trường cho phép nghiên cứu sinh được thay thế/bổ sung người hướng dẫn như sau:

(...)

Lý do thay thế/bổ sung người hướng dẫn: ...

Hà Nội, ngày tháng năm 20

Ý KIẾN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN
CÓ LIÊN QUAN

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA

.....

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu C22. Quyết định thay đổi/bổ sung người hướng dẫn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Thay đổi/bổ sung người hướng dẫn cho nghiên cứu sinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHKTQD ngày ... của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc công nhận nghiên cứu sinh khóa ... năm ..., Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc công nhận người hướng dẫn cho nghiên cứu sinh;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay đổi/bổ sung người hướng dẫn cho cho NCS ...; Mã NCS: ..., như sau:

Người hướng dẫn ban đầu:

Người hướng dẫn thay thế/bổ sung:

Điều 2. Người hướng dẫn có trách nhiệm hướng dẫn nghiên cứu sinh tiếp tục nghiên cứu và thực hiện luận án theo kế hoạch đào tạo đã phê duyệt.

Điều 3. Viện Đào tạo Sau đại học, Khoa/Viện chuyên ngành, Bộ môn các đơn vị có liên quan, nghiên cứu sinh và người hướng dẫn có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu ...

HIỆU TRƯỞNG

Mẫu C23. Báo cáo tiến độ học tập, nghiên cứu 6 tháng/lần tại Bộ môn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
TIẾN ĐỘ HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU CỦA NGHIÊN CỨU SINH

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Mã NCS:

Chuyên ngành:

Mã số:

Đề tài luận án:

Người hướng dẫn:

Bộ môn sinh hoạt khoa học:

Thực hiện quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, nghiên cứu sinh xin báo cáo về quá trình học tập, nghiên cứu như sau:

1. Mức độ tham gia sinh hoạt khoa học tại Bộ môn: (Cần ghi rõ số lần tham dự các buổi sinh hoạt khoa học, số lần trình bày kết quả nghiên cứu trước Bộ môn, các hoạt động nghiên cứu của Bộ môn mà nghiên cứu sinh có tham gia)

2. Mức độ hoàn thành công việc học tập, nghiên cứu: (Cần ghi rõ các học phần đã tham gia theo quy định, các học phần còn thiếu, tiến độ nghiên cứu tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ, luận án tiến sĩ...)

3. Những kiến nghị về những khó khăn gặp phải trong học tập, nghiên cứu

4. Kế hoạch hoàn thành nhiệm vụ học tập và nghiên cứu

Người hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm
Nghiên cứu sinh
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu C24. Đơn đăng ký học của nghiên cứu sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ HỌC
(Năm học ... - ...)

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Mã NCS:

Chuyên ngành:

Người hướng dẫn:

Nghiên cứu sinh xin đăng ký học năm thứ ... tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân với các thông tin sau:

1. Tên đề tài luận án đang thực hiện (Cần ghi rõ tên đề tài đang thực hiện, khẳng định đề tài có thay đổi gì không, lý do thay đổi (nếu có))
2. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu: (Cần ghi rõ các học phần đã hoàn thành, tiến độ thực hiện nghiên cứu theo chương trình và kế hoạch đào tạo)
3. Kiến nghị về những khó khăn gặp phải trong học tập, nghiên cứu
4. Kế hoạch hoàn thành nhiệm vụ học tập và nghiên cứu

Hà Nội, ngày tháng năm

TM. Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nghiên cứu sinh
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu C25. Bảng điểm nghiên cứu sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BẢNG ĐIỂM NGHIÊN CỨU SINH

Họ tên NCS:

Mã NCS:

Ngày sinh:

Nơi sinh:

Khóa đào tạo:

Niên khóa:

Chuyên ngành:

Mã số:

STT	Học phần/Chuyên đề	Tín chỉ	Điểm	Ghi chú
I. Các học phần ở trình độ tiến sĩ				
1	...			
2	...			
II. Tiểu luận tổng quan				
II. Các chuyên đề tiến sĩ				
1	Chuyên đề 1:			
2	Chuyên đề 2:			
IV. Các học phần bổ sung				
1	...			
2	...			

HIỆU TRƯỞNG

SỐ:...../ĐHKQTĐ-BĐNCS

Mẫu C26. Đơn đề nghị chuyển cơ sở đào tạo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CHUYỂN CƠ SỞ ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Tôi là: ...

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, tôi đã được công nhận là nghiên cứu sinh khóa ... của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Mã NCS:

Chuyên ngành:

Mã số:

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, tôi đã được công nhận người hướng dẫn:

Người hướng dẫn:

Tên đề tài luận án đang thực hiện:

Vì lý do ..., tôi có nguyện vọng chuyển cơ sở đào tạo tiến sĩ từ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân tới

Tôi làm đơn này kính đề nghị Nhà trường xem xét và tạo điều kiện cho tôi tiếp tục nghiên cứu tại ...

Xin trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, ngày tháng năm

Ý kiến của Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ý kiến của Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ý kiến của NHD
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu C27. Quyết định tiếp nhận nghiên cứu sinh từ cơ sở đào tạo khác

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Tiếp nhận nghiên cứu sinh từ cơ sở đào tạo khác

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHKTQD ngày ... của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường ... về việc công nhận nghiên cứu sinh khóa ... năm ... của Trường ... và Công văn/Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường ... về việc cho phép nghiên cứu sinh ... chuyển cơ sở đào tạo;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đồng ý tiếp nhận Ông/Bà ... sinh ngày ... là nghiên cứu sinh khóa ... năm ... của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân:

Mã NCS:

Thời gian đào tạo:

Chuyên ngành:

Mã chuyên ngành:

Người hướng dẫn:

Điều 2. Nghiên cứu sinh được công nhận một số kết quả học tập tại Trường ... để thay thế cho các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, bao gồm ...

Điều 3. Giao cho Viện Đào tạo Sau đại học phối hợp Khoa/Viện ... tổ chức đào tạo và quản lý nghiên cứu sinh theo các quy định hiện hành về đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Điều 4. Viện Đào tạo Sau đại học, Khoa/Viện ..., các đơn vị có liên quan và nghiên cứu sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu ...

HIỆU TRƯỞNG

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



HỌ TÊN NGHIÊN CỨU SINH

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ**

HÀ NỘI — 201...

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



HỌ TÊN NGHIÊN CỨU SINH

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

CHUYÊN NGÀNH:

MÃ SỐ:

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ**

Người hướng dẫn khoa học:

1.

2.

HÀ NỘI — 201...

Mẫu D2. Bìa tóm tắt luận án tiến sĩ (Bìa 1)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

—————◆—————

HỌ TÊN NGHIÊN CỨU SINH

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

CHUYÊN NGÀNH:

MÃ SỐ:

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

HÀ NỘI — 201...

(Bìa 2)

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

Người hướng dẫn khoa học:

1.
2.

Phản biện:

- 1:
- 2:
- 3:

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án
cấp Trường Đại học Kinh tế Quốc dân**

Vào hồi: ngày tháng năm 201...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Đại học Kinh tế Quốc dân

(Bìa 3)

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU
CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Tên nghiên cứu sinh (20...), “Tên bài”, *Tên tạp chí*, số tạp chí, số trang
2. Tên nghiên cứu sinh (20...), “Tên bài”, *Tên tạp chí*, số tạp chí, số trang
3. Tên nghiên cứu sinh (20...), “Tên bài”, *Tên kỷ yếu hội thảo*, Nơi tổ chức hội thảo.
4. ...

Mẫu D3. Trang thông tin những đóng góp mới của luận án**NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN****Tên đề tài luận án:**

Chuyên ngành:

Mã số:

Nghiên cứu sinh:

Mã NCS:

Người hướng dẫn:

Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận

(...)

Những phát hiện, đề xuất mới rút ra được từ kết quả nghiên cứu của luận án

(...)

Người hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nghiên cứu sinh

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn: Mục đích của trang thông tin về những đóng góp mới của luận án là giúp cho những người *chưa đọc luận án tiến sĩ* có thể nắm bắt những giá trị cơ bản, tiêu biểu nhất của công trình nghiên cứu này.

Toàn bộ **Những đóng góp mới của luận án** viết trong 01 trang giấy A4, cỡ chữ 12pt, độ dẫn dòng 1.2pt, căn lề trên, dưới, phải: 2cm và lề trái: 3cm.

Phần nội dung của trang thông tin là những **kết luận mới** của luận án, thực sự là những điểm mới mà NCS đã đạt được và **được nêu trong kết quả của luận án** (có trong tóm tắt luận án và kết luận của luận án). Đó là những ý kiến, nhận định, luận điểm, kết quả cụ thể của **riêng** tác giả rút ra được sau khi hoàn thành đề tài luận án, trên cơ sở các số liệu nghiên cứu, những lập luận, những giả thuyết khoa học của đề tài đã được chứng minh.

Những ý kiến, nhận định, luận điểm, kết quả cụ thể này phải là mới, chưa được người nghiên cứu trước nêu ra. Không nêu lại những ý kiến, nhận định, luận điểm, kết quả có tính chất giáo khoa, kinh điển hoặc đã biết, lặp lại của người khác.

Những kết luận mới này cần nêu rất cụ thể, ngắn gọn, lượng hóa được và cần được diễn đạt một cách khách quan, khoa học, có thể chuyên sâu. Không dùng những cụm từ mang tính chất đánh giá chủ quan, ví dụ như “lần đầu tiên”, “đầy đủ nhất”, “sâu sắc nhất”, “phổ biến nhất”, “rất quan trọng”, hoặc những từ quá chung chung có thể đúng cho bất kỳ luận án nào.

Không tóm tắt lại những nội dung chính của luận án; không nêu lại những công việc mà tác giả đã tiến hành trong quá trình thực hiện đề tài dưới dạng mô tả như “đã xây dựng”, “đã hoàn thiện”, “đã nêu lên”, “đã nghiên cứu một cách có hệ thống” hay “đã tổng kết, hệ thống hóa”...

Sau các kết luận mới của luận án, tác giả có thể (1) đề cập đến các ứng dụng hoặc các khả năng ứng dụng trong thực tiễn của đề tài; (2) trình bày những khuyến cáo có thể có trong việc sử dụng kết quả nghiên cứu; (3) nêu lên những vấn đề còn bỏ ngỏ cần tiếp tục nghiên cứu.

Mẫu D4. Đơn đề nghị bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP CƠ SỞ

Kính gửi: - **Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân**
 - **Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học**

Tên tôi là:

Mã NCS:

Công tác tại:

Tôi được công nhận là nghiên cứu sinh khóa ... theo Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân; được công nhận người hướng dẫn theo Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Sau một thời gian học tập và thực hiện đề tài nghiên cứu, đến nay tôi đã hoàn thành luận án tiến sĩ với tên đề tài: (...)

Thuộc chuyên ngành:

Mã số chuyên ngành:

Tôi đã hoàn thành chương trình học tập theo quy định cho nghiên cứu sinh, đã báo cáo luận án tại buổi sinh hoạt khoa học của Bộ môn và được Hội đồng khoa học của Bộ môn thông qua.

Được sự đồng ý của người hướng dẫn, tôi làm đơn này đề nghị Nhà trường cho phép tôi được bảo vệ luận án trước Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở.

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, ngày tháng năm

Nghiên cứu sinh

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu D5. Lý lịch nghiên cứu sinh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH NGHIÊN CỨU SINH

Ảnh 3x4 có
dấu giáp lai

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Ngày sinh: _____ Nơi sinh: _____ Dân tộc: _____
 Nghề nghiệp/Chức vụ, đơn vị công tác: _____
 Địa chỉ liên lạc: _____
 Điện thoại CQ: _____ NR: _____ DD: _____
 Email: _____

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO:**1. Đại học:**

1.1 BẢNG 1: Hệ đào tạo: _____ Năm TN: _____ Nơi học: _____ Ngành học: _____	1.2. BẢNG 2: Hệ đào tạo: _____ Năm TN: _____ Nơi học: _____ Ngành học: _____
---	--

2. Thạc sĩ:

2.1 BẢNG 1: Năm TN: _____ Nơi học: _____ Ngành học: _____	2.2. BẢNG 2: Năm TN: _____ Nơi học: _____ Ngành học: _____
---	--

3. Các lớp sau đại học khác: (ghi vắn tắt)**4. Tiến sĩ (đang trong quá trình đào tạo):**

Hình thức đào tạo: _____
 Nơi đào tạo: _____
 Tên đề tài luận án: _____
 Người hướng dẫn: _____

5. Trình độ ngoại ngữ:

1.	Mức độ sử dụng: _____
2.	Mức độ sử dụng: _____

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC:

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

IV. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ:

- 1.
- 2.
- 3.

Ngày tháng năm 20

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ
(Ký tên, đóng dấu)

Người khai ký tên

Mẫu D6. Văn bản đồng ý của đồng tác giả**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 20***VĂN BẢN ĐỒNG Ý CỦA ĐỒNG TÁC GIẢ**

Tôi là

Công tác tại

Tôi đã viết chung bài báo

Cùng nghiên cứu sinh

Và đăng trên Tạp chí/Hội thảo

Tôi đồng ý để nghiên cứu sinh sử dụng bài báo là
 kết quả nghiên cứu của luận án tiến sĩ.....
 để đảm bảo điều kiện bảo vệ luận án tiến sĩ.

Đồng tác giả*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Mẫu D7. Bản nhận xét của người hướng dẫn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BẢN NHẬN XÉT CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN
VỀ QUÁ TRÌNH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU CỦA NGHIÊN CỨU SINH

Họ tên, học vị, học hàm của người hướng dẫn:

Đơn vị công tác:

Theo Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, tôi được giao nhiệm vụ hướng dẫn khoa học đối với:

Nghiên cứu sinh:

Chuyên ngành: Mã số:

Qua ... năm hướng dẫn NCS, tôi xin nhận xét về quá trình học tập, nghiên cứu của NCS trên các mặt sau:

1. Về tinh thần, thái độ học tập, nghiên cứu của NCS

(...)

2. Về kết quả học tập, nghiên cứu của NCS

(...)

3. Kết luận và đề nghị

Căn cứ các nhận xét nêu trên, NCS ... đủ điều kiện bảo vệ luận án tiến sĩ với tên đề tài:

.....

.....

Tôi xin đề nghị Khoa... và Trường Đại học Kinh tế Quốc dân cho phép NCS bảo vệ luận án.

Người hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu D8. Văn bản đề nghị thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ngành

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP CƠ SỞ

Kính gửi: - Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học

Nghiên cứu sinh:

Mã NCS:

Chuyên ngành:

Mã số:

Người hướng dẫn:

Sau thời gian học tập và nghiên cứu, nghiên cứu sinh đã đảm bảo quy định về sinh hoạt khoa học tại Khoa và Bộ môn, đã hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ và có đủ kết quả các học phần theo quy định, đã hoàn thành luận án với tên đề tài: (...)

Căn cứ kết quả đào tạo và đối chiếu với yêu cầu chất lượng luận án tiến sĩ, Khoa ... đề nghị Nhà trường cho phép nghiên cứu sinh bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở, với danh sách đề xuất 5 thành viên Hội đồng như sau:

STT	Học hàm, học vị, Họ tên	Cơ quan công tác	Trách nhiệm
1			Chủ tịch
2			Phản biện 1
3			Phản biện 2
4			Phản biện 3
5			Thư ký

Xin trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, ngày tháng năm 20.....

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu D9. Phiếu bàn giao hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở**HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP CƠ SỞ
(đối với NCS khóa 38 đợt 2 và NCS khóa 39)**

Ngày tháng năm 20..., NCS
 đã nộp hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở với các giấy tờ sau: *(đánh dấu ô tương ứng)*

STT	Đủ	Thiếu	Loại giấy tờ
1	☐	☐	Đơn đề nghị bảo vệ cấp cơ sở: 01 bản <i>(theo mẫu)</i>
2	☐	☐	Lý lịch khoa học: 02 bản gốc <i>(theo mẫu, có ảnh và dấu giáp lai)</i>
3	☐	☐	Bộ công trình khoa học, bao gồm ít nhất 2 bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước tính điểm công trình, trong đó có ít nhất 1 bài báo bằng tiếng Anh. Các bài báo này phải thể hiện nội dung của luận án và được công bố trong quá trình làm NCS.
4	☐	☐	Văn bản đồng ý của đồng tác giả đối với các công trình khoa học có đồng tác giả (nếu có)
5	☐	☐	Nhận xét của người hướng dẫn <i>(có chữ ký của cả 2 người hướng dẫn trong trường hợp NCS có 2 người hướng dẫn)</i>
6	☐	☐	Văn bản đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp cơ sở (kèm theo danh sách Hội đồng đánh giá cấp cơ sở) của Khoa và Bộ môn quản lý NCS <i>(có chữ ký của trưởng khoa và trưởng bộ môn)</i>
7	☐	☐	Bản in trang 1 Báo cáo kiểm tra độ trùng lặp của Turnitin <i>(có chữ ký của người hướng dẫn)</i>
8	☐	☐	Phiếu chi tiết thu nộp học phí (của Phòng Tài chính-Kế toán, ĐHKQTĐ)

Hẹn NCS sau ngày mang theo giấy biên nhận hồ sơ này đến nhận kết quả.

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ tên)

HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP CƠ SỞ
(đối với NCS khóa 40 trở đi)

Ngày tháng năm 20..., NCS
đã nộp hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở với các giấy tờ sau: (đánh dấu ô tương ứng)

STT	Đủ	Thiếu	Loại giấy tờ
1	☐	☐	Đơn đề nghị bảo vệ cấp cơ sở: 01 bản (theo mẫu)
2	☐	☐	Lý lịch khoa học: 02 bản gốc (theo mẫu, có ảnh và dấu giáp lai)
3	☐	☐	Bộ công trình khoa học, bao gồm - Ít nhất 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án (trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus) hoặc - Ít nhất 02 báo cáo bằng tiếng nước ngoài trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc - Ít nhất 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện Các bài báo này phải thể hiện nội dung của luận án và được công bố trong quá trình làm NCS.
4	☐	☐	Văn bản đồng ý của đồng tác giả đối với các công trình khoa học có đồng tác giả (nếu có)
5	☐	☐	Nhận xét của người hướng dẫn (có chữ ký của cả 2 người hướng dẫn trong trường hợp NCS có 2 người hướng dẫn)
6	☐	☐	Văn bản đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp cơ sở (kèm theo danh sách Hội đồng đánh giá cấp cơ sở) của Khoa và Bộ môn quản lý NCS (có chữ ký của trưởng khoa và trưởng bộ môn)
7	☐	☐	Bản in trang 1 Báo cáo kiểm tra độ trùng lặp của Turnitin (có chữ ký của người hướng dẫn)
8	☐	☐	Phiếu chi tiết thu nộp học phí (của Phòng Tài chính-Kế toán, ĐHKQTĐ)

Hẹn NCS sau ngày mang theo giấy biên nhận hồ sơ này đến nhận kết quả.

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu D10. Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHKTQD ngày ... của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc công nhận nghiên cứu sinh khóa ... năm ..., Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc công nhận người hướng dẫn cho nghiên cứu sinh khóa ...;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học và Trường Khoa...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở cho đề tài luận án:

(...)

Của nghiên cứu sinh:

Mã NCS:

Chuyên ngành:

Mã chuyên ngành:

Người hướng dẫn:

(Danh sách Hội đồng kèm theo Quyết định này.)

Điều 2. Ủy nhiệm cho Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học, Trường Khoa ... và Chủ tịch Hội đồng tổ chức đánh giá luận án nêu trên theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Viện Đào tạo Sau đại học, Khoa ..., các Ông/Bà có tên trong danh sách hội đồng, các đơn vị có liên quan và nghiên cứu sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu ...

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG
ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP CƠ SỞ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTQD ngày tháng năm
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

Cho luận án của nghiên cứu sinh:

Tên đề tài luận án:

STT	HỌC HÀM, HỌC VỊ HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	TRÁCH NHIỆM TRONG HỘI ĐỒNG
1			Chủ tịch
2			Phản biện 1
3			Phản biện 2
4			Phản biện 3
5			Ủy viên thư ký

(Danh sách gồm 5 thành viên.)

Mẫu D11. Bản nhận xét của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CẤP CƠ SỞ

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BẢN NHẬN XÉT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Nghiên cứu sinh:

Tên đề tài luận án:

Chuyên ngành: Mã số:

Học hàm, học vị, họ tên của người nhận xét:

Đơn vị công tác của người nhận xét:

Chức trách trong Hội đồng:

1. Nội dung của bản luận án tiến sĩ

1.1. Luận án có phù hợp với một nghiên cứu bậc tiến sĩ và có phù hợp với chuyên ngành không?

Nếu có, người nhận xét chỉ ra những đóng góp mới có ý nghĩa về học thuật, lý luận.

Nếu không, người nhận xét chỉ rõ những điểm không phù hợp.

1.2. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng có đảm bảo khoa học không?

Nếu có, người nhận xét tóm tắt những nét cơ bản trong phương pháp nghiên cứu đã được NCS sử dụng hợp lý

Nếu không, người nhận xét chỉ rõ những điểm không phù hợp, thiếu tin cậy.

1.3. Số liệu, kết quả nghiên cứu và kết luận của luận án có đáng tin cậy không?

Nếu có, người nhận xét chỉ khẳng định, không cần bình luận nhiều.

Nếu không, người nhận xét chỉ rõ những điểm không đáng tin cậy, thiếu chặt chẽ.

1.4. Nội dung luận án có phần nào trùng lặp với các công trình đã công bố ở trong và ngoài nước không? Trích dẫn tư liệu trong luận án và trong danh mục tài liệu tham khảo có rõ ràng, đầy đủ và trung thực không?

Nếu không, người nhận xét chỉ khẳng định, không cần bình luận nhiều.

Nếu có, người nhận xét chỉ rõ những điểm trùng lặp, thiếu chặt chẽ hoặc thiếu trung thực trong việc trích dẫn, sử dụng các thông tin, dữ liệu từ các công bố đã có trước đây.

2. Hình thức của bản luận án tiến sĩ

Người nhận xét nêu rõ kết cấu, văn phong, cách trình bày chương mục, bảng biểu, hình vẽ... và cách trích dẫn tài liệu tham khảo có đảm bảo quy định về hình thức của luận án tiến sĩ không.

3. Các công trình khoa học của nghiên cứu sinh đã công bố trong thời gian đào tạo

3.1. Các công trình này có gắn với kết quả nghiên cứu của luận án tiến sĩ không?

Nếu có, người nhận xét chỉ khẳng định, không cần bình luận nhiều.

Nếu không, người nhận xét chỉ rõ những điểm không phù hợp

3.2. Các công trình này có đảm bảo chất lượng và được đăng trên các tạp chí phù hợp không?

Nếu có, người nhận xét chỉ khẳng định, không cần bình luận nhiều.

Nếu không, người nhận xét chỉ rõ những điểm không đảm bảo, không phù hợp

4. Ý kiến đánh giá/nhận xét khác (nếu có)

.....
.....
.....

5. Những điểm cần sửa chữa, bổ sung

Đề nghị người nhận xét nêu rõ những vấn đề NCS cần sửa chữa, bổ sung hoặc luận giải để đủ điều kiện đưa luận án ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

.....
.....
.....
.....

6. Kết luận

Người nhận xét cần khẳng định luận án có đạt đầy đủ yêu cầu của một luận án tiến sĩ không, và luận án có xứng đáng được đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp trường không.

Người nhận xét
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu D12. Giấy mời tham gia Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHOA

Hà Nội, ngày tháng năm 20

Kính gửi:

Khoa Trường Đại học Kinh tế Quốc dân sẽ tổ chức bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở cho:

Nghiên cứu sinh:

Tên đề tài luận án:

Thuộc chuyên ngành:

Mã số:

Để đánh giá luận án một cách khách quan, chính xác, theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Khoa trân trọng kính mời tham gia Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở và nhận xét cho luận án của nghiên cứu sinh (*mẫu bản nhận xét gửi kèm theo*).

Lịch dự kiến tổ chức buổi họp Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở:

Thời gian:

Địa điểm:

Xin trân trọng cảm ơn.

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG KHOA

Thông tin liên hệ:

Trưởng Khoa

Phòng Nhà

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

207 Giải Phóng, Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT:

Mẫu D13. Phiếu đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CẤP CƠ SỞ

Hà Nội, ngày tháng năm 20

PHIẾU ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP CƠ SỞ

Học hàm, học vị, họ tên người nhận xét:

Cơ quan công tác:

Trách nhiệm trong Hội đồng:

Nghiên cứu sinh:

Tên đề tài luận án:

.....

Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ

- | | | | | |
|---|------------------------------------|------------------------------|--|------------------------------------|
| 1 | Nội dung luận án | ☐ Đạt | ☐ Cần sửa chữa, bổ sung | ☐ Không đạt |
| 2 | Hình thức luận án | ☐ Đạt | ☐ Cần sửa chữa, bổ sung | ☐ Không đạt |
| 3 | Các công trình khoa học đã công bố | ☐ Đạt | ☐ Cần sửa chữa, bổ sung | ☐ Không đạt |
| 4 | Trình độ của nghiên cứu sinh | ☐ Đạt | ☐ Cần sửa chữa, bổ sung | ☐ Không đạt |
- (đánh giá qua phần trình bày và trả lời câu hỏi)

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Luận án của nghiên cứu sinh đạt yêu cầu, đề nghị đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá cấp trường ☐

Luận án của nghiên cứu sinh có thể đề nghị đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá cấp trường sau khi bổ sung, sửa chữa theo các góp ý của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở ☐

Luận án của nghiên cứu sinh chưa đạt yêu cầu, cần bổ sung, sửa chữa và tiếp tục đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá cấp cơ sở ☐

Người nhận xét
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu D14. Biên bản buổi họp đánh giá luận án cấp cơ sở

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CẤP CƠ SỞ

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BIÊN BẢN
CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP CƠ SỞ
(BUỔI HỌP THỨ ...)

Nghiên cứu sinh:

Tên đề tài luận án:

Chuyên ngành: Mã số:

Quyết định thành lập Hội đồng: Ngày:

Thời gian:

Địa điểm:

I. DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ BUỔI HỌP HỘI ĐỒNG

Danh sách các thành viên của Hội đồng: *ghi rõ học hàm, học vị, họ tên và đơn vị công tác*

1	Chủ tịch
2	Phản biện 1
3	Phản biện 2
4	Phản biện 3
5	Thư ký

Thành viên Hội đồng vắng mặt (*ghi rõ họ tên*): (...)

Đại biểu tham dự: (...)

II. DIỄN BIẾN BUỔI HỌP HỘI ĐỒNG

1. Chủ tịch Hội đồng điều khiển buổi họp đánh giá luận án, công bố số lượng thành viên của Hội đồng và các điều kiện tiến hành đánh giá luận án cấp cơ sở.
2. NCS trình bày nội dung luận án
3. Các phản biện đọc bản nhận xét
4. Các thành viên Hội đồng và những người tham gia dự đặt câu hỏi, NCS trả lời (*ghi tóm tắt*)

.....
.....

.....

.....

.....

.....

5. Thư ký Hội đồng tổng hợp phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng
6. Các thành viên Hội đồng thảo luận để thông qua kết luận của Hội đồng
7. Chủ tịch Hội đồng công bố kết luận của Hội đồng.

III. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG

1. Tên luận án tiến sĩ (*tinh chỉnh tên luận án trước khi đưa ra bảo vệ cấp trường, nếu cần*)
2. Những kết quả mới của luận án

.....

.....

.....

3. Những hạn chế, thiếu sót của luận án

.....

.....

.....

4. Những nội dung NCS cần sửa chữa, bổ sung

.....

.....

.....

5. Đề nghị của Hội đồng: (*chọn 1 trong 3 kết luận sau*)

Luận án của NCS đạt yêu cầu, đề nghị đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá cấp trường ☐

Luận án của NCS có thể đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá cấp trường sau khi bổ sung, sửa chữa theo các góp ý của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở ☐

Luận án của NCS chưa đạt yêu cầu, cần bổ sung, sửa chữa và tiếp tục đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá cấp cơ sở ☐

Thư ký Hội đồng
(*ký và ghi rõ họ tên*)

Chủ tịch Hội đồng
(*ký và ghi rõ họ tên*)

Mẫu D15. Văn bản đề nghị cho NCS bảo vệ cấp trường

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**CHO NGHIÊN CỨU SINH BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG**

Kính gửi: - Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học

Nghiên cứu sinh:

Mã NCS:

Chuyên ngành:

Mã số:

Người hướng dẫn:

Căn cứ đề nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở, Khoa ... đề nghị Nhà trường cho phép nghiên cứu sinh bảo vệ luận án tiến sĩ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, với tên đề tài:

**Danh sách đề xuất các nhà khoa học có thể tham gia
Hội đồng đánh giá luận án cấp trường**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Cơ quan công tác	Điện thoại	Trách nhiệm
1				Chủ tịch
2				Phản biện 1
3				Phản biện 2
4				Phản biện 3
5				Thư ký
6				Ủy viên
7				Ủy viên
8				Ủy viên
9				Ủy viên
10				Ủy viên

(Gồm 10 thành viên)

Hà Nội, ngày tháng năm 20

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu D16. Phiếu bàn giao hồ sơ sau bảo vệ luận án cấp cơ sở**HỒ SƠ SAU BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP CƠ SỞ**

Ngày tháng năm 20...,
 đã bàn giao hồ sơ sau bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở của NCS
 với các giấy tờ sau: *(đánh dấu ô tương ứng)*

STT	Đủ	Thiếu	Loại giấy tờ
1	☐	☐	Biên bản buổi bảo vệ cấp cơ sở
2	☐	☐	5 bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng
3	☐	☐	Phiếu đánh giá luận án của các thành viên tham dự Hội đồng

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu D17. Báo cáo sửa chữa/bổ sung luận án theo kết luận của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 20

**BÁO CÁO SỬA CHỮA/BỔ SUNG LUẬN ÁN
THEO KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN CẤP CƠ SỞ**

Họ và tên NCS:

Mã NCS:

Chuyên ngành:

Mã số:

Người hướng dẫn:

Tên đề tài luận án:

Căn cứ kết luận sau buổi họp ngày ... của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở (được thành lập theo Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân), NCS đã bổ sung, sửa chữa luận án theo các nội dung như sau:

STT	Yêu cầu bổ sung, sửa chữa (theo kết luận của Hội đồng)	Nội dung NCS đã chỉnh sửa, bổ sung hoặc giải trình lý do nếu muốn bảo lưu ý kiến ban đầu	Thể hiện trong luận án (ghi rõ số dòng, số trang)

Chủ tịch Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thư ký Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nghiên cứu sinh
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu D18. Phiếu bàn giao hồ sơ gửi phản biện độc lập**HỒ SƠ GỬI PHẢN BIỆN ĐỘC LẬP**

Ngày tháng năm 20..., NCS
 đã nộp hồ sơ gửi phản biện độc lập với các giấy tờ sau: (đánh dấu ô tương ứng)

STT	Đủ	Thiếu	Loại giấy tờ
1	☐	☐	Văn bản của Khoa đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp trường
2	☐	☐	Báo cáo sửa chữa luận án (có chữ ký của NCS, người hướng dẫn, chủ tịch và thư ký Hội đồng cấp cơ sở)
3	☐	☐	Bộ công trình khoa học của tác giả: 2 quyển xóa tên tác giả và thông tin liên lạc (Photo trang bìa, trang mục lục và toàn bộ bài viết của mỗi công trình, đóng thành quyển và liệt kê danh mục tại trang bìa)
4	☐	☐	Luận án (bìa mềm): 2 quyển xóa tên tác giả và người hướng dẫn
5	☐	☐	Tóm tắt luận án: 3 quyển, trong đó có 2 quyển xóa tên tác giả và người hướng dẫn (và gửi bản mềm qua email)
6	☐	☐	Trang thông tin về những đóng góp mới của luận án: 2 bản xóa tên tác giả và người hướng dẫn (và gửi bản mềm qua email)
7	☐	☐	Bản in trang 1 Báo cáo kiểm tra độ trùng lặp của Turnitin có chữ ký của người hướng dẫn

Người nhận hồ sơ
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu D19. Giấy mời phản biện độc lập

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

GIẤY MỜI PHẢN BIỆN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân xin trân trọng kính mời là phản biện độc lập, cho luận án:

Tên đề tài:

Thuộc chuyên ngành: Mã số:

Với tư cách là phản biện độc lập, đề nghị cho ý kiến nhận xét trên các nội dung:

1. Nội dung luận án tiến sĩ
2. Hình thức của luận án tiến sĩ
3. Tóm tắt luận án tiến sĩ
4. Các công trình khoa học của nghiên cứu sinh đã công bố trong thời gian đào tạo
5. Trang thông tin những đóng góp mới của luận án
6. Ý kiến đánh giá/nhận xét khác (nếu có)
7. Những điểm cần sửa chữa, bổ sung
8. Kết luận: *Đề nghị phản biện độc lập cho ý kiến cụ thể theo một trong các phương án sau:*
 - 8.1 Toàn bộ luận án không đạt yêu cầu, không thể đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá cấp trường ☐
 - 8.2 NCS phải bổ sung, sửa đổi và gửi lại phản biện độc lập xem xét trước khi đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá cấp trường ☐
 - 8.3 NCS cân nhắc bổ sung, sửa đổi theo gợi ý của phản biện độc lập và được người hướng dẫn xem xét trước khi đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá cấp trường ☐
 - 8.4 Các góp ý, nhận xét của phản biện độc lập chỉ có tính tham khảo, NCS cân nhắc chỉnh sửa và đưa luận án ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp trường ☐

(Mẫu bản nhận xét gửi kèm Thư mời này).

Địa chỉ gửi bản nhận xét và giấy biên nhận kinh phí phản biện độc lập:

Thời hạn gửi: ngày tháng năm

Lưu ý:

- Nội dung bản nhận xét làm thành 02 bản: 01 bản có ký tên phản biện độc lập, 01 bản không ghi và không ký tên phản biện độc lập. **Không lấy dấu xác nhận của cơ quan.**
- Luận án, tóm tắt luận án, các bài báo công bố và trang thông tin đóng góp mới không cần gửi trả lại kèm theo bản nhận xét, trừ khi trên đó Phản biện độc lập có đánh dấu, ghi nhận xét nhằm gửi lại để NCS nghiên cứu, sửa chữa.

Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc xem xét, đánh giá chất lượng của luận án tiến sĩ và quyết định cho NCS bảo vệ luận án. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của Trường. Các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

Bởi vậy, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đề nghị phản biện độc lập hết sức giữ bí mật việc đọc và viết nhận xét luận án của mình, từ chối trao đổi hoặc tranh luận trực tiếp với những người liên quan đến luận án tiến sĩ đang được phản biện.

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác và đóng góp của cho công tác đào tạo tiến sĩ của Trường.

HIỆU TRƯỞNG

Mẫu D20. Bản nhận xét của phản biện độc lập

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BẢN NHẬN XÉT CỦA PHẢN BIỆN ĐỘC LẬP

Tên đề tài luận án:
.....

Thuộc chuyên ngành: Mã số:

1. Nội dung luận án tiến sĩ

1.1. Luận án có phù hợp với một nghiên cứu bậc tiến sĩ và có phù hợp với chuyên ngành không?

Nếu có, đề nghị người phản biện chỉ ra những đóng góp mới có ý nghĩa về học thuật, lý luận.

Nếu không, đề nghị người phản biện chỉ rõ những điểm không phù hợp.

1.2. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng có đảm bảo khoa học không?

Nếu có, đề nghị người phản biện tóm tắt những nét cơ bản trong phương pháp nghiên cứu đã được NCS sử dụng hợp lý

Nếu không, đề nghị người phản biện chỉ rõ những điểm không phù hợp, thiếu tin cậy.

1.3. Số liệu, kết quả nghiên cứu và kết luận của luận án có đáng tin cậy không?

Nếu có, đề nghị người phản biện khẳng định, không cần bình luận nhiều.

Nếu không, đề nghị người phản biện chỉ rõ những điểm không tin cậy, thiếu chặt chẽ.

1.4. Nội dung luận án có phần nào trùng lặp với các công trình đã công bố ở trong và ngoài nước không? Trích dẫn tư liệu trong luận án và trong danh mục tài liệu tham khảo có rõ ràng, đầy đủ và trung thực không?

Nếu không, đề nghị người phản biện khẳng định, không cần bình luận nhiều.

Nếu có, đề nghị người phản biện chỉ rõ những điểm trùng lặp, thiếu chặt chẽ hoặc thiếu trung thực trong việc trích dẫn, sử dụng các thông tin, dữ liệu từ các công bố đã có trước đây.

2. Hình thức của bản luận án tiến sĩ

Người nhận xét nêu rõ kết cấu, văn phong, cách trình bày chương mục, bảng biểu, hình vẽ... và cách trích dẫn tài liệu tham khảo có đảm bảo quy định về hình thức của luận án tiến sĩ không.

3. Tóm tắt luận án tiến sĩ

Bản tóm tắt có phản ánh trung thực bố cục và các nội dung cơ bản của luận án không?

Nếu có, đề nghị người phản biện khẳng định, không cần bình luận nhiều.

Nếu không, đề nghị người phản biện chỉ rõ những điểm không phù hợp

4. Các công trình khoa học của nghiên cứu sinh đã công bố trong thời gian đào tạo

4.1. Các công trình này có gắn với kết quả nghiên cứu của luận án tiến sĩ không?

Nếu có, đề nghị người phản biện khẳng định, không cần bình luận nhiều.

Nếu không, đề nghị người phản biện chỉ rõ những điểm không phù hợp

4.2. Các công trình này có đảm bảo chất lượng và được đăng trên các tạp chí phù hợp không?

Nếu có, đề nghị người phản biện khẳng định, không cần bình luận nhiều.

Nếu không, đề nghị người phản biện chỉ rõ những điểm không đảm bảo, không phù hợp

5. Trang thông tin những đóng góp mới của luận án

Trang thông tin có nêu rõ những luận điểm, nhận định, kết luận mới riêng có của luận án mà chưa được các nghiên cứu trước công bố không?

Nếu có, đề nghị người phản biện khẳng định, không cần bình luận nhiều.

Nếu không, đề nghị người phản biện chỉ rõ những điểm không mới, trùng lặp với các nghiên cứu khác.

6. Ý kiến đánh giá/nhận xét khác

.....

.....

.....

7. Những điểm cần sửa chữa, bổ sung:

Đề nghị người phản biện nêu rõ những vấn đề NCS cần sửa chữa, bổ sung hoặc luận giải về những thiếu sót liên quan đến nội dung và hình thức của luận án, tóm tắt và trang thông tin những đóng góp mới của luận án.

.....

.....

.....

8. Kết luận: Đề nghị phản biện độc lập cho ý kiến cụ thể theo một trong các phương án sau:

- 8.1 Toàn bộ luận án không đạt yêu cầu, không thể đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá cấp trường ☐
- 8.2 NCS phải bổ sung, sửa đổi và gửi lại phản biện độc lập xem xét trước khi đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá cấp trường ☐
- 8.3 NCS cân nhắc bổ sung, sửa đổi theo gợi ý của phản biện độc lập và được người hướng dẫn xem xét trước khi đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá cấp trường ☐
- 8.4 Các góp ý, nhận xét của phản biện độc lập chỉ có tính tham khảo, NCS cân nhắc chỉnh sửa và đưa luận án ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp trường ☐

Người phản biện
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu D24. Đơn đề nghị bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG

Kính gửi: - Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học

Tên tôi là:

Mã NCS:

Công tác tại:

Tôi được công nhận là nghiên cứu sinh khóa ... theo Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, niên khóa

Sau một thời gian học tập và thực hiện đề tài nghiên cứu, đến nay tôi đã hoàn thành luận án tiến sĩ với tên đề tài: (...)

Thuộc chuyên ngành:

Mã số chuyên ngành:

Tôi đã hoàn thành chương trình học tập theo quy định cho nghiên cứu sinh, luận án tiến sĩ đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở và các phản biện độc lập thông qua.

Vì vậy, tôi làm đơn này đề nghị Trường Đại học Kinh tế Quốc dân cho phép tôi được bảo vệ luận án tiến sĩ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, ngày tháng năm

Nghiên cứu sinh

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu D25. Báo cáo sửa chữa/bổ sung luận án theo góp ý của phản biện độc lập

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20

**BÁO CÁO SỬA CHỮA/BỔ SUNG LUẬN ÁN
THEO GÓP Ý CỦA PHẢN BIỆN ĐỘC LẬP**

Họ và tên NCS:

Mã NCS:

Chuyên ngành:

Mã số:

Người hướng dẫn:

Tên đề tài luận án:

Căn cứ nhận xét và góp ý của các phản biện độc lập, NCS đã bổ sung, sửa chữa luận án theo các nội dung như sau:

STT	Yêu cầu bổ sung, sửa chữa của phản biện độc lập	Nội dung NCS đã chỉnh sửa, bổ sung hoặc giải trình lý do nếu muốn bảo lưu ý kiến ban đầu	Thể hiện trong luận án (ghi rõ số dòng, số trang)

Người hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nghiên cứu sinh
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu D26. Phiếu bàn giao hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường**HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG**

Ngày tháng năm 20..., NCS đã nộp hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường với các giấy tờ sau: (đánh dấu ô tương ứng)

STT	Đủ	Thiếu	Loại giấy tờ
1	☐	☐	Đơn xin bảo vệ luận án cấp trường
2	☐	☐	Quyển tóm tắt luận án tiến sĩ
3	☐	☐	Trang thông tin về những đóng góp mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có chữ ký của NCS và người hướng dẫn
4	☐	☐	Báo cáo sửa chữa luận án theo góp ý của phản biện độc lập, có chữ ký của NCS và người hướng dẫn
5	☐	☐	Bản in trang 1 Báo cáo kiểm tra độ trùng lặp của Turnitin có chữ ký của người hướng dẫn
6	☐	☐	Hồ sơ để đưa lên mạng (gửi bản mềm qua địa chỉ email ...) 1. Toàn văn luận án (đủ các nội dung từ trang bìa, cam kết của tác giả, mục lục... đến phụ lục) 2. Tóm tắt luận án (24 trang) bằng tiếng Việt và tiếng Anh 3. Trang thông tin về những đóng góp mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh

Hẹn NCS sau ngày mang theo giấy biên nhận hồ sơ này đến nhận kết quả.

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu D27. Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHKTQD ngày ... của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc công nhận nghiên cứu sinh khóa ... năm ..., Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc công nhận người hướng dẫn cho nghiên cứu sinh khóa ...;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ kinh tế cấp trường cho đề tài:

(...)

Của nghiên cứu sinh:

Mã NCS:

Người hướng dẫn:

Chuyên ngành:

Mã chuyên ngành:

(Danh sách Hội đồng kèm theo Quyết định này.)

Điều 2. Ủy nhiệm cho Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học và Chủ tịch Hội đồng tổ chức bảo vệ luận án nêu trên theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Viện Đào tạo Sau đại học, các Ông/Bà có tên trong danh sách hội đồng, các đơn vị có liên quan và nghiên cứu có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu ...

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG

ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG

Cho luận án của nghiên cứu sinh:

Tên đề tài luận án:

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTQD ngày tháng năm
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

STT	HỌC HÀM, HỌC VỊ HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	TRÁCH NHIỆM TRONG HỘI ĐỒNG
1			Chủ tịch
2			Phản biện 1
3			Phản biện 2
4			Phản biện 3
5			Ủy viên thư ký
6			Ủy viên hội đồng
7			Ủy viên hội đồng

(Danh sách gồm 7 thành viên)

Mẫu D28. Giấy mời tham gia Hội đồng đánh giá cấp trường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20

Kính gửi:

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân sẽ tổ chức bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường cho:

Nghiên cứu sinh:

Mã NCS:

Tên đề tài luận án:

Thuộc chuyên ngành:

Mã số:

Để đánh giá luận án một cách khách quan, chính xác, theo đúng Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân trân trọng kính mời tham gia Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường và nhận xét cho luận án của nghiên cứu sinh (*mẫu bản nhận xét gửi kèm theo*).

Ý kiến nhận xét xin gửi theo địa chỉ:

Viện Đào tạo Sau đại học, Phòng ... Tầng ... Nhà ..., Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, 207 Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

(hoặc qua email ... trong trường hợp chắc chắn tham gia buổi họp Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường).

Thời hạn gửi bản nhận xét: ...

Lịch dự kiến tổ chức buổi họp Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường: ...

Xin trân trọng cảm ơn.

Thông tin liên hệ:

.....

Phòng Nhà
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
207 Giải Phóng, Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT:

Email:

TL. HIỆU TRƯỞNG
VIỆN TRƯỞNG VIỆN ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

Mẫu D29. Bản nhận xét của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CẤP TRƯỜNG

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BẢN NHẬN XÉT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Nghiên cứu sinh:

Tên đề tài luận án:

Chuyên ngành: Mã số:

Họ tên, học vị, học hàm của người nhận xét:

Đơn vị công tác của người nhận xét:

Chức trách trong Hội đồng:

1. Nội dung của bản luận án tiến sĩ

1.1. Luận án có phù hợp với một nghiên cứu bậc tiến sĩ và có phù hợp với chuyên ngành không?

Nếu có, người nhận xét chỉ ra những đóng góp mới có ý nghĩa về học thuật, lý luận.

Nếu không, người nhận xét chỉ rõ những điểm không phù hợp.

1.2. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng có đảm bảo khoa học không?

Nếu có, người nhận xét tóm tắt những nét cơ bản trong phương pháp nghiên cứu đã được NCS sử dụng hợp lý

Nếu không, người nhận xét chỉ rõ những điểm không phù hợp, thiếu tin cậy.

1.3. Số liệu, kết quả nghiên cứu và kết luận của luận án có đáng tin cậy không?

Nếu có, người nhận xét chỉ khẳng định, không cần bình luận nhiều.

Nếu không, người nhận xét chỉ rõ những điểm không đáng tin cậy, thiếu chặt chẽ.

1.4. Nội dung luận án có phần nào trùng lặp với các công trình đã công bố ở trong và ngoài nước không? Trích dẫn tư liệu trong luận án và trong danh mục tài liệu tham khảo có rõ ràng, đầy đủ và trung thực không?

Nếu không, người nhận xét chỉ khẳng định, không cần bình luận nhiều.

Nếu có, người nhận xét chỉ rõ những điểm trùng lặp, thiếu chặt chẽ hoặc thiếu trung thực trong việc trích dẫn, sử dụng các thông tin, dữ liệu từ các công bố đã có trước đây.

2. Hình thức của bản luận án tiến sĩ

Người nhận xét nêu rõ kết cấu, văn phong, cách trình bày chương mục, bảng biểu, hình vẽ... và cách trích dẫn tài liệu tham khảo có đảm bảo quy định về hình thức của luận án tiến sĩ không.

3. Tóm tắt luận án tiến sĩ

Bản tóm tắt có phản ánh trung thực bố cục và các nội dung cơ bản của luận án không?

Nếu có, đề nghị người nhận xét khẳng định, không cần bình luận nhiều.

Nếu không, đề nghị người nhận xét chỉ rõ những điểm không phù hợp

4. Các công trình khoa học của nghiên cứu sinh đã công bố trong thời gian đào tạo

(Đối với các thành viên chịu trách nhiệm phản biện trong Hội đồng)

4.1. Các công trình này có gắn với kết quả nghiên cứu của luận án tiến sĩ không?

Nếu có, người nhận xét chỉ khẳng định, không cần bình luận nhiều.

Nếu không, người nhận xét chỉ rõ những điểm không phù hợp

4.2. Các công trình này có đảm bảo chất lượng và được đăng trên các tạp chí phù hợp không?

Nếu có, người nhận xét chỉ khẳng định, không cần bình luận nhiều.

Nếu không, người nhận xét chỉ rõ những điểm không đảm bảo, không phù hợp

5. Trang thông tin những đóng góp mới của luận án

Trang thông tin có nêu rõ những luận điểm, nhận định, kết luận mới riêng có của luận án mà chưa được các nghiên cứu trước công bố không?

Nếu có, đề nghị người nhận xét khẳng định, không cần bình luận nhiều.

Nếu không, đề nghị người nhận xét chỉ rõ những điểm không mới, trùng lặp với các nghiên cứu khác.

6. Ý kiến đánh giá/nhận xét khác (nếu có)

.....
.....
.....

7. Những điểm cần sửa chữa, bổ sung

Đề nghị người nhận xét nêu rõ những vấn đề NCS cần sửa chữa, bổ sung hoặc luận giải trong luận án tiến sĩ để đủ điều kiện công nhận học vị tiến sĩ.

.....
.....
.....
.....

8. Kết luận

Người nhận xét cần khẳng định luận án có đạt đầy đủ yêu cầu của một luận án tiến sĩ không và NCS có xứng đáng nhận học vị tiến sĩ không.

Người nhận xét
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu D30. Phiếu đăng ký thời gian bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THỜI GIAN TỔ CHỨC
HỌP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG**

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường, Hội đồng đề nghị tổ chức họp theo lịch sau:

Thời gian:

Địa điểm:

Để đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường cho:

Nghiên cứu sinh:

Tên đề tài luận án:

Người hướng dẫn:

Thuộc chuyên ngành:

Mã số:

Chủ tịch Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thư ký Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu D31. Biên bản họp Ban kiểm phiếu của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CẤP TRƯỜNG**

Hà Nội, ngày tháng năm 20

**BIÊN BẢN HỌP BAN KIỂM PHIẾU
CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG**

Căn cứ Quyết định ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ gồm 7 thành viên.

Hội đồng họp vào hồi: giờ tại Trường Đại học kinh tế Quốc dân.

Để đánh giá luận án tiến sĩ cho nghiên cứu sinh:

Tên đề tài luận án:

Chuyên ngành:

Mã số:

Số thành viên có mặt trong phiên họp đánh giá luận án là người, trong đó số người phản biện luận án là người.

Hội đồng đã bầu Ban kiểm phiếu bao gồm:

1. Trưởng ban:
2. Ủy viên:
3. Ủy viên:

- Số phiếu đã phát cho các thành viên:
- Số phiếu còn lại không dùng:

Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án như sau:

- Số phiếu hợp lệ:
- Số phiếu không hợp lệ:
- Số phiếu tán thành:
- Số phiếu không tán thành:

Các ủy viên Ban kiểm phiếu
(ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng Ban kiểm phiếu
(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu D32. Danh sách ký dự họp Hội đồng đánh giá luận án cấp trường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Hà Nội, ngày tháng năm 20

DANH SÁCH**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG**

*(Theo Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ số ... ngày ... của
Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)*

Đánh giá luận án của nghiên cứu sinh:

Tên đề tài:

Chuyên ngành:

Mã số:

Người hướng dẫn:

Hội đồng họp vào hồi: ngày tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

STT	HỌC HÀM, HỌC VỊ HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	TRÁCH NHIỆM	CHỮ KÝ
1			Chủ tịch	
2			Phản biện 1	
3			Phản biện 2	
4			Phản biện 3	
5			Ủy viên thư ký	
6			Ủy viên hội đồng	
7			Ủy viên hội đồng	

Mẫu D33. Phiếu đánh giá luận án (dùng cho buổi bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường)**PHIẾU ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG**

Họ tên nghiên cứu sinh:

Tên đề tài luận án:

Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường:

Ngày họp Hội đồng:

Người đánh giá:

Trách nhiệm trong Hội đồng:

Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ

(Đánh dấu X vào ô trống tương ứng)

TÁN THÀNH ☐

KHÔNG TÁN THÀNH ☐

Mẫu D34. Biên bản của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CẤP TRƯỜNG

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BIÊN BẢN
CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG

Nghiên cứu sinh:

Tên đề tài luận án:

Chuyên ngành: Mã số:

Quyết định thành lập Hội đồng: Ngày:

Thời gian:

Địa điểm:

I. DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ BUỔI HỌP HỘI ĐỒNG

Danh sách các thành viên của Hội đồng: *ghi rõ học hàm, học vị, họ tên và đơn vị công tác*

1	Chủ tịch
2	Phản biện 1
3	Phản biện 2
4	Phản biện 3
5	Ủy viên thư ký
6	Ủy viên Hội đồng
7	Ủy viên Hội đồng

Thành viên Hội đồng vắng mặt (*ghi rõ họ tên*): (...)

Đại biểu tham dự: (...)

II. DIỄN BIẾN BUỔI HỌP HỘI ĐỒNG

- Đại diện Trường (*ghi rõ họ tên*) tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường
- Chủ tịch Hội đồng công bố danh sách thành viên có mặt, khẳng định các điều kiện chuẩn bị cho buổi bảo vệ và công bố chương trình làm việc.
- Thư ký Hội đồng tóm tắt lý lịch khoa học của NCS và kết quả học tập, khẳng định các điều kiện cần thiết để NCS được bảo vệ luận án cấp trường.

4. Các thành viên Hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi hoặc ý kiến thắc mắc (nếu có) về lý lịch khoa học và quá trình đào tạo của NCS.

.....

.....

.....

5. Tác giả luận án trình bày tóm tắt nội dung luận án trong thời gian.

6. Các phản biện đọc bản nhận xét và nêu câu hỏi. Tác giả luận án trả lời các câu hỏi và các ý kiến không đồng tình của phản biện.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

7. Hội đồng và những người tham gia nêu thêm câu hỏi để kiểm tra kiến thức và trình độ của NCS. Tác giả luận án trả lời các câu hỏi nêu ra

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

8. Đại diện tập thể hướng dẫn phát biểu ý kiến

.....

.....

.....

9. Hội đồng họp riêng để bầu ban kiểm phiếu, tiến hành bỏ phiếu, kiểm phiếu và ký danh sách các thành viên có mặt tại buổi họp.

10. Hội đồng tổng hợp ý kiến và đưa ra quyết nghị

11. Trưởng ban kiểm phiếu công bố biên bản kiểm phiếu, với kết quả như sau:

Số phiếu đã phát:		Số phiếu còn lại không dùng:	
Số phiếu hợp lệ:		Số phiếu không hợp lệ:	
Số phiếu tán thành:		Số phiếu không tán thành:	

12. Chủ tịch Hội đồng đọc quyết nghị của Hội đồng

** Những đóng góp mới của luận án*

.....

.....

.....

** Những hạn chế, thiếu sót của luận án (về nội dung và hình thức)*

.....

.....

.....

** Tính trung thực của kết quả nghiên cứu*

.....

.....

.....

** Kết luận và kiến nghị của Hội đồng*

Hội đồng thông qua luận án tiến sĩ, đề nghị Hiệu trưởng công nhận học vị tiến sĩ cho ☐
nghiên cứu sinh

Hội đồng không thông qua luận án, yêu cầu NCS cần bổ sung, sửa chữa để đưa ra bảo ☐
vệ lần thứ hai

** Những điểm NCS cần chỉnh sửa, bổ sung (trước khi gửi luận án cho Thư viện, hoặc trước
khi đưa ra bảo vệ luận án lần thứ hai)*

.....

.....

.....

13. Đại biểu phát biểu ý kiến (nếu có)

.....

.....

.....

14. NCS phát biểu ý kiến

.....

.....

.....

15. Chủ tịch Hội đồng tuyên bố kết thúc buổi bảo vệ luận án tiến sĩ.

Thư ký Hội đồng
(ký và ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu D35. Phiếu bàn giao hồ sơ sau bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường**HỒ SƠ SAU BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG**

Ngày tháng năm 20..., Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường của NCS đã bàn giao hồ sơ sau bảo vệ với các giấy tờ sau: *(đánh dấu ô tương ứng)*

STT	Đủ	Thiếu	Loại giấy tờ
1	☐	☐	Biên bản buổi bảo vệ luận án (bao gồm nghị quyết của Hội đồng)
2	☐	☐	Biên bản kiểm phiếu
3	☐	☐	Các phiếu đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường
4	☐	☐	Danh sách Hội đồng có chữ ký của các thành viên tham dự buổi bảo vệ
5	☐	☐	... bản nhận xét có chữ ký của thành viên Hội đồng được gửi bổ sung trong trường hợp mới gửi email bản nhận xét cho Viện ĐTSĐH

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu D36. Quyết định thay đổi thành viên Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Điều chỉnh thành viên Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHKTQD ngày ... của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc công nhận nghiên cứu sinh khóa ... năm ...;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường cho NCS ...;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh thành viên Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường cho NCS ...; Mã NCS ..., như sau:

(...)

Điều 2. Các thời hạn liên quan đến hoạt động của Hội đồng và việc tổ chức bảo vệ luận án cho NCS ... được tính kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Viện Đào tạo Sau đại học, Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ được thành lập theo Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, các đơn vị có liên quan, các Ông/Bà và nghiên cứu sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu ...

HIỆU TRƯỞNG

Mẫu D37. Đề nghị thành lập lại Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THÀNH LẬP LẠI HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG

Kính gửi: - Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học

Tên tôi là:

Mã NCS:

Công tác tại:

Tôi được công nhận là nghiên cứu sinh khóa ... theo Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, niên khóa

Tên đề tài luận án:

Thuộc chuyên ngành:

Mã số chuyên ngành:

Tôi đã được thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường theo Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Tuy nhiên, quá thời hạn 3 tháng kể từ ngày ký Quyết định, tôi chưa thể bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường vì các lý do như sau:

(...)

Đến nay, tôi cam kết các kết quả nghiên cứu của luận án vẫn đảm bảo giá trị khoa học, đồng thời tôi đã đảm bảo các điều kiện khác để được bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường.

Bởi vậy, tôi kính đề nghị Nhà trường cho phép tiếp tục bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, ngày tháng năm

Ý kiến của Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ý kiến của Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ý kiến của NHD
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nghiên cứu sinh
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu D38. Quyết định thành lập lại Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Thành lập lại Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHKTQD ngày ... của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc công nhận nghiên cứu sinh khóa ... năm ...;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường cho NCS ...;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập lại Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường cho đề tài luận án:

(...)

Của nghiên cứu sinh:

Mã NCS:

Người hướng dẫn:

Chuyên ngành:

Mã chuyên ngành:

(Danh sách Hội đồng kèm theo Quyết định này.)

Điều 2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường.

Điều 3. Viện Đào tạo Sau đại học, các Ông/Bà có tên trong danh sách hội đồng, các đơn vị có liên quan và nghiên cứu sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu ...

HIỆU TRƯỞNG

Mẫu D39. Đề nghị bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường lần thứ hai

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP TRƯỜNG LẦN THỨ HAI

Kính gửi: - Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học

Tên tôi là:

Mã NCS:

Công tác tại:

Tôi được công nhận là nghiên cứu sinh khóa ... theo Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, niên khóa

Tên đề tài luận án:

Thuộc chuyên ngành:

Mã số chuyên ngành:

Tôi đã bảo vệ luận án tiến sĩ vào ngày ... trước Hội đồng đánh giá luận án cấp trường được thành lập theo Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Tuy nhiên, Hội đồng không thông qua luận án và yêu cầu bổ sung, sửa chữa để đưa ra bảo vệ lần thứ hai

Đến nay, tôi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án theo kết luận của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường. Tôi kính đề nghị Nhà trường cho phép bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường lần thứ hai.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, ngày tháng năm

Ý kiến của Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ý kiến của Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ý kiến của NHD
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nghiên cứu sinh
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu D40. Báo cáo sửa chữa/bổ sung luận án theo kết luận của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 20

**BÁO CÁO SỬA CHỮA/BỔ SUNG LUẬN ÁN
THEO KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN CẤP TRƯỜNG**

Họ và tên NCS:

Mã NCS:

Chuyên ngành:

Mã số:

Người hướng dẫn:

Tên đề tài luận án:

Căn cứ quyết nghị tại buổi họp ngày ... của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường (được thành lập theo Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân), NCS đã bổ sung, sửa chữa luận án theo các nội dung như sau:

STT	Yêu cầu bổ sung, sửa chữa (theo quyết nghị của Hội đồng)	Nội dung NCS đã chỉnh sửa, bổ sung hoặc giải trình lý do nếu muốn bảo lưu ý kiến ban đầu	Thể hiện trong luận án (ghi rõ số dòng, số trang)

Chủ tịch HĐ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thư ký HĐ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nghiên cứu sinh
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu D41. Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường lần thứ hai

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường lần thứ hai

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHKTQD ngày ... của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc công nhận nghiên cứu sinh khóa ... năm ...;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường cho NCS ...;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường lần thứ hai cho đề tài luận án:

(...)

Của nghiên cứu sinh:

Mã NCS:

Người hướng dẫn:

Chuyên ngành:

Mã chuyên ngành:

(Danh sách Hội đồng kèm theo Quyết định này.)

Điều 2. Ủy nhiệm cho Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học và Chủ tịch Hội đồng tổ chức bảo vệ luận án nêu trên theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Viện Đào tạo Sau đại học, các Ông/Bà có tên trong danh sách hội đồng, các đơn vị có liên quan và nghiên cứu sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu ...

HIỆU TRƯỞNG

Mẫu D42. Phiếu bàn giao hồ sơ đề nghị cấp bằng tiến sĩ**HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP BẰNG TIẾN SĨ**

Ngày tháng năm 20..., NCS

đã nộp hồ sơ đề nghị cấp bằng tiến sĩ với các giấy tờ sau: *(đánh dấu ô tương ứng)*

STT	Đủ	Thiếu	Loại giấy tờ
1	☐	☐	Báo cáo bổ sung, sửa chữa luận án theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá cấp trường <i>(có xác nhận của người hướng dẫn, thư ký và chủ tịch Hội đồng)</i>
2	☐	☐	Biên nhận của Thư viện Quốc gia về việc nhận luận án và tóm tắt luận án.
3	☐	☐	Biên nhận của Thư viện ĐHKQTĐ về việc nhận luận án và tóm tắt luận án.
4	☐	☐	Phiếu chi tiết thu nộp học phí <i>(của Phòng Tài chính-Kế toán)</i>
5	☐	☐	Bản mềm toàn văn luận án và tóm tắt luận án hoàn chỉnh sau khi đã bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường và Hội đồng thẩm định (nếu có), gửi đến email ...

Hẹn NCS sau ngày mang theo giấy biên nhận hồ sơ này đến nhận kết quả.

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu D43. Quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHKTQD ngày ... của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ đề nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ được thành lập theo Quyết định số .../QĐ-ĐHKTQD ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Xét đề nghị của Hội đồng Khoa học - Đào tạo Trường và Viện Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh có tên sau đây:

Nghiên cứu sinh:

Ngày sinh:

Chuyên ngành:

Mã số:

Ngày bảo vệ luận án:

Điều 2. Nghiên cứu sinh có tên tại Điều 1 được giao nhiệm vụ và được hưởng quyền lợi do Nhà nước quy định cho người có học vị tiến sĩ kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Viện Đào tạo Sau đại học, các đơn vị có liên quan và nghiên cứu sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu ...

HIỆU TRƯỞNG